

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG

KHOA KINH TẾ
BỘ MÔN KẾ TOÁN



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

ĐỀ TÀI :

KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH
KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN VIỆT ANGROUP

Giảng viên hướng dẫn : TS. Trần Thượng Bích La

Sinh viên thực hiện : Võ Thị Thùy Trang

Mã số sinh viên : 2254010017

Khóa học : 2022 - 2026

Lớp : 22KH1

Đà Nẵng, tháng 05 năm 2026.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

KHOA KINH TẾ

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BỘ MÔN KẾ TOÁN

Đà Nẵng, ngày 02 tháng 03 năm 2026

GIAO NHIỆM VỤ KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Năm học: 2025 – 2026

1. Thông tin tác giả thực hiện

- Họ và tên sinh viên : Võ Thị Thùy Trang
- Chuyên ngành : Kế toán
- Trình độ đào tạo : Đại học
- Khóa học : 2022-2026

2. Tên đề tài khóa luận tốt nghiệp: KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VIỆT ANGROUP

3. Cán bộ hướng dẫn: TS. Trần Thượng Bích La

4. Ngày giao nhiệm vụ làm khóa luận tốt nghiệp: 02/03/2026

5. Ngày sinh viên hoàn thành khóa luận tốt nghiệp: 25/05/2026

Giảng viên hướng dẫn

MỤC LỤC

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH.....	1
1.1 Một số vấn đề về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	1
1.1.1 Khái niệm doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	1
<i>a. Khái niệm doanh thu.....</i>	<i>1</i>
<i>b. Khái niệm chi phí.....</i>	<i>1</i>
<i>c. Khái niệm kết quả kinh doanh</i>	<i>2</i>
1.1.2. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	2
<i>a. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu</i>	<i>2</i>
<i>b. Nhiệm vụ của kế toán chi phí.....</i>	<i>2</i>
<i>c. Nhiệm vụ của kế toán xác định kết quả kinh doanh</i>	<i>3</i>
1.2. Kế toán các khoản doanh thu, thu nhập.....	3
1.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	3
<i>a. Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	<i>3</i>
<i>b. Phương thức bán hàng, phương thức thanh toán.....</i>	<i>4</i>
<i>c. Chứng từ sử dụng.....</i>	<i>5</i>
<i>d. Tài khoản sử dụng</i>	<i>5</i>
<i>e. Phương pháp hạch toán.....</i>	<i>6</i>
1.2.2 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu	8
<i>a. Khái niệm các khoản giảm trừ doanh thu</i>	<i>8</i>
<i>b. Chứng từ sử dụng</i>	<i>8</i>
<i>c. Tài khoản sử dụng.....</i>	<i>8</i>
<i>d. Phương pháp hạch toán.....</i>	<i>9</i>
1.2.3 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính	10
<i>a. Nội dung và điều kiện ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính.....</i>	<i>10</i>
<i>b. Chứng từ sử dụng</i>	<i>10</i>
<i>c. Tài khoản sử dụng.....</i>	<i>10</i>
<i>d. Phương pháp hạch toán.....</i>	<i>11</i>
1.2.4 Kế toán thu nhập khác.....	12

a. Nội dung thu nhập khác.....	12
b. Chứng từ sử dụng	12
c. Tài khoản sử dụng.....	13
d. Phương pháp hạch toán.....	13
1.3 Kế toán các khoản chi phí	14
1.3.1 Kế toán giá vốn hàng bán.....	14
a. Khái niệm giá vốn hàng bán.....	14
b. Phương pháp tính giá xuất kho	14
c. Chứng từ sử dụng.....	15
d. Tài khoản sử dụng	15
e. Phương pháp hạch toán.....	16
1.3.2 Kế toán chi phí tài chính	17
a. Khái niệm chi phí tài chính.....	17
b. Chứng từ sử dụng	17
c. Tài khoản sử dụng.....	17
d. Phương pháp hạch toán.....	18
1.3.3 Kế toán chi phí bán hàng	19
a. Khái niệm chi phí bán hàng.....	19
b. Chứng từ sử dụng	19
c. Tài khoản sử dụng.....	19
d. Phương pháp hạch toán.....	20
1.3.4 Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.....	21
a. Khái niệm chi phí quản lý doanh nghiệp.....	21
b. Chứng từ sử dụng	21
c. Tài khoản sử dụng.....	21
d. Phương pháp hạch toán.....	22
1.3.5 Kế toán chi phí khác	24
a. Nội dung chi phí khác.....	24
b. Chứng từ sử dụng	24
c. Tài khoản sử dụng.....	24
d. Phương pháp hạch toán.....	25

1.3.6 Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.....	26
<i>a. Khái niệm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.....</i>	<i>26</i>
<i>b. Chứng từ sử dụng</i>	<i>26</i>
<i>c. Tài khoản sử dụng.....</i>	<i>26</i>
<i>d. Phương pháp hạch toán.....</i>	<i>26</i>
1.4 Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh	27
<i>a. Khái niệm kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh.....</i>	<i>27</i>
<i>b. Tài khoản sử dụng</i>	<i>28</i>
<i>c. Phương pháp hạch toán.....</i>	<i>28</i>
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VIỆT ANGROUP	30
2.1 Tổng quan về Công ty cổ phần tập đoàn Việt Angroup	30
<i>2.1.1 Giới thiệu về Công ty cổ phần tập đoàn Việt Angroup.....</i>	<i>30</i>
<i>2.1.2 Quá trình hình thành và phát triển của Công ty cổ phần tập đoàn Việt Angroup</i>	<i>30</i>
<i>2.1.3 Bộ máy quản lý của Công ty cổ phần tập đoàn Việt Angroup.....</i>	<i>31</i>
<i>a. Sơ đồ bộ máy quản lý của Công ty cổ phần tập đoàn Việt Angroup</i>	<i>31</i>
<i>b. Chức năng của từng bộ phận.....</i>	<i>31</i>
<i>c. Sơ đồ bộ máy kế toán của Công ty cổ phần tập đoàn Việt Angroup.....</i>	<i>32</i>
<i>d. Chức năng của từng bộ phận.....</i>	<i>33</i>
<i>2.1.4 Hình thức ghi sổ và phần mềm kế toán sử dụng tại Công ty cổ phần tập đoàn Việt Angroup.....</i>	<i>33</i>
<i>a. Hình thức ghi sổ kế toán tại Công ty cổ phần tập đoàn Việt Angroup và trình tự luân chuyển chứng từ</i>	<i>33</i>
<i>b. Phần mềm kế toán sử dụng.....</i>	<i>34</i>
<i>2.1.5 Chế độ kế toán và một số chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty cổ phần tập đoàn Việt Angroup</i>	<i>36</i>
2.2 Thực trạng kế toán các khoản doanh thu tại Công ty cổ phần tập đoàn Việt Angroup	36
<i>2.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty cổ phần tập đoàn Việt Angroup.....</i>	<i>36</i>

a. Chứng từ sử dụng	36
b. Tài khoản sử dụng	36
c. Sổ sách sử dụng	37
d. Phương pháp hạch toán.....	37
2.2.2 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu tại Công ty cổ phần tập đoàn Việt Angroup	48
2.2.3 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính tại Công ty cổ phần tập đoàn Việt Angroup	48
a. Chứng từ sử dụng	48
b. Tài khoản sử dụng	48
c. Sổ sách sử dụng	48
d. Minh họa nghiệp vụ kinh tế phát sinh.....	48
2.2.4 Kế toán thu nhập khác tại Công ty cổ phần tập đoàn Việt Angroup.....	50
a. Chứng từ sử dụng	50
b. Tài khoản sử dụng	50
c. Sổ sách sử dụng	50
d. Phương pháp hạch toán.....	50
2.3 Thực trạng kế toán các khoản chi phí tại Công ty cổ phần tập đoàn Việt Angroup	52
2.3.1 Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty cổ phần tập đoàn Việt Angroup...52	
a. Chứng từ sử dụng	52
b. Tài khoản sử dụng	52
c. Sổ sách sử dụng	52
d. Phương pháp hạch toán.....	52
2.3.2 Kế toán chi phí tài chính tại Công ty cổ phần tập đoàn Việt Angroup.....56	
a. Chứng từ sử dụng	56
b. Tài khoản sử dụng	57
c. Sổ sách sử dụng	57
d. Phương pháp hạch toán.....	57
2.3.3 Kế toán chi phí bán hàng tại Công ty cổ phần tập đoàn Việt Angroup....59	
a. Chứng từ sử dụng	59

<i>b. Tài khoản sử dụng</i>	<i>59</i>
<i>c. Sổ sách sử dụng</i>	<i>60</i>
<i>d. Phương pháp hạch toán.....</i>	<i>60</i>
2.3.4 Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp tại Công ty cổ phần tập đoàn Việt Angroup	61
<i>a. Chứng từ sử dụng</i>	<i>61</i>
<i>b. Tài khoản sử dụng</i>	<i>61</i>
<i>c. Sổ sách sử dụng</i>	<i>62</i>
<i>d. Phương pháp hạch toán.....</i>	<i>62</i>
2.3.5 Kế toán chi phí khác tại Công ty cổ phần tập đoàn Việt Angroup	72
<i>a. Chứng từ sử dụng</i>	<i>72</i>
<i>b. Tài khoản sử dụng</i>	<i>72</i>
<i>c. Sổ sách sử dụng</i>	<i>72</i>
<i>d. Phương pháp hạch toán.....</i>	<i>72</i>
2.3.6 Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tại Công ty cổ phần tập đoàn Việt Angroup.....	75
2.4 Thực trạng kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty cổ phần tập đoàn Việt Angroup	76
<i>a. Tài khoản sử dụng</i>	<i>76</i>
<i>b. Sổ sách sử dụng</i>	<i>76</i>
<i>c. Phương pháp hạch toán.....</i>	<i>76</i>
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ NHẬN XÉT VÀ Ý KIẾN GÓP PHẦN HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VIỆT ANGROUP	79
3.1 Đánh giá về thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần tập đoàn Việt Angroup.....	79
3.1.1 Ưu điểm	79
<i>a. Về tổ chức chứng từ kế toán</i>	<i>79</i>
<i>b. Về kế toán doanh thu, thu nhập</i>	<i>80</i>
<i>c. Về kế toán chi phí.....</i>	<i>80</i>
<i>d. Về kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh.....</i>	<i>80</i>
3.1.2 Hạn chế	81

<i>a. Về tổ chức chứng từ kế toán</i>	<i>81</i>
<i>b. Về kế toán doanh thu, thu nhập</i>	<i>81</i>
<i>c. Về kế toán chi phí.....</i>	<i>81</i>
<i>d. Về kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh</i>	<i>82</i>
3.2 Một số ý kiến hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần tập đoàn Việt Angroup.....	83
<i>3.2.1 Hoàn thiện kế toán doanh thu, thu nhập</i>	<i>83</i>
<i>3.2.2 Hoàn thiện kế toán chi phí.....</i>	<i>84</i>
<i>3.2.3 Hoàn thiện kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh</i>	<i>86</i>
<i>3.2.4 Hoàn thiện ứng dụng phần mềm kế toán.....</i>	<i>87</i>

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1: Sơ đồ kế toán doanh thu bán hàng trực tiếp

Sơ đồ 1.2: Sơ đồ kế toán doanh thu bán hàng trả chậm trả góp

Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán bán hàng thông qua đại lý tại đơn vị giao hàng đại lý

Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán bán hàng thông qua đại lý tại đơn vị nhận làm đại lý

Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán kế toán giảm trừ doanh thu

Sơ đồ 1.6: Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính

Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hạch toán thu nhập khác

Sơ đồ 1.8: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp KKTX

Sơ đồ 1.9: Sơ đồ hạch toán chi phí tài chính

Sơ đồ 1.10: Sơ đồ hạch toán chi phí bán hàng

Sơ đồ 1.11: Sơ đồ hạch toán chi phí QLDN

Sơ đồ 1.12: Sơ đồ hạch toán chi phí khác

Sơ đồ 1.13: Sơ đồ hạch toán thuế TNDN hiện hành

Sơ đồ 1.14: Sơ đồ hạch toán thuế TNDN hoãn lại

Sơ đồ 2.1: Sơ đồ bộ máy quản lý của công ty

Sơ đồ 2.2: Bộ máy kế toán của công ty

Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán

Sơ đồ 2.4: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung trên máy tính

Sơ đồ 2.5: Quy trình luân chuyển chứng từ doanh thu bán hàng và CCDV

DANH MỤC HÌNH ẢNH

Hình 1: Hóa đơn GTGT số 32579

Hình 2: Hóa đơn GTGT số 34270

Hình 3: Hóa đơn GTGT số 29441

Hình 4: Trích Sổ chi tiết tài khoản 5111

Hình 5: Trích Sổ chi tiết tài khoản 5112

Hình 6: Trích Sổ chi tiết tài khoản 5113

Hình 7: Trích Sổ Cái tài khoản 511

Hình 8: Trích Sổ chi tiết tài khoản 515

Hình 9: Trích Sổ Cái tài khoản 515

Hình 10: Trích sổ chi tiết tài khoản 711

Hình 11: Trích Sổ Cái tài khoản 711

Hình 12: Trích Sổ chi tiết tài khoản 6321

Hình 13: Trích Sổ Cái tài khoản 632

Hình 14: Hóa đơn GTGT số 150469

Hình 15: Trích Sổ chi tiết tài khoản 635

Hình 16: Trích Sổ Cái tài khoản 635

Hình 17: Trích Sổ chi tiết tài khoản 6411

Hình 18: Trích Sổ Cái tài khoản 641

Hình 19: Giấy nộp tiền lệ phí môn bài

Hình 20: Hóa đơn tiền điện tháng 12.2025

Hình 21: Hóa đơn tiền nước tháng 12.2025

Hình 22: Hóa đơn GTGT 2699

Hình 23: Hóa đơn GTGT số 1005

Hình 24: Trích Sổ chi tiết tài khoản 6421

Hình 25: Trích Sổ chi tiết tài khoản 6423

Hình 26: Trích Sổ chi tiết tài khoản 6425

Hình 27: Trích Sổ chi tiết tài khoản 6427

Hình 28: Trích Sổ chi tiết tài khoản 6428

Hình 29: Trích Sổ Cái tài khoản 642

Hình 30: Giấy nộp tiền chậm nộp thuế GTGT

Hình 31: Trích Sổ chi tiết tài khoản 811

Hình 32: Trích Sổ Cái tài khoản 811

Hình 33: Trích Sổ chi tiết tài khoản 911

Hình 34: Sổ Cái tài khoản 911

Hình 35: Minh họa sổ chi tiết tài khoản 6321

Hình 36: Minh họa sổ chi tiết tài khoản 6322

Hình 37: Minh họa sổ chi tiết tài khoản 6323

Hình 38: Giao diện khai báo định mức nguyên vật liệu

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

STT	TỪ VIẾT TẮT	DIỄN GIẢI
1	BĐS	Bất động sản
2	BHTN	Bảo hiểm thất nghiệp
3	BHXH	Bảo hiểm xã hội
4	BHYT	Bảo hiểm y tế
5	BTC	Bộ tài chính
6	BVMT	Bảo vệ môi trường
7	CCDC	Công cụ dụng cụ
8	CCDV	Cung cấp dịch vụ
9	CKTM	Chiết khấu thương mại
10	DN	Doanh nghiệp
11	GGHB	Giảm giá hàng bán
12	GTCL	Giá trị còn lại
13	GTGS	Giá trị ghi sổ
14	GTGT	Giá trị gia tăng
15	HMLK	Hao mòn lũy kế
16	HTK	Hàng tồn kho
17	KKTX	Kê khai thường xuyên
18	KPCĐ	Kinh phí công đoàn
19	NK	Nhập khẩu
20	NSNN	Ngân sách nhà nước
21	QĐ	Quyết định
22	QLDN	Quản lý doanh nghiệp
23	SP	Sản phẩm
24	SXKD	Sản xuất kinh doanh
25	TK	Tài khoản
26	TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
27	TSCĐ	Tài sản cố định
28	TT	Thông tư
29	TTĐB	Tiêu thụ đặc biệt
30	XK	Xuất khẩu

LỜI CẢM ƠN

Trong quá trình thực hiện khóa luận tốt nghiệp chuyên ngành Kế toán tại Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng, em đã nhận được sự hỗ trợ quý báu từ quý thầy cô và đơn vị thực tập. Đây là nguồn động lực quan trọng giúp em hoàn thành đề tài một cách hiệu quả và đúng tiến độ.

Trước hết, em xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến T.S Trần Thượng Bích La, người đã tận tình hướng dẫn, định hướng khoa học và luôn tạo điều kiện thuận lợi cho em trong suốt quá trình nghiên cứu. Những góp ý chuyên môn và sự tận tâm của cô là nền tảng quan trọng giúp em hoàn thiện bài khóa luận này.

Em xin chân thành cảm ơn Ban Giám hiệu và quý thầy cô Khoa Kinh tế – Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng đã trang bị cho em hệ thống kiến thức chuyên môn vững chắc trong suốt thời gian học tập tại trường. Những kiến thức này đã trở thành hành trang quan trọng, giúp em tự tin khi tiếp cận và xử lý các vấn đề thực tiễn trong đề tài.

Bên cạnh đó, em xin gửi lời cảm ơn đến Công ty Cổ phần Tập đoàn Việt Angroup đã tạo điều kiện cho em được thực tập và hỗ trợ nhiệt tình trong quá trình thu thập số liệu, tìm hiểu nghiệp vụ kế toán. Sự giúp đỡ của quý công ty đã giúp em có cơ hội vận dụng kiến thức vào thực tế và hoàn thiện khóa luận một cách thiết thực hơn.

Mặc dù đã nỗ lực hết mình, nhưng bài khóa luận không tránh khỏi những hạn chế. Em rất mong nhận được ý kiến đóng góp từ quý thầy cô để bài nghiên cứu được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

LỜI MỞ ĐẦU

Trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam đang phát triển mạnh mẽ và cạnh tranh ngày càng gay gắt, các doanh nghiệp thương mại không chỉ chú trọng mở rộng thị trường mà còn phải nâng cao hiệu quả quản trị hoạt động kinh doanh. Trong đó, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đóng vai trò quan trọng trong việc phản ánh chính xác hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

Thực tế cho thấy, hoạt động bán hàng là yếu tố quyết định đến sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp, đồng thời là nguồn tạo ra doanh thu để bù đắp chi phí và thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước. Trong điều kiện hiện nay, yêu cầu về tính minh bạch và cung cấp thông tin kịp thời càng đặt ra yêu cầu hoàn thiện công tác kế toán.

Trong thời gian thực tập tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Việt Angroup, em nhận thấy công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty vẫn còn một số hạn chế cần được hoàn thiện. Xuất phát từ đó, em lựa chọn đề tài:

“Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Việt Angroup” làm đề tài khóa luận tốt nghiệp.

Đối tượng nghiên cứu: Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại doanh nghiệp.

Phạm vi nghiên cứu được thực hiện tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Việt Angroup, tập trung vào số liệu và tình hình thực tế trong năm 2025, liên quan đến việc ghi nhận doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty.

Phương pháp nghiên cứu: Đề tài sử dụng các phương pháp nghiên cứu chủ yếu như: phương pháp thu thập số liệu từ chứng từ, sổ sách kế toán và báo cáo tài chính; phương pháp phân tích, so sánh và tổng hợp số liệu; kết hợp với phương pháp quan sát thực tế và trao đổi với cán bộ kế toán tại doanh nghiệp nhằm làm rõ nội dung nghiên cứu.

Nội dung khóa luận ngoài phần mở đầu và kết luận, bố cục khóa luận gồm ba chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Chương 2: Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần tập đoàn Việt Angroup

Chương 3: Một số nhận xét và ý kiến góp phần hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần tập đoàn Việt Angroup.

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH

Trong chương này, nội dung cơ sở lý luận được xây dựng và trình bày dựa trên các nguyên tắc và phương pháp kế toán theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành, hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

1.1 Một số vấn đề về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

1.1.1 Khái niệm doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

a. Khái niệm doanh thu

Doanh thu giữ vai trò đặc biệt quan trọng đối với doanh nghiệp vì mục tiêu cốt lõi của hoạt động kinh doanh là lợi nhuận, mà để có lợi nhuận thì trước hết doanh nghiệp phải tạo ra doanh thu. Đây là nguồn thu giúp doanh nghiệp chi trả các chi phí phát sinh trong quá trình hoạt động như thuê địa điểm, phí, lệ phí và thực hiện nghĩa vụ thuế với Nhà nước. Đồng thời, doanh thu còn là cơ sở để doanh nghiệp duy trì và mở rộng hoạt động trong tương lai.

Theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01 “Chuẩn mực chung” (ban hành theo Quyết định 165/2002/QĐ-BTC), doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác, làm tăng vốn chủ sở hữu, không bao gồm khoản góp vốn của chủ sở hữu.

Theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của BTC về Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp “Doanh thu được hiểu là lợi ích kinh tế thu được làm tăng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp ngoại trừ phần đóng góp thêm của các cổ đông. doanh thu không bao gồm các khoản thu hộ bên thứ ba”.

b. Khái niệm chi phí

Chi phí là một trong những yếu tố trung tâm của công tác quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Chi phí được nhìn nhận theo nhiều góc độ khác nhau. Chi phí được hiểu một cách trừu tượng là biểu hiện bằng tiền của những hao phí lao động sống và lao động vật hoá phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh được tính trong một thời kì nhất định. Hoặc chi phí là những phí tổn về nguồn lực, tài sản cụ thể và dịch vụ sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Cụ thể:

Theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của BTC về Hướng dẫn chế độ kế toán DN “Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa”.

Theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01 “Chuẩn mực chung” (Ban hành và công bố theo Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 của Bộ trưởng BTC) định nghĩa về Chi phí như sau: “Chi phí là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ tài sản hoặc phát sinh các khoản nợ dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu, không bao gồm khoản phân phối cho cổ đông hoặc chủ sở hữu”.

c. Khái niệm kết quả kinh doanh

Kết quả kinh doanh là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một thời gian nhất định (tháng, quý, năm), biểu hiện bằng số tiền lãi hay lỗ.

Xác định kết quả kinh doanh là việc so sánh giữa doanh thu, thu nhập và chi phí kinh doanh. Nếu doanh thu, thu nhập lớn hơn chi phí thì kết quả bán hàng là lãi, doanh thu, thu nhập nhỏ hơn chi phí thì kết quả bán hàng là lỗ. Việc xác định kết quả bán hàng thường được tiến hành vào cuối kỳ kinh doanh, thường là cuối tháng, cuối quý, cuối năm, tùy thuộc vào đặc điểm kinh doanh và yêu cầu quản lý của từng doanh nghiệp.

1.1.2. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

a. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu

Công tác kế toán doanh thu trong doanh nghiệp đòi hỏi phải xác định đúng phạm vi và thời điểm ghi nhận doanh thu, đảm bảo nguyên tắc phù hợp và đúng kỳ, đặc biệt trong hoạt động kinh doanh. Việc xuất hóa đơn bán hàng cần được thực hiện căn cứ vào hợp đồng đã ký kết hoặc theo tiến độ bàn giao hàng hóa, dịch vụ. Đồng thời, kế toán phải thực hiện hạch toán đúng theo quy định của chế độ kế toán hiện hành, đáp ứng yêu cầu quản lý doanh thu của doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, doanh nghiệp cần tổ chức hệ thống luân chuyển chứng từ một cách hợp lý, khoa học nhằm cung cấp thông tin kịp thời và chính xác. Doanh thu bán hàng phải được phản ánh đầy đủ, kịp thời trên sổ kế toán tổng hợp, đồng thời theo dõi chi tiết về số lượng, giá trị hàng bán theo từng nhóm hàng hóa, từng khách hàng và từng phương thức bán hàng. Ngoài ra, kế toán doanh thu còn có trách nhiệm xử lý các vấn đề phát sinh như sai sót trong quá trình xuất hóa đơn, điều chỉnh hóa đơn và giải quyết các khiếu nại liên quan (nếu có).

b. Nhiệm vụ của kế toán chi phí

Công tác kế toán chi phí trong doanh nghiệp cần đảm bảo phản ánh chính xác, kịp thời và đầy đủ các khoản chi phí phát sinh trong quá trình hoạt động. Việc thu thập và xử lý thông tin, số liệu kế toán phải được thực hiện theo đúng đối tượng và

nội dung của kế toán chi phí, đồng thời tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành.

Bên cạnh đó, kế toán cần theo dõi chi tiết chi phí theo từng yếu tố và từng khoản mục nhằm phục vụ yêu cầu quản lý. Trên cơ sở đó, doanh nghiệp tiến hành lập các báo cáo chi phí theo nhu cầu quản trị, tổ chức phân tích tình hình chi phí, xây dựng dự toán và tư vấn cho nhà quản lý lựa chọn phương án sử dụng chi phí tiết kiệm, hiệu quả. Ngoài ra, kế toán còn có nhiệm vụ kiểm tra, giám sát các khoản chi phí phát sinh nhằm đảm bảo tính hợp lý, hợp lệ và hiệu quả trong quá trình sử dụng chi phí của doanh nghiệp.

c. Nhiệm vụ của kế toán xác định kết quả kinh doanh

Công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp cần đảm bảo phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác các khoản doanh thu, thu nhập và chi phí phát sinh của từng hoạt động. Trên cơ sở đó, kế toán thực hiện việc tổng hợp và tính toán chính xác kết quả kinh doanh trong kỳ, làm căn cứ đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, kế toán còn có nhiệm vụ cung cấp thông tin theo yêu cầu quản trị nội bộ, đồng thời tổ chức phân tích các số liệu nhằm phục vụ cho việc lập kế hoạch và hỗ trợ Ban lãnh đạo trong quá trình ra quyết định liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

1.2. Kế toán các khoản doanh thu, thu nhập

1.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

a. Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện được ghi nhận cụ thể đối với từng loại doanh thu. Theo Điều 79 Thông tư 200/2014/TT-BTC quy định:

❖ *Doanh nghiệp chỉ ghi nhận doanh thu bán hàng khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:*

+ Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua

+ Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa

+ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không

còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác)

- + Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng
- + Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

❖ *Doanh nghiệp chỉ ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:*

+ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp

+ Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó

+ Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo

+ Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

b. Phương thức bán hàng, phương thức thanh toán

❖ ***Phương thức bán hàng:***

- *Phương thức bán hàng trực tiếp:* Là hình thức bên mua cử đại diện đến kho hoặc nơi sản xuất của doanh nghiệp để nhận hàng. Sau khi giao hàng và bên mua thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán, hàng hóa được xác định là đã tiêu thụ.

- *Phương thức chuyển hàng:* Là hình thức bên bán gửi hàng cho khách theo hợp đồng đã ký kết, hàng vẫn thuộc quyền kiểm soát của bên bán cho đến khi khách hàng thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán, khi đó rủi ro và lợi ích được chuyển giao và doanh thu được ghi nhận.

- *Phương thức bán hàng thông qua đại lý:*

Đối với phương thức bán hàng qua đại lý, hàng gửi đi vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp cho đến khi được tiêu thụ. Khi bán được hàng, doanh nghiệp trả hoa hồng cho đại lý theo tỷ lệ thỏa thuận. Đối với bên nhận đại lý, hàng hóa không thuộc sở hữu của họ, doanh thu là khoản hoa hồng được hưởng; sau đó đại lý gửi bảng kê bán hàng để doanh nghiệp lập hóa đơn và ghi nhận doanh thu.

- *Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp:* Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp cho phép người mua thanh toán nhiều lần và thường kèm theo khoản lãi trả chậm. Về hạch toán, khi giao hàng, doanh thu vẫn được ghi nhận dù quyền sở hữu chỉ chấm dứt khi người mua thanh toán đủ.

- *Phương thức tiêu thụ khác*: Ngoài ra, doanh nghiệp còn có các phương thức tiêu thụ khác như sử dụng sản phẩm để thanh toán tiền lương, tiền thưởng hoặc trao đổi hàng hóa.

❖ **Phương thức thanh toán:**

- *Thanh toán bằng tiền mặt*: Là hình thức người mua trả tiền trực tiếp tại doanh nghiệp khi nhận hàng hóa, dịch vụ mà không thông qua ngân hàng. Phương thức này thường áp dụng đối với các giao dịch nhỏ lẻ, giá trị không lớn hoặc khi khách hàng chưa có tài khoản ngân hàng.

- *Thanh toán qua ngân hàng*: Thanh toán qua ngân hàng được thực hiện thông qua các công cụ trung gian. Trong đó, chuyển khoản là hình thức người mua ủy nhiệm cho ngân hàng trích tiền từ tài khoản của mình để chuyển cho người bán theo thời gian và địa điểm xác định. Thanh toán bằng séc là việc chủ tài khoản lập séc theo mẫu của ngân hàng để yêu cầu chi trả cho người thụ hưởng khi xuất trình. Bên cạnh đó, ủy nhiệm chi là lệnh thanh toán do chủ tài khoản lập, yêu cầu ngân hàng trích tiền từ tài khoản để thanh toán cho đối tượng nhận tiền.

- *Một số hình thức thanh toán khác*: Ngoài ra, doanh nghiệp còn có thể áp dụng các hình thức thanh toán khác tùy theo đặc điểm giao dịch và thỏa thuận giữa các bên như thanh toán bằng thư tín dụng, thẻ thanh toán hoặc bù trừ công nợ.

c. Chứng từ sử dụng

- Đơn đặt hàng, hóa đơn GTGT, biên bản giao nhận hàng hóa, hợp đồng mua bán,..
- Các chứng từ có liên quan khác (Phiếu thu, Giấy báo có,..)

d. Tài khoản sử dụng

Theo quy định tại Điều 79 Thông tư 200/2014/TT-BTC:

Tài khoản 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, có 6 tài khoản cấp 2:

- + *Tài khoản 5111 - Doanh thu bán hàng hóa*: phản ánh doanh thu bán hàng hóa, áp dụng chủ yếu cho doanh nghiệp kinh doanh hàng hóa, vật tư.
- + *Tài khoản 5112 - Doanh thu bán các thành phẩm*: phản ánh doanh thu bán thành phẩm, bán thành phẩm trong các ngành sản xuất như công nghiệp, nông nghiệp, xây lắp.
- + *Tài khoản 5113 - Doanh thu cung cấp dịch vụ*: phản ánh doanh thu dịch vụ đã hoàn thành như vận tải, du lịch, bưu chính, kế toán, kiểm toán.
- + *Tài khoản 5114 - Doanh thu trợ cấp, trợ giá*: phản ánh các khoản trợ cấp, trợ giá của Nhà nước khi doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu.
- + *Tài khoản 5117 - Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư*: phản ánh doanh thu cho thuê, bán, thanh lý bất động sản đầu tư.

+ *Tài khoản 5118 - Doanh thu khác*: phản ánh các khoản doanh thu ngoài các loại trên như bán vật liệu, phế liệu, nhượng bán công cụ, dụng cụ.

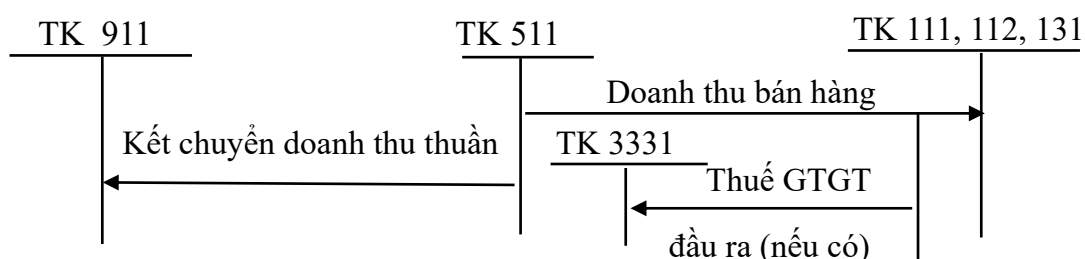
Kết cấu tài khoản:

NỢ	TK 511	CÓ
- Các khoản thuế gián thu phải nộp (GTGT, TTĐB, XK, BVMT) - Doanh thu hàng bán bị trả lại kết chuyển cuối kỳ; - Khoản giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ; - Khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ; - Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh".		- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ

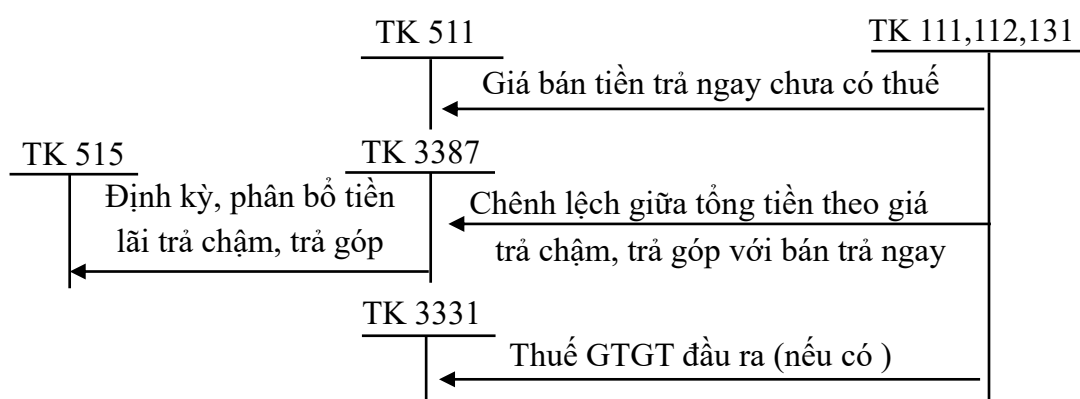
e. *Phương pháp hạch toán*

- *Sơ đồ hạch toán trường hợp doanh thu thu được từ bán hàng trực tiếp:*



Sơ đồ 1.1: Sơ đồ kế toán doanh thu bán hàng trực tiếp

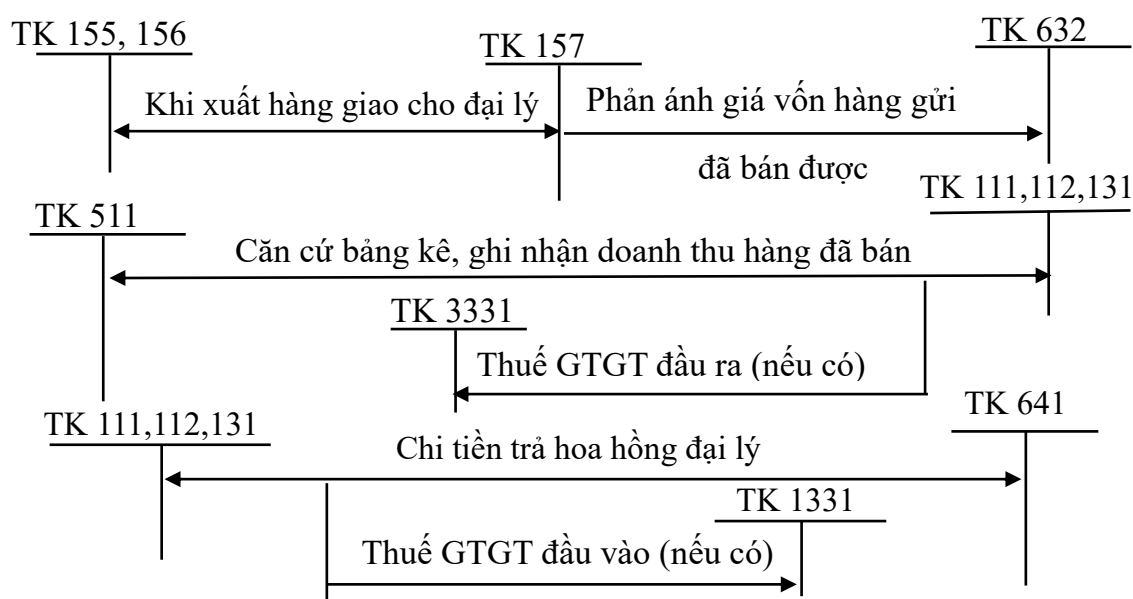
- *Sơ đồ hạch toán trường hợp doanh thu thu được từ bán hàng trả chậm trả góp*



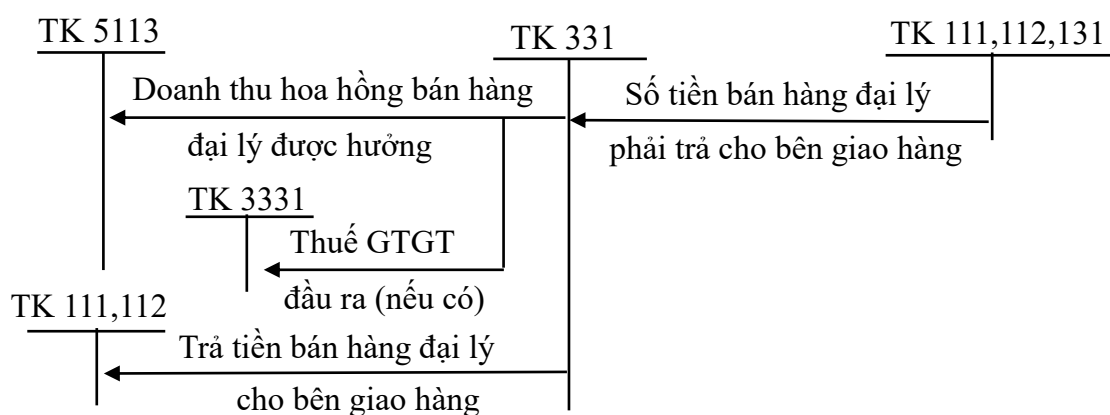
Sơ đồ 1.2: Sơ đồ kế toán doanh thu bán hàng trả chậm trả góp

- Sơ đồ hạch toán trường hợp bán hàng thông qua đại lý bán đúng giá hưởng hoa hồng:

+ Tại đơn vị giao hàng đại lý:



Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán bán hàng thông qua đại lý tại đơn vị giao hàng đại lý
 + Tại đơn vị nhận làm đại lý, bán đúng giá hưởng hoa hồng:



Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán bán hàng thông qua đại lý tại đơn vị nhận làm đại lý

➤ **Những thay đổi của Thông tư 99 so với Thông tư 200:**

Về nguyên tắc ghi nhận, Thông tư 99 chuyển từ cách tiếp cận dựa trên “chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích” sang dựa trên việc hoàn thành nghĩa vụ với khách hàng. Theo đó, doanh thu được ghi nhận khi doanh nghiệp đã thực hiện nghĩa vụ cung cấp hàng hóa, dịch vụ, không phụ thuộc vào thời điểm thu tiền.

Đối với doanh thu cung cấp dịch vụ, đặc biệt là các hợp đồng dài hạn như xây lắp, doanh thu được ghi nhận theo mức độ hoàn thành nghĩa vụ, giúp phân bổ hợp lý giữa các kỳ kế toán và hạn chế việc ghi nhận dồn vào cuối kỳ.

Về tài khoản 511, Thông tư 99 cơ bản kế thừa Thông tư 200 nhưng linh hoạt hơn khi cho phép doanh nghiệp chủ động mở thêm tài khoản chi tiết theo hợp đồng, sản phẩm hoặc dịch vụ, phục vụ tốt hơn yêu cầu quản lý và phân tích doanh thu.

Đối với bán hàng trả chậm, trả góp, doanh thu tại thời điểm bán được ghi nhận theo giá bán thu tiền ngay; phần chênh lệch được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính và phân bổ dần. Doanh nghiệp ghi nhận khoản phải thu theo tổng giá thanh toán, sau đó phân bổ lãi và ghi giảm công nợ khi thu tiền, đảm bảo phản ánh đúng bản chất giao dịch.

Về trình bày, Thông tư 99 tiếp tục duy trì chỉ tiêu doanh thu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và cho phép bổ sung chi tiết khi cần thiết, góp phần nâng cao chất lượng thông tin cung cấp cho người sử dụng báo cáo tài chính.

1.2.2 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

a. Khái niệm các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản phát sinh được điều chỉnh giảm doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ kế toán. Các khoản giảm trừ doanh thu đó bao gồm: chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

b. Chứng từ sử dụng

- Chiết khấu thương mại: Hóa đơn GTGT, biên bản điều chỉnh, hóa đơn điều chỉnh. Ngoài ra chứng từ kèm theo là các văn bản về chính sách chiết khấu thương mại của công ty.

- Giảm giá hàng bán: Biên bản điều chỉnh, hóa đơn điều chỉnh kèm bảng kê.

- Hàng bán bị trả lại: Hóa đơn của bên mua xuất trả lại hàng đã mua. Kèm theo các văn bản về lý do bị trả.

c. Tài khoản sử dụng

Theo quy định tại Điều 81 Thông tư 200/2014/TT-BTC:

- Tài khoản 521 có 3 tài khoản cấp 2:

+ Tài khoản 5211 - Chiết khấu thương mại: Dùng để phản ánh khoản chiết khấu cho khách hàng mua với khối lượng lớn nhưng chưa được trừ trực tiếp trên hóa đơn trong kỳ.

+ Tài khoản 5212 - Hàng bán bị trả lại: dùng để phản ánh doanh thu của hàng hóa, dịch vụ đã bán nhưng bị khách hàng trả lại trong kỳ.

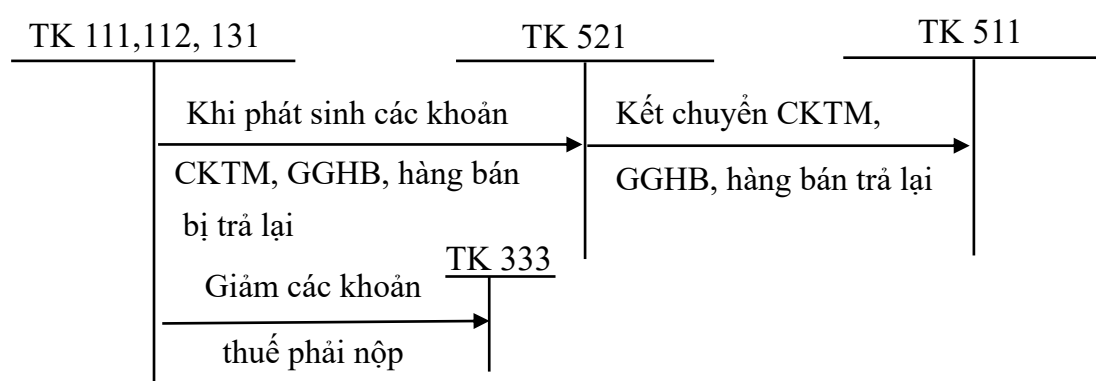
+ Tài khoản 5213 - Giảm giá hàng bán: Dùng để phản ánh khoản giảm giá cho người mua do hàng hóa, dịch vụ kém chất lượng hoặc không đúng quy cách mà chưa được ghi giảm trên hóa đơn.

Kết cấu tài khoản:

NỢ	TK 521	CÓ
- Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng - Số giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng - Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu khách hàng về số sản phẩm, hàng hóa đã bán		- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, doanh thu của hàng bán bị trả lại sang tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo.

Tài khoản 521 không có số dư cuối kỳ

d. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán kế toán giảm trừ doanh thu

➤ **Những thay đổi của Thông tư 99 so với Thông tư 200:**

Về chiết khấu thương mại, Thông tư 99 mở rộng phạm vi áp dụng khi cho phép xác định khoản chiết khấu không chỉ dựa trên khối lượng mà còn dựa trên giá trị hàng mua.

Đối với giảm giá hàng bán, Thông tư 99 làm rõ bản chất là khoản giảm so với giá niêm yết do hàng hóa kém phẩm chất, không đúng quy cách hoặc không đáp ứng điều kiện hợp đồng. Quy định này cụ thể hơn so với Thông tư 200, giúp việc ghi nhận và kiểm soát chặt chẽ hơn.

Bên cạnh đó, Thông tư 99 thay đổi thuật ngữ từ “ngày lập Bảng cân đối kế toán” sang “ngày lập Báo cáo tài chính”, thể hiện cách tiếp cận đồng bộ hơn trong xử lý các thông tin kế toán, bao gồm cả các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau kỳ.

Về tài khoản 521, Thông tư 99 kế thừa nội dung phản ánh nhưng cho phép doanh nghiệp chủ động mở thêm tài khoản chi tiết thay vì quy định cố định như Thông tư 200, qua đó tăng tính linh hoạt trong quản lý và phân tích.

Đối với hàng bán bị trả lại, Thông tư 99 đơn giản hóa cách hạch toán khi không còn phân biệt rõ giữa phương pháp kê khai thường xuyên và kiểm kê định kỳ, nhưng vẫn đảm bảo phản ánh đúng giá trị hàng nhập lại và giá vốn liên quan.

1.2.3 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính là tổng giá trị lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán phát sinh từ các hoạt động đầu tư tài chính bao gồm lãi cho vay, lãi tiền gửi, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa, dịch vụ, tiền bản quyền, lợi nhuận được chia,... góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

a. Nội dung và điều kiện ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

❖ Nội dung

Theo Điều 80 Thông tư 200/2014/TT-BTC:

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh các khoản thu từ hoạt động đầu tư và sử dụng vốn của doanh nghiệp, bao gồm tiền lãi (cho vay, tiền gửi, bán hàng trả chậm, đầu tư trái phiếu...), chiết khấu thanh toán được hưởng và cổ tức, lợi nhuận được chia sau ngày đầu tư. Ngoài ra, còn bao gồm thu nhập từ mua bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn, lãi chuyển nhượng vốn khi thanh lý các khoản đầu tư, cũng như lãi tỷ giá hối đoái (kể cả từ bán ngoại tệ). Nhìn chung, chỉ tiêu này phản ánh toàn bộ các khoản thu nhập tài chính phát sinh trong kỳ.

❖ Điều kiện ghi nhận: Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận đồng thời thỏa mãn hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

b. Chứng từ sử dụng

- Giấy báo có, sổ phụ ngân hàng, sao kê ngân hàng
- Các chứng từ có liên quan khác.

c. Tài khoản sử dụng

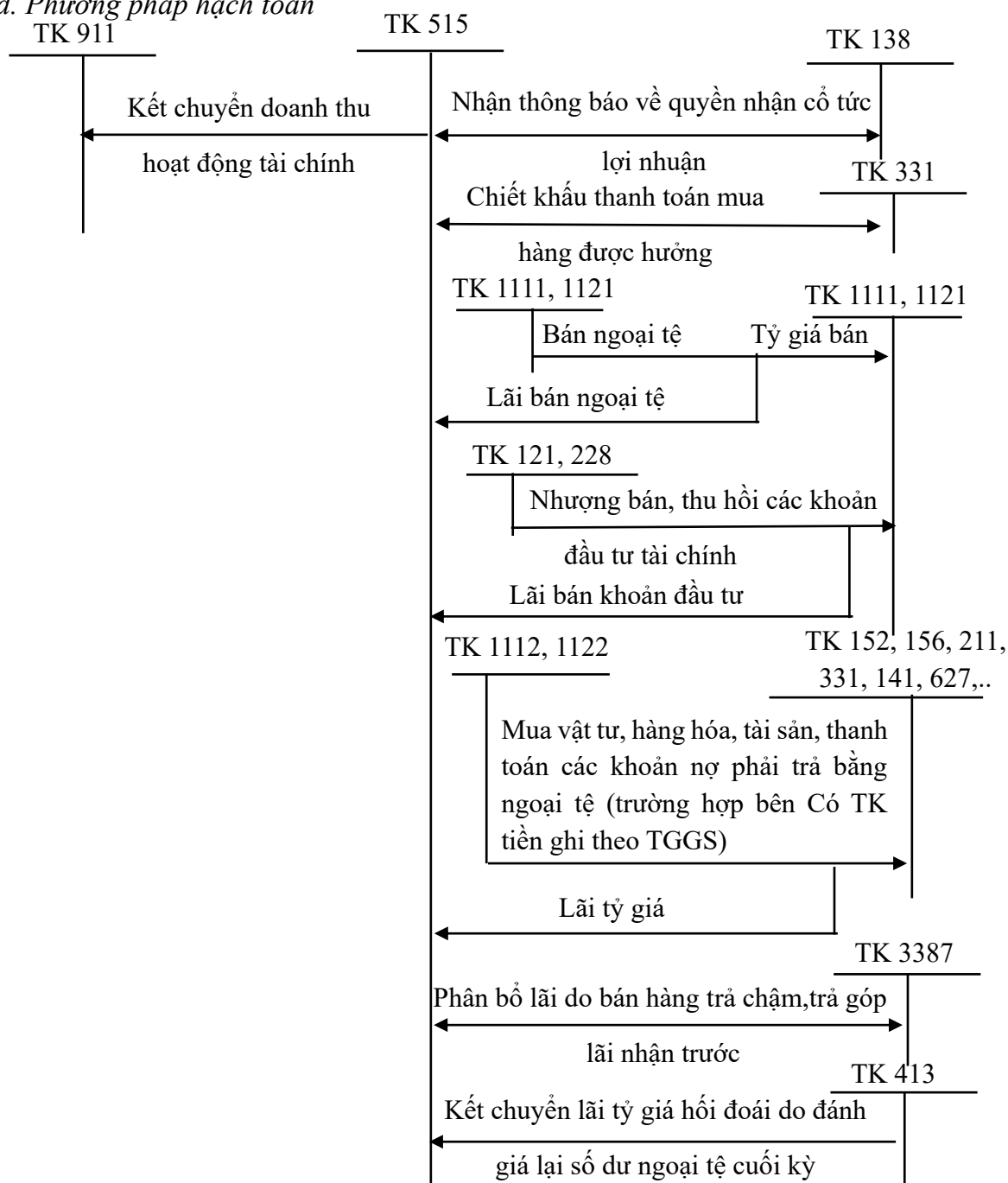
Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

Kết cấu tài khoản

NỢ	TK 515	CÓ
- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có) - Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang tài khoản 911- “Xác định kết quả kinh doanh”.		- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ

d. Phương pháp hạch toán
TK 911



Sơ đồ 1.6: Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính

➤ **Những thay đổi của Thông tư 99 so với Thông tư 200:**

Trước hết, về các khoản tiền lãi, Thông tư 99 mở rộng và chi tiết hơn, đặc biệt đối với các giao dịch liên quan đến trái phiếu, bao gồm cả chênh lệch từ mua bán lại trái phiếu Chính phủ, mua lại trước hạn trái phiếu đã phát hành và các khoản lãi dồn tích.

Đối với cổ tức và lợi nhuận được chia, quy định mới làm rõ việc có thể nhận bằng tiền hoặc tài sản phi tiền tệ, đồng thời hướng dẫn cụ thể hơn cách xác định phần lãi dồn tích trước ngày đầu tư trên cơ sở ước tính hợp lý.

Về lãi tỷ giá hối đoái, Thông tư 99 bổ sung việc ghi nhận lãi phát sinh từ đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ, không chỉ giới hạn ở lãi do bán ngoại tệ.

Đối với lãi tiền gửi liên quan đến chi phí đi vay, Thông tư 99 quy định không ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính mà thực hiện giảm trừ chi phí đi vay được vốn hóa, qua đó phản ánh đúng bản chất kinh tế của giao dịch.

Về phương pháp kế toán, Thông tư 99 bổ sung việc sử dụng tài khoản dự phòng tổn thất tài sản (TK 229) khi nhượng bán hoặc thu hồi các khoản đầu tư tài chính, giúp phản ánh sát hơn giá trị thực tế. Đồng thời, đối với lãi bán hàng trả chậm, trả góp, quy định mới không còn sử dụng TK 3387 mà ghi nhận trực tiếp theo bản chất giao dịch.

Cụ thể, khi bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp, doanh thu bán hàng được ghi nhận theo giá bán trả tiền ngay; phần lãi được ghi nhận định kỳ vào doanh thu hoạt động tài chính (TK 515). Ngoài ra, khi nhận lại vốn góp có giá trị thấp hơn vốn đã góp, doanh nghiệp được sử dụng TK 229 để xử lý dự phòng, việc hoàn nhập có thể thực hiện tại thời điểm thu hồi hoặc cuối kỳ nhưng phải đảm bảo tính nhất quán.

1.2.4 Kế toán thu nhập khác

Thu nhập khác là khoản thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế mà khoản thu nhập này không thuộc các ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh trong giấy đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp, và những khoản thu nhập này doanh nghiệp không dự tính trước nhưng ít có khả năng thực hiện hoặc những khoản thu không thường xuyên.

a. Nội dung thu nhập khác

Theo Điều 93 Thông tư 200/2014/TT-BTC, thu nhập khác là các khoản thu phát sinh ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường, mang tính không thường xuyên nhưng vẫn làm tăng lợi ích kinh tế của doanh nghiệp. Các khoản này bao gồm thu từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định; chênh lệch khi giá trị hợp lý tài sản nhận từ hợp đồng hợp tác kinh doanh cao hơn chi phí đầu tư; và lãi do đánh giá lại tài sản khi góp vốn, đầu tư dài hạn. Ngoài ra, còn có thu từ bán và thuê lại tài sản; các khoản thuế đã nộp được hoàn hoặc giảm; tiền phạt, bồi thường từ bên thứ ba; nợ khó đòi đã xử lý nay thu hồi được hoặc nợ phải trả không xác định được chủ. Bên cạnh đó, các khoản như tiền thưởng của khách hàng, quà biếu, quà tặng hoặc hàng khuyến mại không phải trả lại cũng được ghi nhận vào thu nhập khác, góp phần phản ánh đầy đủ kết quả hoạt động của doanh nghiệp.

b. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT, biên bản thanh lý tài sản cố định
- Các chứng từ có liên quan khác

c. Tài khoản sử dụng

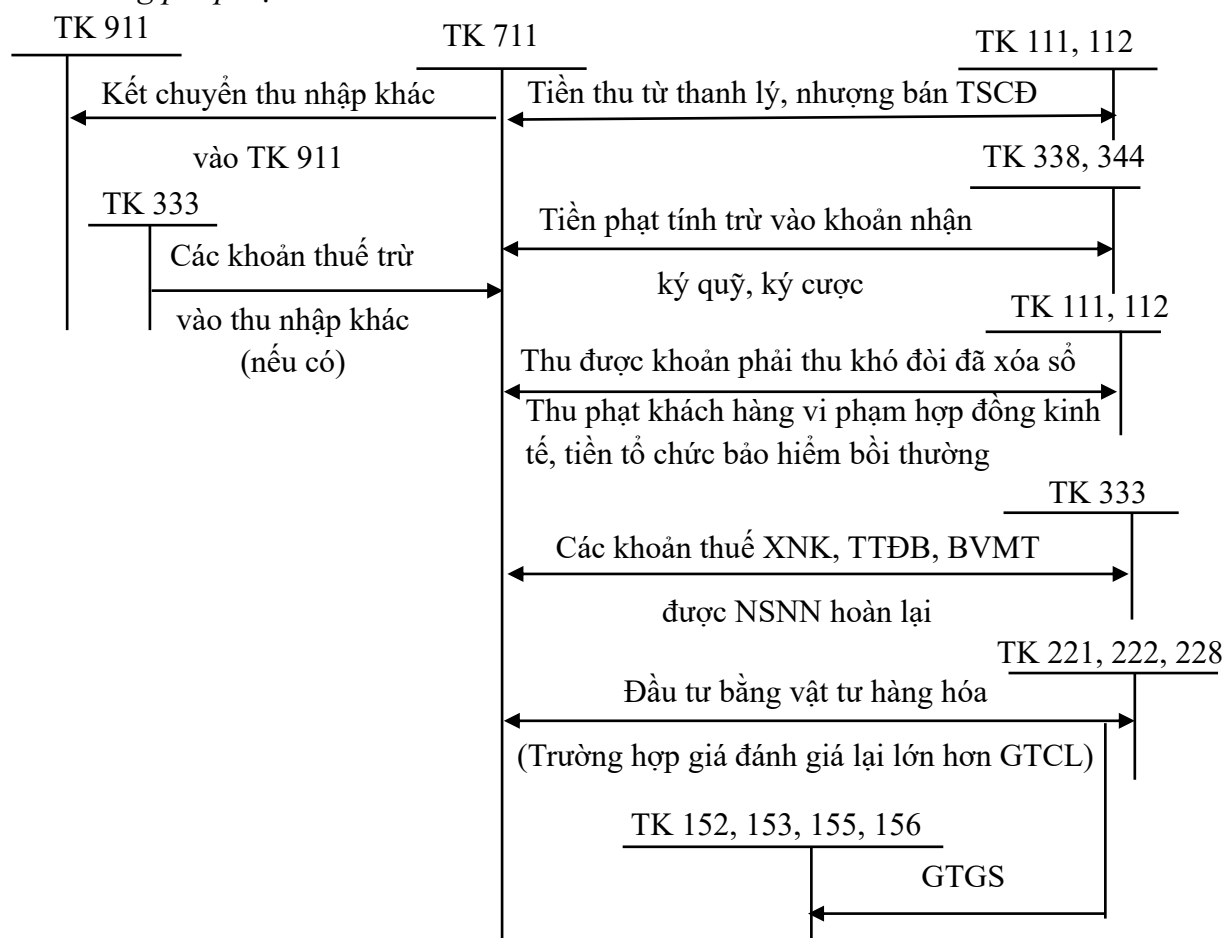
Tài khoản 711 “Thu nhập khác”

Kết cấu tài khoản:

NỢ	TK 711	CÓ
- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp. - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.		Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ

d. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hạch toán thu nhập khác

➤ ***Những thay đổi của Thông tư 99 so với Thông tư 200:***

Trước hết, về phạm vi các khoản thu nhập từ quà biếu, tặng, Thông tư 99 đã mở rộng hơn so với Thông tư 200. Cụ thể, ngoài các khoản tiền và hiện vật, Thông tư 99 bổ sung thêm các khoản cổ phần, cổ phiếu và phần vốn góp tại doanh nghiệp khác được biếu, tặng. Đồng thời, quy định mới cũng làm rõ việc loại trừ các khoản hỗ trợ, tài trợ, biếu, tặng được ghi nhận là tăng vốn chủ sở hữu theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Thứ hai, về việc xác định giá trị tài sản phi tiền tệ, Thông tư 99 đã bổ sung hướng dẫn cụ thể trong trường hợp doanh nghiệp nhận tài sản biếu, tặng nhưng chưa xác định được giá trị. Theo đó, doanh nghiệp có thể căn cứ vào giá thị trường, hoặc giá trị do Hội đồng định giá của doanh nghiệp hoặc tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp xác định.

Thứ ba, đối với tiền phạt vi phạm hợp đồng, quy định mới làm rõ: nếu khoản phạt nằm ngoài giá trị hợp đồng thì ghi nhận vào thu nhập khác; nếu được trừ trực tiếp vào giá thanh toán khi người mua vẫn nhận hàng thì không ghi nhận vào thu nhập.

Ngoài ra, về phương pháp kế toán, Thông tư 99 bổ sung việc ghi nhận các vật tư, công cụ dụng cụ thu hồi (TK 152, 153) vào bên Nợ khi nhượng bán, thanh lý tài sản cố định.

1.3 Kế toán các khoản chi phí

1.3.1 Kế toán giá vốn hàng bán

a. Khái niệm giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là trị giá vốn của hàng hóa đã tiêu thụ trong kỳ. Trị giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán ra trong kỳ. Các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, chi phí nhượng bán, thanh lý bất động sản đầu tư...

b. Phương pháp tính giá xuất kho

Giá vốn hàng bán được xác định theo nhiều phương pháp tính giá xuất kho như sau:

- ***Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO):*** Theo phương pháp này, lượng vật tư hàng hóa, sản phẩm nhập trước sẽ được sử dụng trước theo đúng giá nhập kho của chúng. Hay nói cách khác theo phương pháp này đơn giá của lô hàng nào được nhập vào trước thì được xuất ra trước, xuất hết số nhập trước mới xuất đến số nhập

liền sau cho đến khi đủ số lượng cần xuất. Theo đó, giá trị thực tế xuất kho được xác định bằng số lượng xuất và đơn giá của những lần nhập cũ nhất.

- *Phương pháp thực tế đích danh*: Theo phương pháp này giá trị thực tế của hàng hóa, vật tư, sản phẩm xuất ra thuộc lô hàng nào thì sẽ căn cứ vào số lượng xuất kho và đơn giá thực tế xuất kho của hàng hóa, vật tư, sản phẩm đó. Phương pháp này được áp dụng với các loại vật tư, hàng hóa, sản phẩm có giá trị lớn, ít chủng loại, có điều kiện quản lý, bảo vệ riêng theo từng lô hàng trong kho, mặt hàng ổn định, nhận diện được.

- *Phương pháp bình quân gia quyền*: Phương pháp bình quân dựa trên giả định rằng: giá gốc của hàng tồn kho cuối kỳ và giá vốn hàng bán trong một kỳ kế toán phản ánh giá bình quân của các lần nhập và hàng tồn kho đầu kỳ kế toán. Theo phương pháp này giá gốc sản phẩm hàng hóa xuất trong kỳ được tính theo giá đơn vị bình quân (bình quân cả kỳ, bình quân thời điểm)

+ *Phương pháp bình quân cả kỳ (Bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ)*:

Công thức:

$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá xuất kho trong kỳ} \\ \text{bình quân một sản phẩm} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Giá trị hàng tồn} \\ \text{kho đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Giá trị hàng tồn} \\ \text{kho nhập trong kỳ} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Số lượng hàng} \\ \text{tồn kho đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Số lượng hàng tồn} \\ \text{kho nhập trong kỳ} \end{array}}$$

+ *Phương pháp bình quân thời điểm (Bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập)*:

Công thức:

$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá xuất} \\ \text{kho lần thứ n} \end{array} = \frac{\text{Giá trị hàng tồn kho trước lần xuất thứ n}}{\text{Số lượng vật tư hàng hóa còn tồn trước lần xuất thứ n}}$$

c. Chứng từ sử dụng

- Bảng tổng hợp nhập – xuất – tồn, phiếu xuất kho
- Các chứng từ có liên quan khác.

d. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 632 “Giá vốn hàng bán”

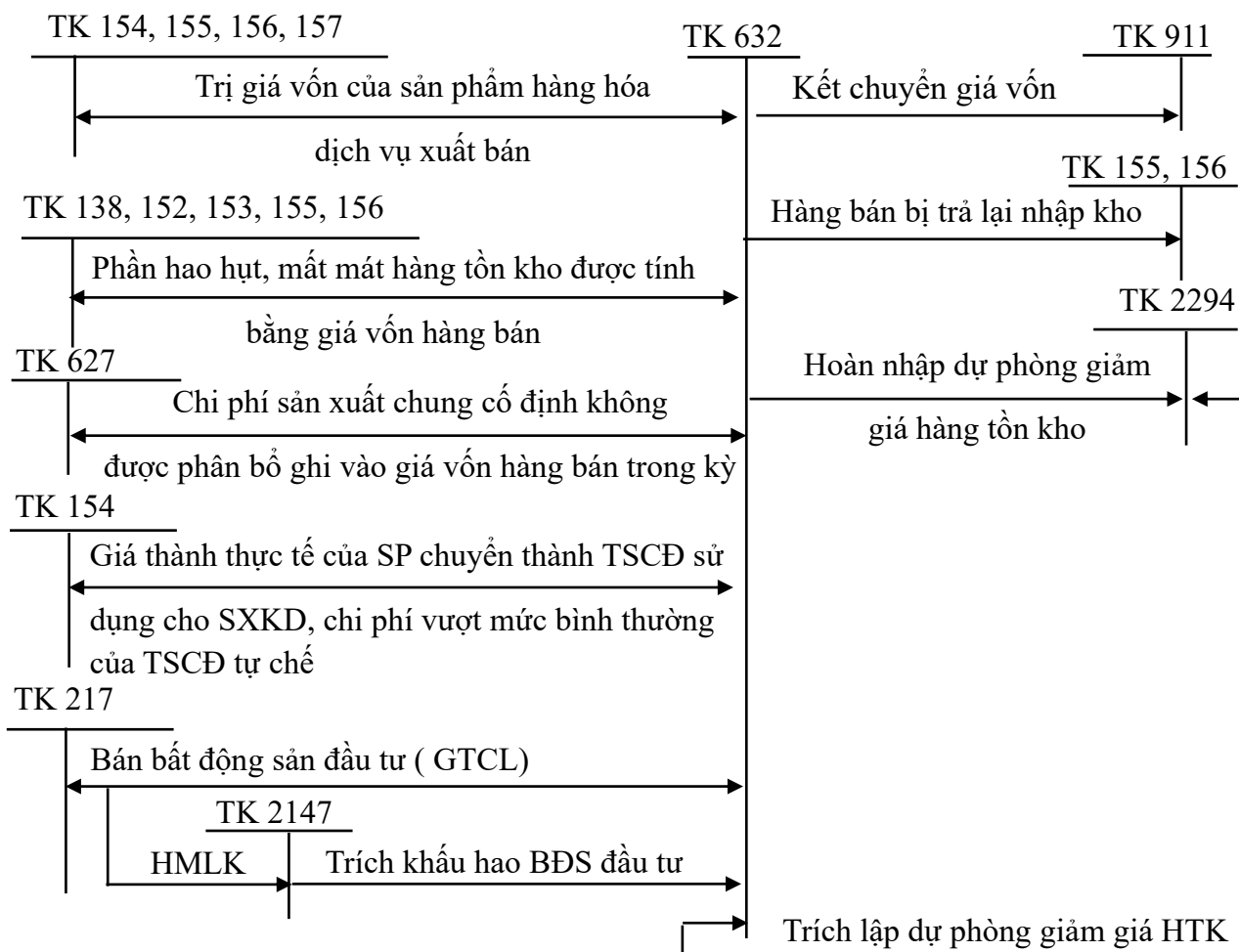
Kết cấu tài khoản:

- Giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên

NỢ	TK 632	CÓ
- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ. - Chi phí nguyên liệu, vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ. - Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra. - Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết).		- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”. - Trị giá hàng bán bị trả lại. - Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán nhận được sau khi hàng mua đã tiêu thụ. - Các khoản thuế NK, TTĐB, BVMT đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại.

Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ

e. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.8: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp KCTX

➤ **Những thay đổi của Thông tư 99 so với Thông tư 200:**

Trước hết, Thông tư 99 mở rộng đối tượng phản ánh khi bổ sung tài sản sinh học (trừ cây lâu năm và súc vật làm việc ghi nhận là TSCĐ).

Thứ hai, bổ sung nguyên tắc ghi nhận dự phòng hợp đồng có rủi ro lớn vào giá vốn – nội dung chưa được đề cập trong Thông tư 200.

Thứ ba, quy định chi phí vượt mức bình thường phải ghi nhận ngay vào giá vốn, kể cả khi sản phẩm, dịch vụ chưa tiêu thụ, mở rộng áp dụng cho cả hoạt động dịch vụ.

Ngoài ra, Thông tư 99 đơn giản hóa kết cấu TK 632 khi không còn phân biệt giữa phương pháp kê khai thường xuyên và kiểm kê định kỳ, đồng thời bổ sung khoản hoàn thuế tài nguyên vào bên Có để phản ánh đầy đủ các khoản giảm giá vốn.

1.3.2 Kế toán chi phí tài chính

a. Khái niệm chi phí tài chính

Chi phí tài chính là các khoản chi liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính nhằm sử dụng hiệu quả nguồn vốn và gia tăng thu nhập. Bao gồm: chi phí và các khoản lỗ từ đầu tư tài chính; chi phí cho vay, đi vay; góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng và chi phí giao dịch chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư; cùng các khoản lỗ bán ngoại tệ và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái.

b. Chứng từ sử dụng

- Sao kê ngân hàng, sổ phụ ngân hàng, bảng tính lãi vay
- Các chứng từ có liên quan khác (Phiếu chi, Ủy nhiệm chi,..)

c. Tài khoản sử dụng

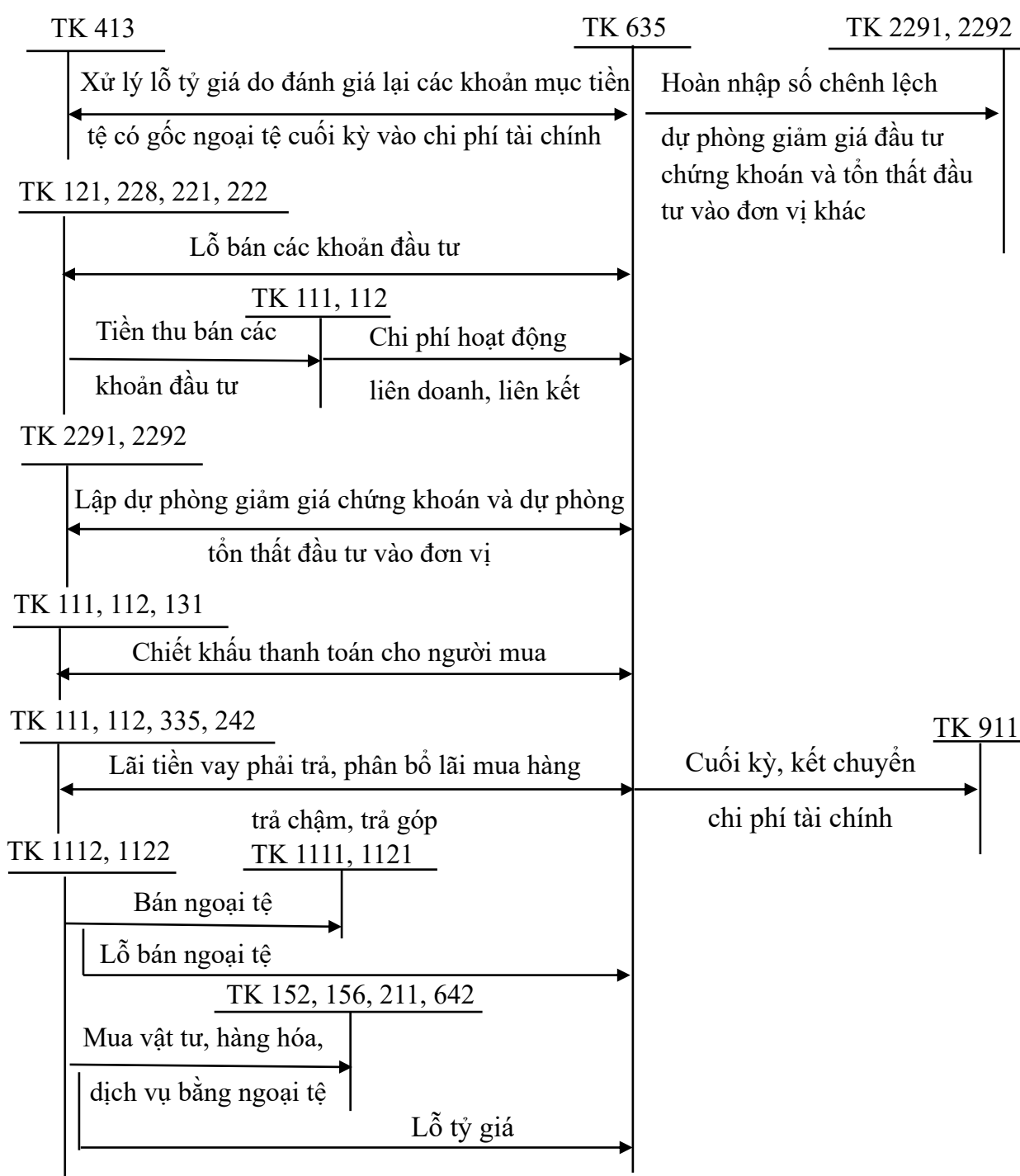
Tài khoản 635 “Chi phí tài chính”

Kết cấu tài khoản:

NỢ	TK 635	CÓ
- Các khoản chi phí tài chính phát sinh trong kỳ. - Trích lập bổ sung dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước).		- Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết) - Các khoản được ghi giảm chi phí tài chính - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ

d. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.9: Sơ đồ hạch toán chi phí tài chính

➤ **Những thay đổi của Thông tư 99 so với Thông tư 200:**

Trước hết, về phạm vi, Thông tư 99 mở rộng và cụ thể hóa các khoản chi phí, bổ sung chi phí mua – chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh, chênh lệch khi mua lại trước hạn trái phiếu giá cao hơn giá trị ghi sổ và các chi phí giao dịch đầu tư tài chính.

Về kết cấu, bên Nợ được làm rõ hơn về các khoản dự phòng và tổn thất đầu tư (bao gồm đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết...), đồng thời bổ sung chi phí

mua, chuyển nhượng đầu tư. Bên Có quy định rõ việc kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính sang TK 911 cuối kỳ.

Về phương pháp kế toán, các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay (ngoài lãi vay) nếu không vốn hóa sẽ ghi nhận vào TK 341 và phân bổ dần vào TK 635, thay vì ghi nhận một lần. Đồng thời, cổ tức cổ phiếu ưu đãi được ghi nhận vào TK 332 thay vì TK 338, giúp phản ánh rõ bản chất khoản phải trả.

Ngoài ra, Thông tư 99 lược bỏ một số hướng dẫn chi tiết của Thông tư 200 như xử lý lỗ tỷ giá trước hoạt động hay một số nghiệp vụ đặc thù khác.

1.3.3 Kế toán chi phí bán hàng

a. Khái niệm chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng là toàn bộ các chi phí liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Dùng để phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí vận chuyển...

b. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT/ hóa đơn bán hàng
- Phiếu chi, giấy báo nợ
- Các chứng từ có liên quan khác (Bảng tính lương, bảng thanh toán lương,..)

c. Tài khoản sử dụng

Theo Điều 91 Thông tư 200/2014/TT-BTC: Tài khoản 641 - Chi phí bán hàng, có 7 tài khoản cấp 2:

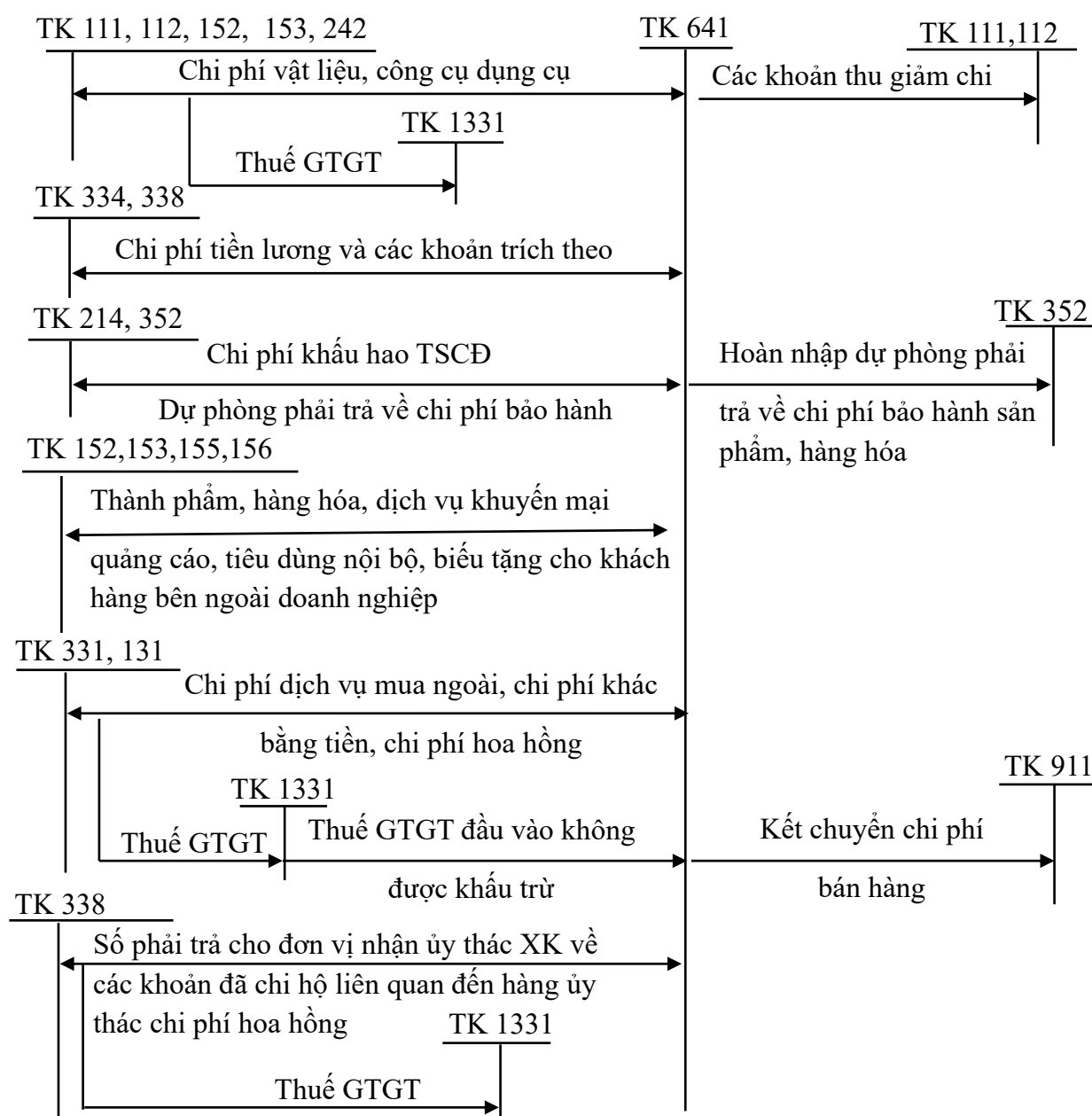
- Tài khoản 6411 - Chi phí nhân viên: Phản ánh tiền lương, phụ cấp và các khoản trích theo lương của nhân viên bán hàng (BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ...).
- Tài khoản 6412 - Chi phí vật liệu, bao bì: Ghi nhận chi phí vật liệu, bao bì phục vụ đóng gói, bảo quản, vận chuyển, sửa chữa TSCĐ thuộc bộ phận bán hàng.
- Tài khoản 6413 - Chi phí dụng cụ, đồ dùng: Phản ánh chi phí công cụ, dụng cụ phục vụ hoạt động bán hàng.
- Tài khoản 6414 - Chi phí khấu hao TSCĐ: Ghi nhận khấu hao TSCĐ phục vụ bán hàng như kho, cửa hàng, phương tiện vận chuyển...
- Tài khoản 6415 - Chi phí bảo hành: Phản ánh chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (không bao gồm xây lắp).
- Tài khoản 6417 - Chi phí dịch vụ mua ngoài: Gồm chi phí thuê ngoài phục vụ bán hàng như vận chuyển, kho bãi, hoa hồng đại lý...
- Tài khoản 6418 - Chi phí bằng tiền khác: Phản ánh các chi phí khác như tiếp khách, quảng cáo, giới thiệu sản phẩm, hội nghị khách hàng...

Kết cấu tài khoản:

NỢ	TK 641	CÓ
- Các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ.		- Khoản được ghi giảm chi phí bán hàng trong kỳ - Kết chuyển chi phí bán hàng vào tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh" để tính kết quả kinh doanh trong kỳ.

Tài khoản 641 không có số dư cuối kỳ

d. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.10: Sơ đồ hạch toán chi phí bán hàng

➤ **Những thay đổi của Thông tư 99 so với Thông tư 200:**

Trước hết, về nguyên tắc, Thông tư 99 mở rộng phạm vi khi bao gồm cả chi phí bảo hành dịch vụ và công trình xây dựng; đồng thời bổ sung nguyên tắc phân bổ chi phí để có được hợp đồng với khách hàng theo từng kỳ.

Về kết cấu, TK 641 được chi tiết hơn, đặc biệt TK 6411 bổ sung các khoản khen thưởng, phúc lợi cho nhân viên bán hàng nếu không sử dụng quỹ riêng.

Về phương pháp kế toán, chi phí sửa chữa, bảo dưỡng TSCĐ phục vụ bán hàng được tập hợp vào TK 2413, sau đó kết chuyển sang TK 242 để phân bổ dần. Thuế GTGT đầu ra của hàng khuyến mại, biếu tặng được ghi nhận trực tiếp vào chi phí bán hàng, giúp đơn giản hóa hạch toán.

Ngoài ra, Thông tư 99 bổ sung việc ghi nhận tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và các khoản thuế liên quan vào chi phí bán hàng, góp phần phản ánh đầy đủ chi phí thực tế phát sinh.

1.3.4 Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Khái niệm chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ chi phí liên quan đến hoạt động quản lý sản xuất kinh doanh, quản lý hành chính và một số khoản khác có tính chất chung toàn doanh nghiệp.

Chi phí quản lý doanh nghiệp gồm: Chi phí nhân viên quản lý, chi phí vật liệu quản lý, chi phí đồ dùng văn phòng, chi phí khấu hao TSCĐ, thuế, phí và lệ phí, chi phí dự phòng, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác.

b. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT, phiếu chi, giấy báo nợ
- Các chứng từ có liên quan khác (Bảng tính lương, bảng thanh toán lương,..)

c. Tài khoản sử dụng

Theo Điều 92 Thông tư 200/2014/TT-BTC quy định:

Tài khoản 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp, có 8 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 6421 - Chi phí nhân viên quản lý: Phản ánh tiền lương, phụ cấp và các khoản trích theo lương của bộ phận quản lý doanh nghiệp.
- Tài khoản 6422 - Chi phí vật liệu quản lý: Ghi nhận chi phí vật liệu phục vụ quản lý như văn phòng phẩm, vật liệu sửa chữa TSCĐ, CCDC.
- Tài khoản 6423 - Chi phí đồ dùng văn phòng: Phản ánh chi phí công cụ, dụng cụ văn phòng phục vụ quản lý.
- Tài khoản 6424 - Chi phí khấu hao TSCĐ: Ghi nhận khấu hao TSCĐ dùng chung cho quản lý như nhà làm việc, thiết bị văn phòng...

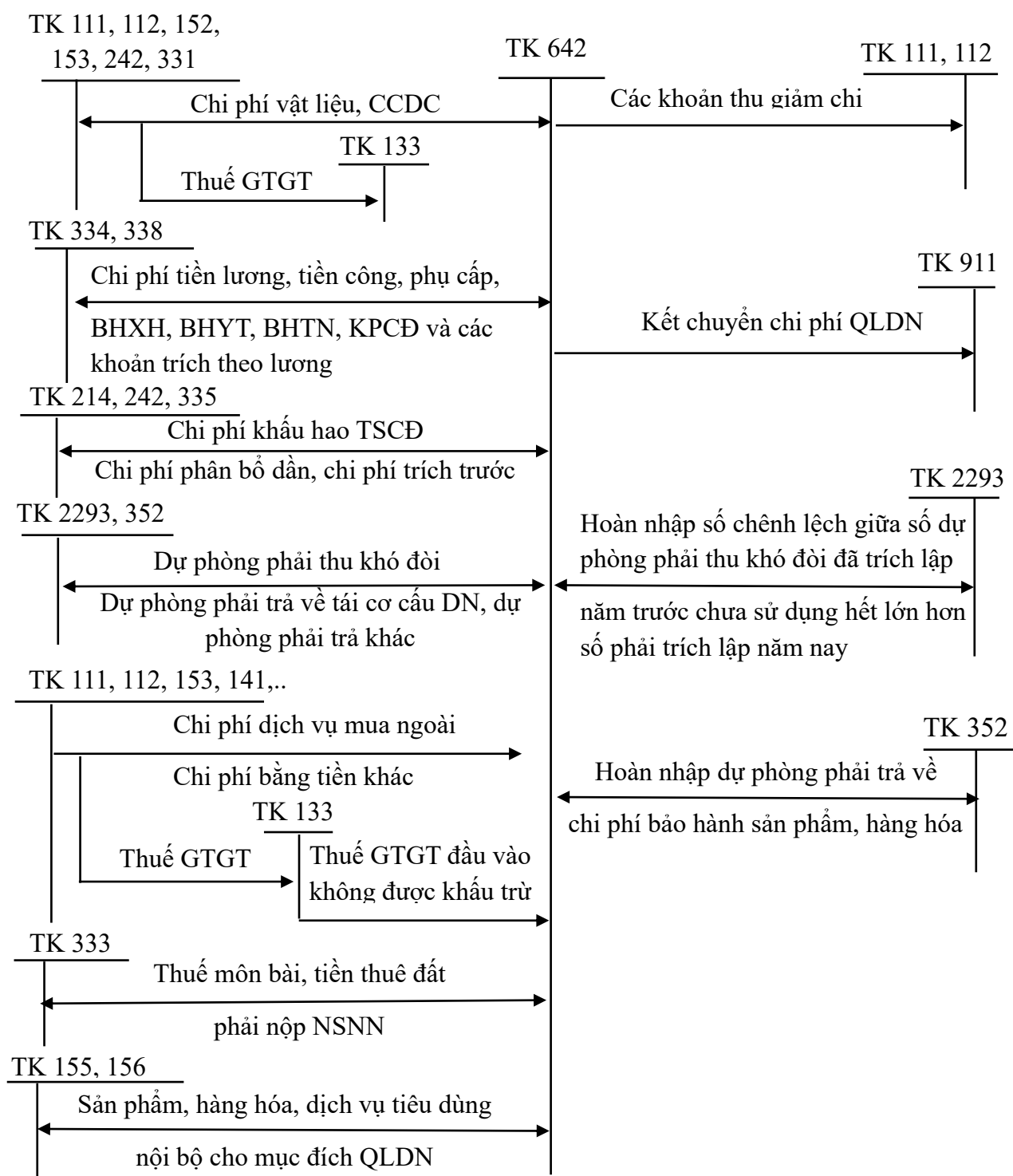
- Tài khoản 6425 - Thuế, phí và lệ phí: Phản ánh chi phí về thuế, phí và lệ phí như: thuế môn bài, tiền thuê đất,... và các khoản phí, lệ phí khác.
- Tài khoản 6426 - Chi phí dự phòng: Phản ánh các khoản dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả tính vào chi phí.
- Tài khoản 6427 - Chi phí dịch vụ mua ngoài: Gồm chi phí thuê ngoài, tài liệu kỹ thuật, bằng sáng chế (phân bổ dần), thuê TSCĐ...
- Tài khoản 6428 - Chi phí bằng tiền khác: Phản ánh chi phí quản lý khác như hội nghị, tiếp khách, công tác phí, tàu xe...

Kết cấu tài khoản:

NỢ	TK 642	CÓ
- Các chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ - Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết)		- Các khoản được ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp - Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết) - Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh"

Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ

d. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.11: Sơ đồ hạch toán chi phí QLDN

➤ **Những thay đổi của Thông tư 99 so với Thông tư 200:**

Trước hết, về nguyên tắc, Thông tư 99 cập nhật thuật ngữ “lệ phí môn bài” thay cho “thuế môn bài” và bổ sung dự phòng tái cơ cấu doanh nghiệp vào phạm vi chi phí.

Về kết cấu, TK 642 được chi tiết hơn: TK 6421 bổ sung các khoản khen thưởng, phúc lợi cho nhân viên quản lý nếu không sử dụng quỹ riêng; TK 6425 điều chỉnh lại

thuật ngữ nhưng vẫn phản ánh các khoản thuế, phí, lệ phí; TK 6426 bổ sung rõ nội dung dự phòng tái cơ cấu.

Về phương pháp kế toán, chi phí sửa chữa TSCĐ phục vụ quản lý được tập hợp và phân bổ dần vào chi phí theo kỳ. Hàng hóa tiêu dùng nội bộ, biếu tặng phục vụ quản lý được ghi nhận trực tiếp vào chi phí, đồng thời ghi nhận thuế GTGT đầu ra (nếu có).

Ngoài ra, Thông tư 99 lược bỏ một số hướng dẫn chi tiết của Thông tư 200 liên quan đến xử lý nợ và phân bổ lợi thế kinh doanh khi cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước.

1.3.5 Kế toán chi phí khác

Chi phí khác là các khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hoặc nghiệp vụ riêng biệt, không liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính thông thường, mang tính bất thường hoặc không thường xuyên, ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh trong kỳ.

a. Nội dung chi phí khác

Theo Điều 94 Thông tư 200/2014/TT-BTC, chi phí khác là các khoản chi phát sinh ngoài hoạt động kinh doanh thông thường nhưng ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh. Bao gồm: chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định (kể cả chi phí đấu thầu, được bù trừ bằng thu bán hồ sơ thầu); chênh lệch bất lợi khi giá trị tài sản nhận thấp hơn chi phí đầu tư; giá trị còn lại của tài sản khi phá dỡ, thanh lý; lỗ do đánh giá lại tài sản khi góp vốn; tiền phạt vi phạm và các khoản chi ngoài hoạt động thông thường.

b. Chứng từ sử dụng

- Biên bản thanh lý TSCĐ, biên bản vi phạm hợp đồng, biên lai nộp thuế, nộp phạt
- Các chứng từ có liên quan (Phiếu chi, giấy báo nợ,..)

c. Tài khoản sử dụng

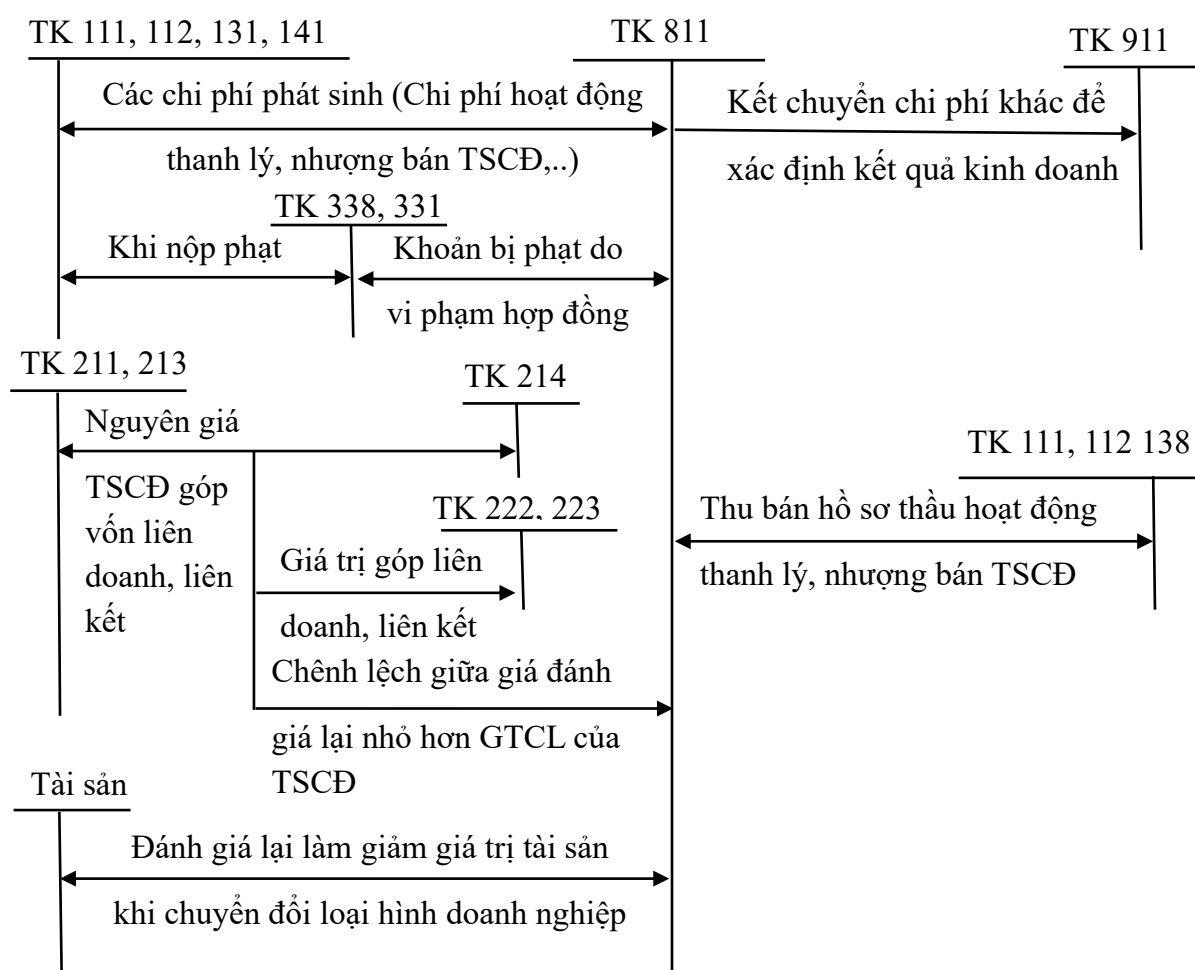
Tài khoản 811 “Chi phí khác”

Kết cấu tài khoản:

NỢ	TK 811	CÓ
- Các khoản chi phí khác phát sinh		- Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ

d. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.12: Sơ đồ hạch toán chi phí khác

➤ **Những thay đổi của Thông tư 99 so với Thông tư 200:**

Về nguyên tắc, Thông tư 99 mở rộng phạm vi khi bổ sung chi phí liên quan đến tháo dỡ, di dời tài sản cố định bên cạnh trường hợp phá dỡ. Đồng thời, quy định về lỗ do đánh giá lại tài sản được diễn đạt linh hoạt hơn, cho phép áp dụng với nhiều hình thức đầu tư tương tự.

Về phương pháp kế toán, có sự điều chỉnh kỹ thuật như sắp xếp lại tài khoản đối ứng đối với tiền phạt vi phạm, mở rộng phạm vi phản ánh và bổ sung nghĩa vụ thuế (nếu có). Ngoài ra, thuật ngữ về thời điểm kết chuyển được thống nhất thành “tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán”.

Nhìn chung, Thông tư 99 chủ yếu mở rộng phạm vi và hoàn thiện cách trình bày, không làm thay đổi bản chất kế toán của chi phí khác.

1.3.6 Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

a. Khái niệm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

b. Chứng từ sử dụng

- Tờ khai Thuế thu nhập doanh nghiệp

c. Tài khoản sử dụng

Theo Điều 95 Thông tư 200/2014/TT-BTC quy định:

Tài khoản 821- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp có 2 tài khoản cấp 2:

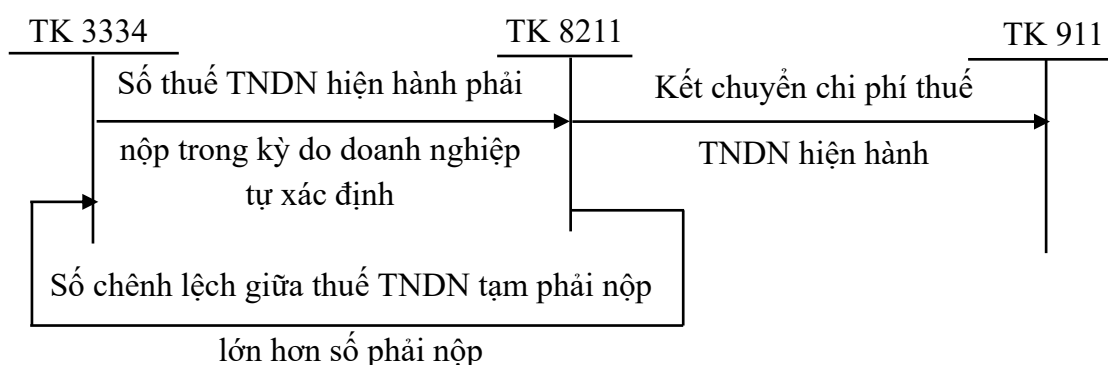
- Tài khoản 8211 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành
- Tài khoản 8212 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Kết cấu tài khoản:

NỢ	TK 821	CÓ
- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm - Thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của năm hiện tại.		- Số thuế TNDN thực tế phải nộp nhỏ hơn số tạm nộp được ghi giảm chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm. - Thuế TNDN phải nộp được điều chỉnh giảm do sai sót không trọng yếu các năm trước được ghi giảm chi phí thuế TNDN hiện hành năm hiện tại. - Cuối kỳ, kết chuyển chi phí thuế TNDN hiện hành vào TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh.
Tài khoản 821 không có số dư cuối kỳ		

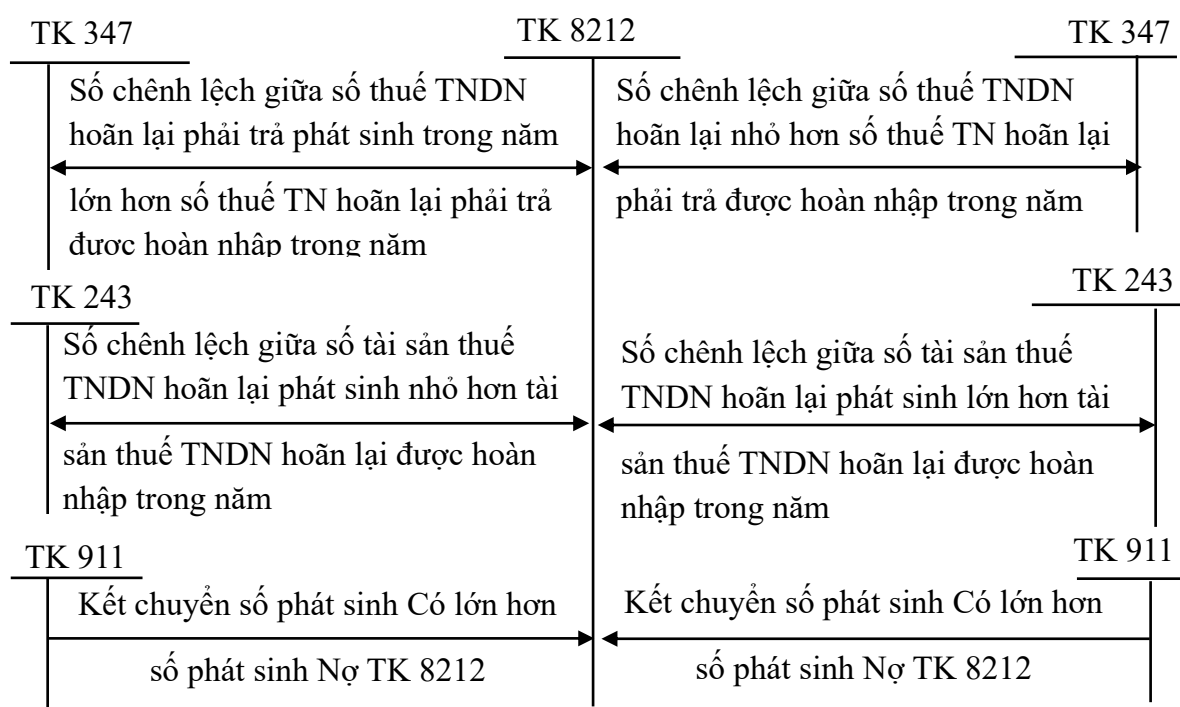
d. Phương pháp hạch toán

- **Kế toán chi phí thuế TNDN hiện hành:**



Sơ đồ 1.13: Sơ đồ hạch toán thuế TNDN hiện hành

- **Kế toán chi phí thuế TNDN hoãn lại:**



Sơ đồ 1.14: Sơ đồ hạch toán thuế TNDN hoãn lại

➤ **Những thay đổi của Thông tư 99 so với Thông tư 200:**

Trước hết, về nguyên tắc kế toán, Thông tư 99 đã bổ sung nội dung quan trọng khi quy định rằng chi phí thuế TNDN hiện hành không chỉ bao gồm thuế TNDN theo quy định trong nước, mà còn bao gồm chi phí thuế TNDN bổ sung theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu.

Về kết cấu và nội dung của tài khoản 821 – Chi phí thuế TNDN, quy định mới đã mở rộng phạm vi phản ánh, cho phép ghi nhận, điều chỉnh và trình bày các khoản thuế bổ sung phát sinh ở cả bên Nợ và bên Có của các tài khoản chi tiết (như TK 8211), giúp doanh nghiệp theo dõi và kiểm soát nghĩa vụ thuế đầy đủ hơn.

Đặc biệt, Thông tư 99 bổ sung riêng một mục hướng dẫn chi tiết về phương pháp kế toán đối với thuế TNDN bổ sung theo thuế tối thiểu toàn cầu, qua đó làm rõ cơ sở pháp lý và cách thức ghi nhận, trình bày trên báo cáo tài chính.

1.4 Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh

a. Khái niệm kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

- Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh là chênh lệch giữa doanh thu thuần và giá vốn hàng bán (bao gồm sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, dịch vụ; giá thành xây lắp; chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư như khấu hao, sửa chữa, nâng cấp,

cho thuê, thanh lý, nhượng bán), cùng với chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Kết quả hoạt động tài chính là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

- Kết quả hoạt động khác là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

b. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

Kết cấu tài khoản:

NỢ	TK 911	CÓ
- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán - Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác - Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp - Kết chuyển lãi	- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ - Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp - Kết chuyển lỗ	

Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ

c. Phương pháp hạch toán



Về kết cấu và nội dung tài khoản 911, quy định mới điều chỉnh rõ hơn đối với bất động sản đầu tư khi tách riêng chênh lệch giữa giá bán và giá trị còn lại (kể cả chi phí thanh lý, nhượng bán) thành các dòng riêng ở cả bên Nợ và bên Có, giúp minh bạch và dễ theo dõi. Đồng thời, lược bỏ nội dung “khoản ghi giảm chi phí thuế TNDN” ở bên Có để đơn giản hóa.

29

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VIỆT ANGROUP

2.1 Tổng quan về Công ty cổ phần tập đoàn Việt Angroup

2.1.1 Giới thiệu về Công ty cổ phần tập đoàn Việt Angroup

- Tên doanh nghiệp: Công ty cổ phần Tập đoàn Việt Angroup
- Loại hình doanh nghiệp: Công ty cổ phần ngoài NN
- Ngành nghề chính: Đại lý du lịch

Chi tiết: Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa và quốc tế.

- Ngày hoạt động: 19/09/2018
- Địa chỉ trụ sở chính: Lô 4-A9.4 Đường 2/9, Phường Hòa Cường, TP Đà Nẵng
- Mã số thuế: 0401925475
- Vốn điều lệ: 100.000.000.000 đồng (Một trăm tỷ đồng)
- Người đại diện pháp luật: Nguyễn Thanh Tâm

2.1.2 Quá trình hình thành và phát triển của Công ty cổ phần tập đoàn Việt Angroup

Công ty Cổ phần Tập đoàn Việt Angroup được thành lập và chính thức đi vào hoạt động từ ngày 19/09/2018, với vốn điều lệ ban đầu là 100 tỷ đồng. Ngay từ khi thành lập, công ty đã xác định rõ mục tiêu xây dựng một mô hình doanh nghiệp hoạt động chuyên nghiệp, phát triển bền vững, từng bước khẳng định vị thế trên thị trường trong các lĩnh vực kinh doanh mà công ty tham gia.

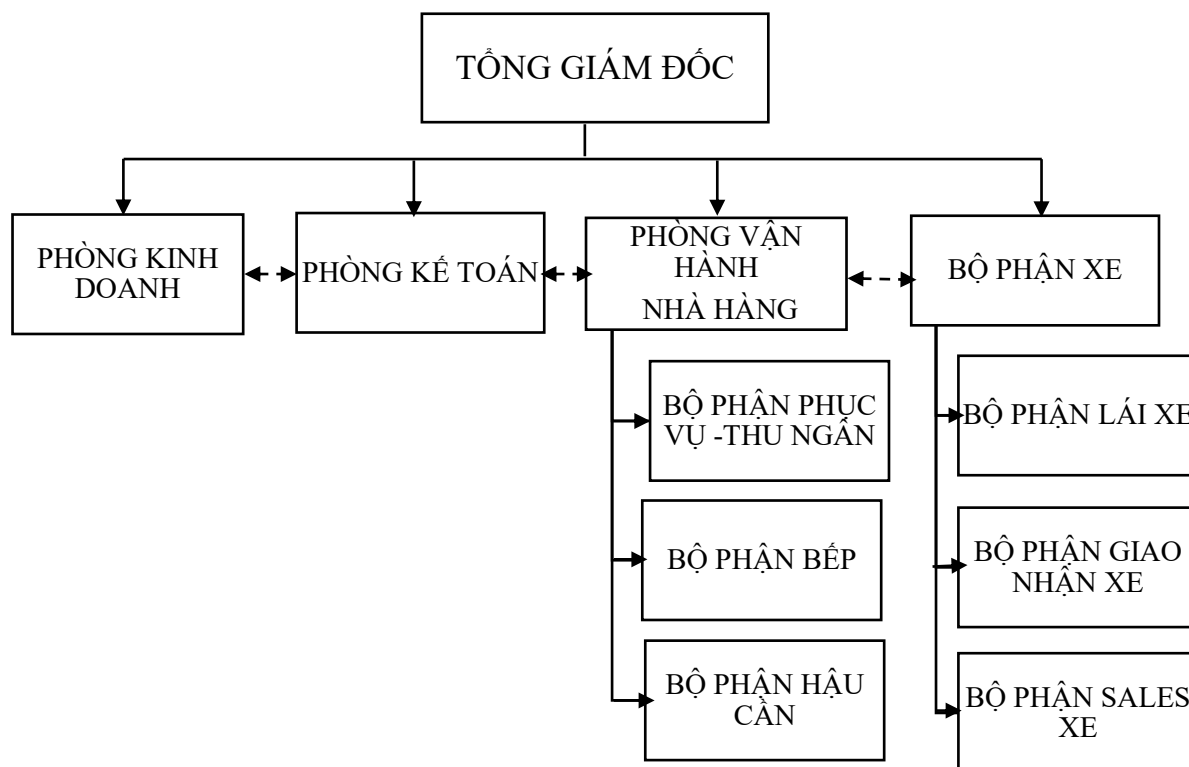
Trong giai đoạn đầu hình thành, Việt Angroup tập trung hoàn thiện cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý, xây dựng đội ngũ nhân sự có trình độ chuyên môn, đồng thời thiết lập nền tảng tài chính và hệ thống quản trị phù hợp với định hướng phát triển lâu dài của doanh nghiệp. Công ty chú trọng xây dựng uy tín, nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ và mở rộng mạng lưới đối tác, khách hàng.

Qua các năm hoạt động, Công ty Cổ phần Tập đoàn Việt Angroup không ngừng đổi mới phương thức quản lý, nâng cao hiệu quả sản xuất – kinh doanh và thích ứng linh hoạt với sự biến động của thị trường. Nhờ đó, công ty từng bước mở rộng quy mô hoạt động, gia tăng năng lực cạnh tranh và tạo dựng được niềm tin đối với khách hàng, đối tác cũng như các bên liên quan.

Với nền tảng được xây dựng vững chắc cùng định hướng phát triển rõ ràng, Công ty Cổ phần Tập đoàn Việt Angroup đang từng bước khẳng định vị thế của mình, hướng tới mục tiêu phát triển ổn định, bền vững và đóng góp tích cực cho sự phát triển kinh tế – xã hội.

2.1.3 Bộ máy quản lý của Công ty cổ phần tập đoàn Việt Angroup

a. Sơ đồ bộ máy quản lý của Công ty cổ phần tập đoàn Việt Angroup



Sơ đồ 2.1: Sơ đồ bộ máy quản lý của công ty

Ghi chú:

Quan hệ chỉ đạo: —————>

Quan hệ phối hợp: <----->

b. Chức năng của từng bộ phận

Hiện nay, công ty có tổng cộng 42 nhân sự, được tổ chức và phân bổ vào các phòng ban, bộ phận chức năng nhằm đảm bảo hoạt động sản xuất – kinh doanh diễn ra hiệu quả:

Tổng Giám đốc: gồm 01 Tổng Giám đốc, là người đứng đầu, chịu trách nhiệm quản lý, điều hành toàn bộ hoạt động và định hướng chiến lược phát triển của công ty.

Phòng Kế toán: gồm 04 nhân sự, thực hiện công tác tài chính – kế toán; trong đó kế toán thuế phụ trách kê khai, nộp thuế, kế toán doanh thu theo dõi và hạch toán doanh thu, kiểm soát hóa đơn, và kế toán tiền lương đảm nhiệm tính lương, các khoản trích theo lương và thanh toán cho người lao động.

Phòng Kinh doanh: Phòng Kinh doanh gồm 04 nhân sự, bao gồm 02 nhân viên sales và 02 nhân viên marketing, có nhiệm vụ phát triển thị trường; trong đó

sales tìm kiếm, chăm sóc khách hàng và ký kết hợp đồng, marketing thực hiện quảng bá, nghiên cứu thị trường và đề xuất chiến lược kinh doanh.

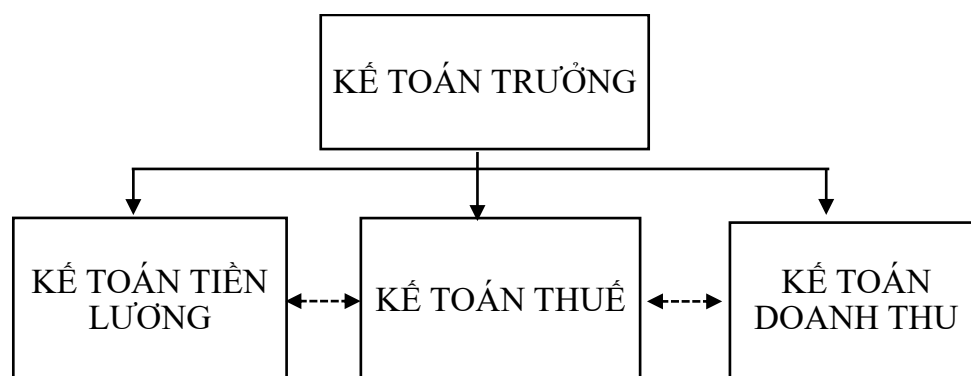
Phòng Vận hành Nhà hàng: gồm 24 nhân sự, chịu trách nhiệm tổ chức và quản lý các hoạt động vận hành hằng ngày, được chia thành các bộ phận cụ thể: Bộ phận Bếp gồm 08 nhân sự, phụ trách chế biến món ăn, đảm bảo chất lượng dịch vụ và an toàn vệ sinh thực phẩm; Bộ phận Phục vụ – Thu ngân gồm 10 nhân sự, thực hiện công tác tiếp đón khách hàng, thanh toán, quản lý hóa đơn và phối hợp với kế toán đối soát doanh thu; Bộ phận Hậu cần gồm 06 nhân sự, đảm nhiệm quản lý kho, nguyên vật liệu, mua sắm, cung ứng vật tư, đảm bảo vệ sinh và hỗ trợ vận hành chung của nhà hàng.

Bộ phận Xe: gồm 09 nhân sự, phụ trách hoạt động vận chuyển, gồm: Lái xe (04 nhân sự) đảm nhiệm vận hành phương tiện; Giao nhận xe (03 nhân sự) kiểm tra, bàn giao và tiếp nhận xe; Sales xe (02 nhân sự) tìm kiếm khách hàng, tư vấn và ký kết hợp đồng dịch vụ.

c. Sơ đồ bộ máy kế toán của Công ty cổ phần tập đoàn Việt Angroup

Bộ máy kế toán của công ty hiện nay gồm 04 nhân sự, được tổ chức theo mô hình tập trung, cụ thể:

- **01 Kế toán trưởng:** chịu trách nhiệm tổ chức, điều hành và kiểm soát toàn bộ công tác kế toán của công ty
- **01 Kế toán tiền lương:** phụ trách tính lương, các khoản trích theo lương và theo dõi chế độ cho người lao động.
- **01 Kế toán thuế:** thực hiện kê khai, quyết toán và theo dõi các nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp.
- **01 Kế toán doanh thu:** đảm nhiệm việc ghi nhận doanh thu, theo dõi công nợ và lập các báo cáo liên quan.



Sơ đồ 2.2: Bộ máy kế toán của công ty

Ghi chú:Quan hệ chỉ đạo : $\longrightarrow$ Quan hệ phối hợp: $\longleftrightarrow$ **d. Chức năng của từng bộ phận**

Kế toán trưởng: người đứng đầu bộ máy kế toán, chịu trách nhiệm tổ chức, điều hành và kiểm soát toàn bộ công tác kế toán – tài chính của Công ty. Kế toán trưởng có nhiệm vụ tham mưu cho Ban Giám đốc về công tác quản lý tài chính, xây dựng và hoàn thiện hệ thống kế toán phù hợp với quy định của pháp luật. Đồng thời, kế toán trưởng kiểm tra, giám sát việc ghi chép sổ sách kế toán, lập và trình bày báo cáo tài chính, đảm bảo thông tin kế toán được cung cấp kịp thời, chính xác và trung thực.

Kế toán tiền lương: có chức năng theo dõi và hạch toán các khoản tiền lương, tiền công và các khoản phụ cấp cho người lao động. Bộ phận này thực hiện tính lương, thưởng, theo dõi các khoản trích theo lương như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo đúng quy định của Nhà nước. Ngoài ra, kế toán tiền lương lập bảng lương, thực hiện thanh toán tiền lương và cung cấp số liệu liên quan phục vụ công tác quản lý nhân sự và chi phí của Công ty.

Kế toán thuế: chịu trách nhiệm thực hiện toàn bộ công tác kế toán thuế của doanh nghiệp. Cụ thể, kế toán thuế tiến hành kê khai, nộp các loại thuế như thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và các loại thuế, phí khác theo quy định. Đồng thời, bộ phận này theo dõi tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế với Nhà nước, lập báo cáo thuế định kỳ và phối hợp với cơ quan thuế khi có yêu cầu kiểm tra, quyết toán thuế.

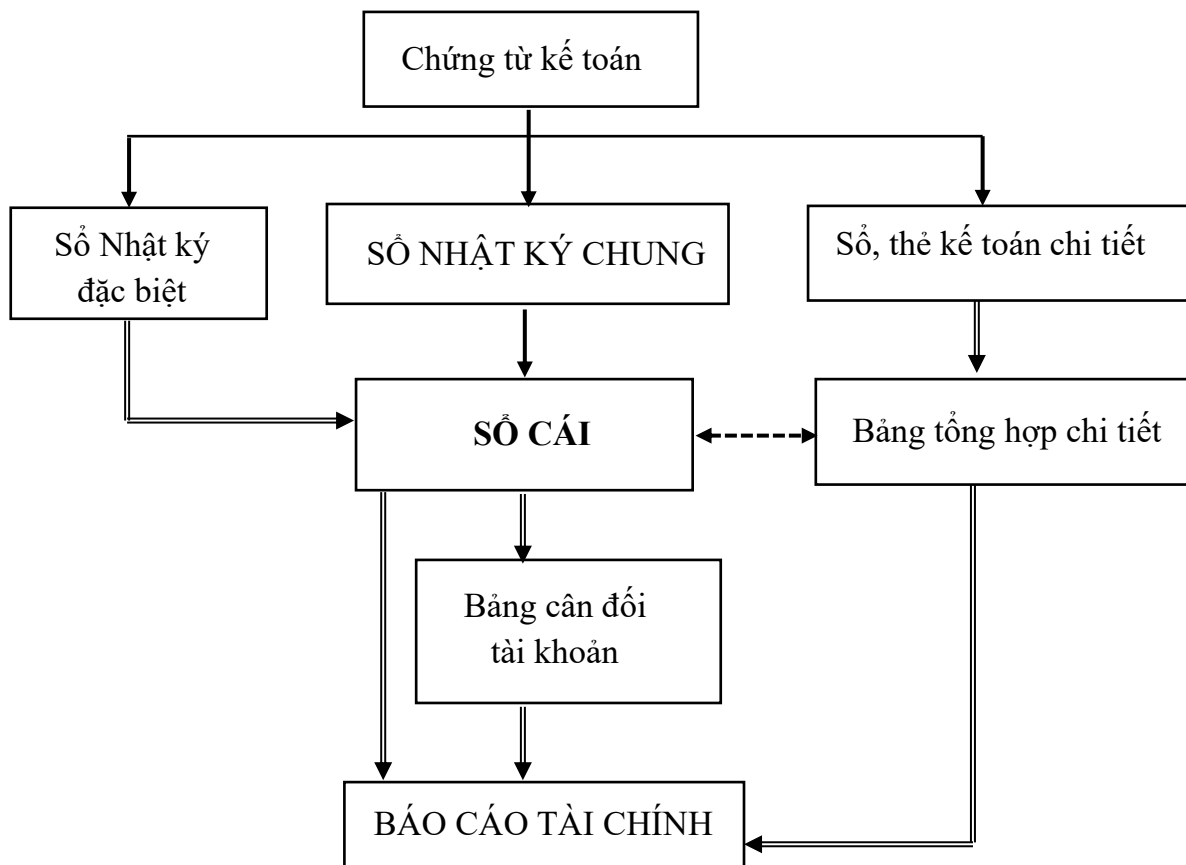
Kế toán doanh thu: có chức năng theo dõi, hạch toán và quản lý doanh thu phát sinh từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty. Kế toán doanh thu kiểm tra, đối chiếu hóa đơn, chứng từ liên quan đến doanh thu, theo dõi công nợ phải thu khách hàng và phối hợp với các bộ phận liên quan để xác định kết quả kinh doanh. Các số liệu do kế toán doanh thu cung cấp là cơ sở quan trọng cho việc lập báo cáo tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động sản xuất – kinh doanh của Công ty.

2.1.4 Hình thức ghi sổ và phần mềm kế toán sử dụng tại Công ty cổ phần tập đoàn Việt Angroup**a. Hình thức ghi sổ kế toán tại Công ty cổ phần Tập đoàn Việt Angroup và trình tự luân chuyển chứng từ**

Trong năm 2025, bộ phận kế toán của Công ty cổ phần Tập đoàn Việt Angroup áp dụng hình thức ghi sổ kế toán theo phương pháp “Nhật ký chung” căn cứ theo

hướng dẫn của Thông tư 200. Kể từ ngày 01/01/2026, công ty chính thức chuyển sang áp dụng hình thức ghi sổ kế toán “Nhật ký chung” theo quy định tại Thông tư 99

Trình tự luân chuyển chứng từ trong công ty được thực hiện theo quy trình cụ thể như sau:



Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán

Ghi chú:

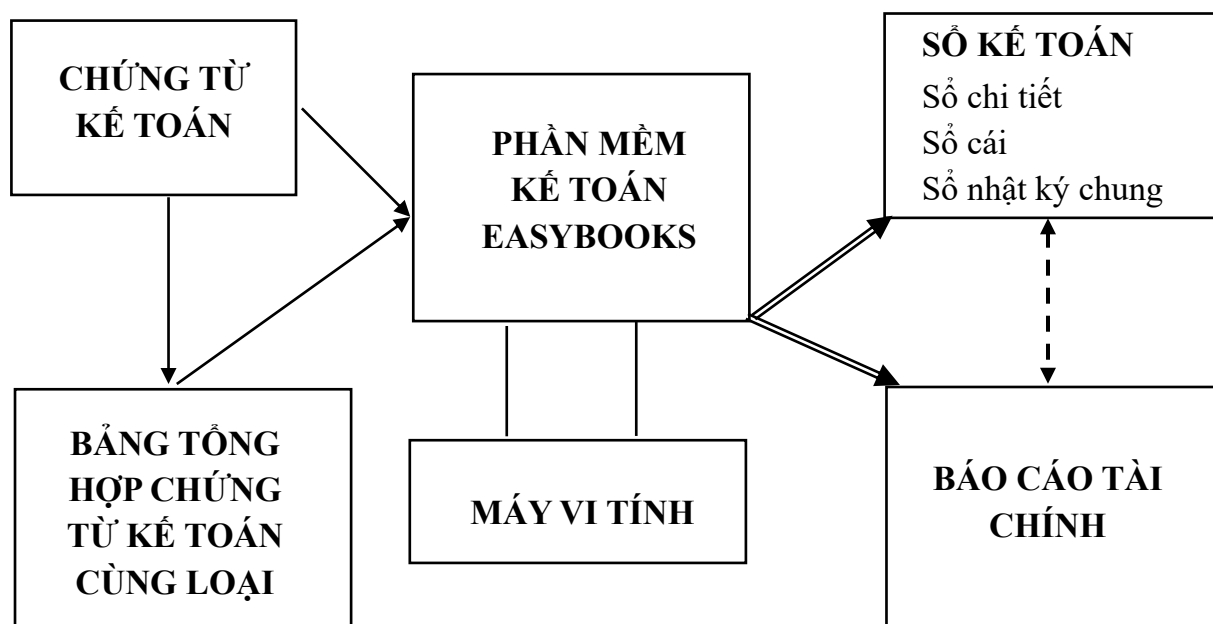
- Ghi hàng ngày : —————→
 Ghi cuối tháng : =====>
 Đối chiếu, kiểm tra : <----->

b. Phần mềm kế toán sử dụng

Trong công tác kế toán, Công ty Cổ phần Tập đoàn Việt Angroup hiện đang sử dụng phần mềm kế toán EasyBooks để thực hiện việc ghi chép, xử lý và quản lý số liệu kế toán. Phần mềm kế toán EasyBooks có 4 phiên bản: App88, App133, App200 và phiên bản đặc biệt.

Trước ngày 01/01/2026, công ty thực hiện công tác kế toán và lập báo cáo tài chính theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC, do đó đã lựa chọn sử dụng phần mềm kế toán EasyBooks phiên bản App200 nhằm đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về chế độ kế toán doanh nghiệp.

Kể từ ngày 01/01/2026, công ty chuyển sang áp dụng chế độ kế toán theo Thông tư 99, do đó việc sử dụng phần mềm kế toán tiếp tục được duy trì và điều chỉnh phù hợp với quy định của thông tư này, đảm bảo đáp ứng đầy đủ các phân hệ kế toán cần thiết, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý và cung cấp thông tin tài chính kịp thời, chính xác cho doanh nghiệp.



Sơ đồ 2.4: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung trên máy tính

Ghi chú:

Ghi hằng ngày: $\longrightarrow$

Ghi cuối kỳ: $\Longrightarrow$

Quan hệ đối chiều, kiểm tra: $\longleftrightarrow$

❖ Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung trên phần mềm EasyBooks:

Khi phát sinh nghiệp vụ kinh tế, doanh nghiệp tiến hành lập và phát hành hóa đơn GTGT điện tử theo đúng quy định. Hóa đơn điện tử sau khi phát hành được đồng bộ tự động về phần mềm kế toán EasyBooks thông qua hệ thống kết nối hóa đơn điện tử. Kế toán đăng nhập phần mềm, truy cập vào phân hệ hóa đơn bán ra để kiểm tra danh sách hóa đơn đã đồng bộ

Kế toán tiến hành lập hóa đơn bán hàng đã được đồng bộ về phần mềm và thực hiện kiểm tra các thông tin quan trọng gồm: tên khách hàng, mã số thuế, nội dung dịch vụ, giá trị trước thuế, thuế GTGT, hình thức thanh toán (chưa thanh toán). Sau khi kiểm tra, kế toán tiến hành ghi nhận nghiệp vụ vào phần mềm.

Sau khi dữ liệu được nhập và xác nhận, phần mềm EasyBooks tự động xử lý dữ liệu kế toán trên cơ sở các thông tin đã khai báo ban đầu. Cụ thể, phần mềm thực hiện phân loại nghiệp vụ, xác định quan hệ đối ứng tài khoản và cập nhật số liệu vào Sổ Nhật ký chung theo trình tự thời gian.

Đồng thời, dữ liệu từ Sổ Nhật ký chung được tự động chuyển sang Sổ Chi tiết và Sổ Cái các tài khoản. Trên cơ sở đó, phần mềm EasyBooks giúp kế toán theo dõi doanh thu theo từng loại hình hoạt động, từng dịch vụ và từng đối tượng khách hàng. Trong quá trình xử lý dữ liệu, phần mềm cho phép kế toán rà soát, chỉnh sửa hoặc bổ sung chứng từ (khi phát hiện sai sót) trước khi khóa sổ kế toán kỳ kế toán, qua đó đảm bảo tính chính xác và đầy đủ của thông tin kế toán.

2.1.5 Chế độ kế toán và một số chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty cổ phần tập đoàn Việt Angroup

- Kỳ kế toán: Kỳ kế toán của công ty được xác định theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 hàng năm
- Đơn vị tiền tệ sử dụng: Đồng Việt Nam (VNĐ)
- Chế độ kế toán áp dụng: Trong năm 2025 Công ty cổ phần tập đoàn Việt Angroup áp dụng chế độ kế toán theo thông tư 200/2014/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành. Kể từ ngày 01/01/2026, công ty chuyển sang áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC.
- Phương pháp tính giá xuất kho: Phương pháp nhập trước - xuất trước
- Phương pháp tính thuế GTGT: Phương pháp khấu trừ
- Phương pháp tính khấu hao TSCĐ: Phương pháp đường thẳng

2.2 Thực trạng kế toán các khoản doanh thu tại Công ty cổ phần tập đoàn Việt Angroup

2.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty cổ phần tập đoàn Việt Angroup

a. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Các chứng từ liên quan khác

b. Tài khoản sử dụng

Để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ công ty đã sử dụng các tài khoản:

- Tài khoản 511 : Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, công ty mở các tài khoản chi tiết sau:
 - + Tài khoản 5111 - Doanh thu bán hàng hóa
 - + Tài khoản 5112 - Doanh thu bán thành phẩm

+ Tài khoản 5113 - Doanh thu cung cấp dịch vụ

c. *Sổ sách sử dụng*

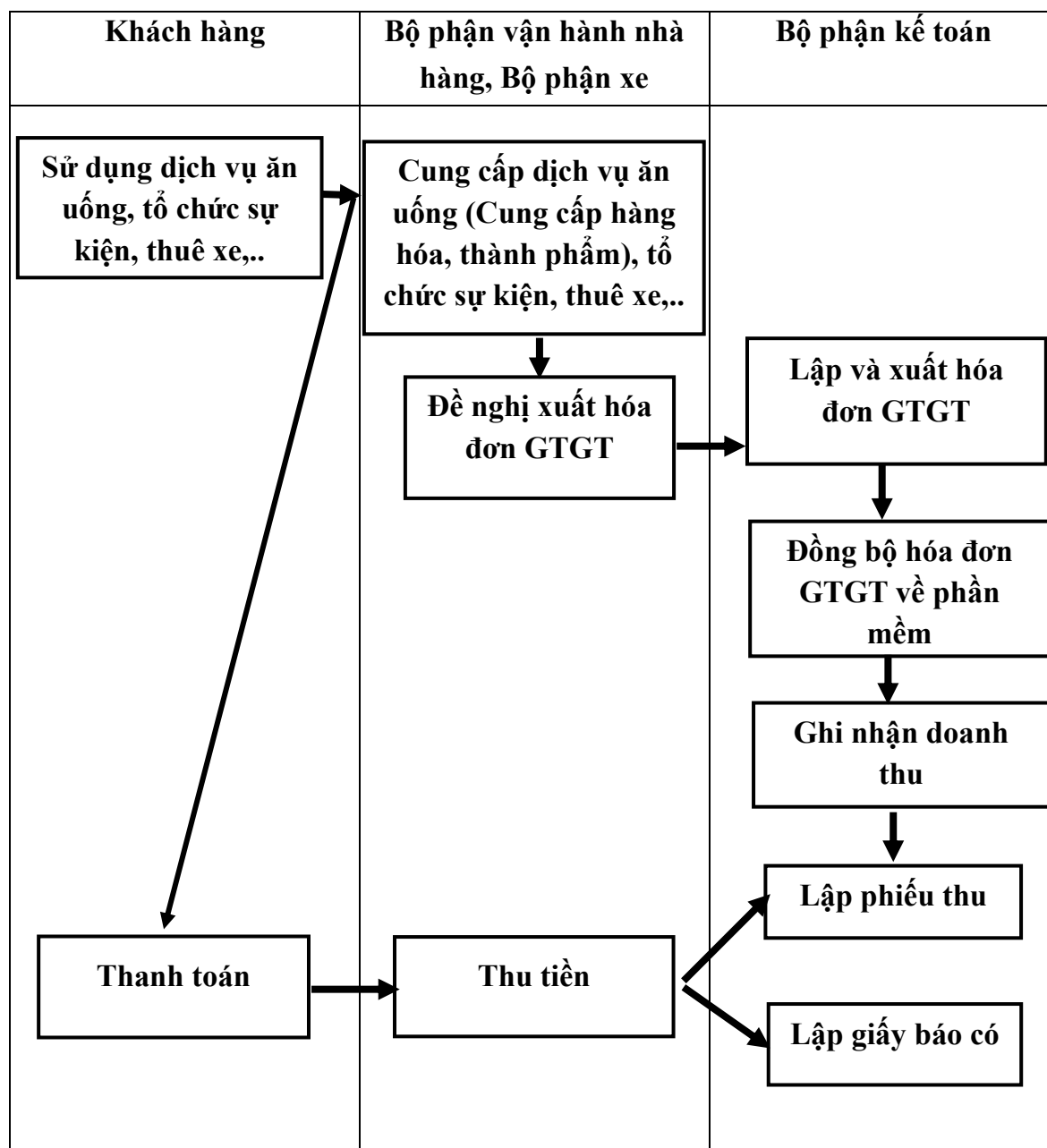
- Sổ nhật ký chung

- Sổ cái TK 511

- Sổ chi tiết các Tài khoản : TK 5111, TK 5112, TK 5113

d. *Phương pháp hạch toán*

➤ **Quy trình luân chuyển chứng từ bán hàng và cung cấp dịch vụ:**



Sơ đồ 2.5: Quy trình luân chuyển chứng từ doanh thu bán hàng và CCDV

❖ **Quy trình và phần mềm xuất hóa đơn điện tử tại công ty:**

Hiện nay, Công ty Cổ phần Tập đoàn Việt Angroup đang sử dụng đồng thời hai phần mềm để lập và xuất hóa đơn điện tử, bao gồm phần mềm iPOS Invoice (tích hợp với máy tính tiền) và phần mềm MISA meInvoice, nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý doanh thu và phù hợp với đặc thù hoạt động kinh doanh dịch vụ nhà hàng. Cụ thể, iPOS Invoice được sử dụng trong các giao dịch bán hàng phát sinh trực tiếp tại nhà hàng, gắn liền với máy tính tiền, hỗ trợ việc lập hóa đơn điện tử nhanh chóng ngay tại thời điểm thanh toán, quản lý doanh thu theo ca, theo ngày và đáp ứng quy định về hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền. Bên cạnh đó, MISA meInvoice được sử dụng để lập và phát hành hóa đơn điện tử đối với các nghiệp vụ bán hàng cho khách hàng doanh nghiệp, các hóa đơn theo hợp đồng hoặc các trường hợp cần theo dõi công nợ phải thu, giúp kế toán kiểm soát chặt chẽ thông tin hóa đơn và phục vụ công tác kê khai thuế.

➤ ***Nghiệp vụ 1: Doanh thu bán hàng hóa***

Ngày 13/12/2025, Công ty Cổ phần Tập đoàn Việt Angroup lập Hóa đơn GTGT số 00032579, ký hiệu 1C25MAG cho Công ty Bảo Việt Đà Nẵng (MST: 0101527385-003) để ghi nhận nghiệp vụ bán hàng. Nội dung gồm: Set Menu 350.000, bia Tiger Crystal lon, rượu vang đỏ Vistana Cabernet Sauvignon Chile, nước suối Dasani và Coca Cola lon. Tổng giá trị chưa thuế 60.208.000 đồng, thuế GTGT 5.183.240 đồng, tổng thanh toán 65.391.240 đồng. Khách hàng chưa thanh toán nên doanh nghiệp ghi nhận khoản phải thu.

Nghiệp vụ phát sinh bao gồm doanh thu bán thành phẩm và doanh thu bán hàng hóa. Trong đó, Set Menu 350.000 là thành phẩm do doanh nghiệp chế biến; các mặt hàng còn lại là hàng hóa mua vào để bán lại. Về thuế GTGT, nhóm chịu thuế suất 8% gồm Set Menu 350.000, nước suối Dasani và Coca Cola lon (doanh thu 41.878.000 đồng, thuế 3.350.240 đồng); nhóm chịu thuế suất 10% gồm bia Tiger Crystal lon và rượu vang đỏ Vistana Cabernet Sauvignon Chile (doanh thu 18.330.000 đồng, thuế 1.833.000 đồng).



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VIỆT ANGROUP

Mã số thuế (Tax code): 0401925475

Địa chỉ (Address): Lô 4-A9.4 Đường 2/9, Phường Hoà Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Số tài khoản (Account no.): 110603999777 Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (Vietinbank) - Chi nhánh Ngũ Hành Sơn

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial): 1C25MAG
Số (No.): 00032579

Ngày (Date) 13 tháng (month) 12 năm (year) 2025
MCQT :MI-25-ZED8R-00100032579

Họ và tên người mua hàng (Buyer):

Tên đơn vị (Company's Name): CÔNG TY BẢO VIỆT ĐÀ NẴNG

Địa chỉ (Address): 97 Trần Phú, Phường Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Mã số thuế (Tax Code): 0101527385-003

Phương thức thanh toán (Payment method): Tiền Mặt/Chuyển Khoản

Ghi Chú (Note):

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Tiền chiết khấu (Discount)	Thành tiền trước thuế GTGT (Amount)	Thuế suất GTGT (Tax Rate)	Tiền thuế GTGT (Tax Amount)	Thành tiền sau thuế GTGT (Total Amount)
1	Sct Menu 350.000	Phần	115	350.000		40.250.000	8%	3.220.000	43.470.000
2	Bia Tiger Crystal Bạc Lon	Thùng	5	690.000		3.450.000	10%	345.000	3.795.000
3	Rượu Vang Đỏ Vistana Cabernet Sauvignon Chile	Chai	31	480.000		14.880.000	10%	1.488.000	16.368.000
4	Nước suối Dasani	Thùng	4	185.000		740.000	8%	59.200	799.200
5	Coca Cola Lon	Thùng	3	296.000		888.000	8%	71.040	959.040
Tổng hợp (Summary)				Thành tiền trước thuế GTGT (Amount before tax)		Tiền thuế GTGT (Tax Amount)		Cộng tiền thanh toán (Total Amount)	
Tổng tiền chịu thuế suất 8%:				41.878.000		3.350.240		45.228.240	
Tổng tiền chịu thuế suất 10%:				18.330.000		1.833.000		20.163.000	
Tổng cộng:				60.208.000		5.183.240		65.391.240	

Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): Sáu mươi lăm triệu ba trăm chín mươi một nghìn hai trăm bốn mươi đồng

(Tra cứu hóa đơn điện tử tại: tracuuhoadon.ipos.vn, mã tra cứu: 27qwcmyZff)

Người mua hàng
(Buyer)

Đơn vị bán hàng

Signature Valid

Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VIỆT ANGROUP

Ký ngày: 13 - 12 - 2025

Khởi tạo từ phần mềm IPOS INVOICE - Công ty cổ phần IPOS.vn - MST: 0104789847 - SĐT : 19004766 - Website: ipos.vn

Hình 1: Hóa đơn GTGT số 32579

Giao diện phần mềm kế toán EasyBooks: XEM PHỤ LỤC 1

Sau khi đăng nhập vào phần mềm kế toán EasyBooks, kế toán thực hiện đồng bộ hóa đơn bán ra từ hệ thống hóa đơn điện tử về phần mềm. Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 32579, kế toán tiến hành lập chứng từ bán hàng bằng cách nhập đầy đủ các thông tin liên quan như mã khách hàng hoặc tạo mới mã khách hàng trong trường

hợp khách hàng chưa có trên hệ thống. Tiếp theo, kế toán lựa chọn phương thức thanh toán phù hợp, đồng thời bỏ chọn chức năng “kiểm phiếu xuất kho” để tách riêng nghiệp vụ bán hàng và xuất kho hàng hóa. Sau đó, kế toán chọn mã hàng hóa tương ứng với các mặt hàng trên hóa đơn, kiểm tra số lượng, tiền thuế GTGT và tổng thành tiền nhằm đảm bảo số liệu khớp đúng với hóa đơn điện tử đã phát hành. Cuối cùng, kế toán thực hiện lưu chứng từ bán hàng trên phần mềm để hoàn tất việc ghi nhận nghiệp vụ.

Màn hình nhập liệu trên phần mềm: XEM PHỤ LỤC 2

Trong thực tế, Công ty phát sinh các hóa đơn bán hàng gồm nhiều loại doanh thu như doanh thu bán hàng hóa (TK 5111) và doanh thu bán thành phẩm (TK 5112) trên cùng một hóa đơn. Ví dụ, hóa đơn số 32579 ngày 13/12/2025 vừa bao gồm hàng hóa (bia, nước giải khát) vừa bao gồm thành phẩm như Set Menu 350.000 do Công ty trực tiếp chế biến. Khi ghi nhận, kế toán phân loại doanh thu theo nội dung kinh tế: doanh thu bán hàng hóa hạch toán vào TK 5111 (bia Tiger Crystal, rượu vang đỏ Vistana Cabernet Sauvignon Chile, nước suối Dasani, Coca Cola lon); doanh thu bán thành phẩm hạch toán vào TK 5112 (Set Menu 350.000).

Do đó, Sổ chi tiết TK 5111 chỉ phản ánh doanh thu bán hàng hóa, không bao gồm doanh thu bán thành phẩm nên không trùng với tổng doanh thu trên hóa đơn và doanh thu bán hàng trong ngày. Tổng doanh thu chỉ được xác định khi cộng TK 5111 và TK 5112.

Sau khi kế toán đã nhập vào phần mềm và nhấn lưu thì phần mềm sẽ tự động lên Sổ Nhật ký chung, Sổ Cái TK 511 và Sổ chi tiết TK 5111.

Để thực hiện xem Sổ Nhật ký chung (Sổ Cái, Sổ chi tiết): Vào mục Báo cáo => Tổng hợp => Sổ Nhật ký chung (S03bDN: Sổ cái (HT nhật ký chung), Sổ chi tiết các tài khoản).

Giao diện xem sổ sách trên phần mềm Easybooks: XEM PHỤ LỤC 3

➤ *Nghiệp vụ 2: Doanh thu bán thành phẩm*

Ngày 24/12/2025, Công ty Cổ phần Tập đoàn Việt Angroup cung cấp dịch vụ đồ uống cho Công ty TNHH Visit Indochina theo hóa đơn GTGT số 00034270, ký hiệu 1C25MAG. Nội dung gồm các loại đồ uống như cà phê đen, cà phê sữa, nước chanh và nước ép với tổng số lượng 15 ly. Tổng giá trị chưa thuế là 840.000 đồng, thuế GTGT 8% là 67.200 đồng, tổng thanh toán 907.200 đồng. Khách hàng thanh toán bằng tiền mặt tại thời điểm lập hóa đơn.



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VIỆT ANGROUP

Mã số thuế (Tax code): 0401925475

Địa chỉ (Address): Lô 4-A9.4 Đường 2/9, Phường Hoà Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Số tài khoản (Account no.): 110603999777 Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (Vietinbank) - Chi nhánh Ngũ Hành Sơn

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial): 1C25MAG
Số (No.): 00034270

Ngày (Date) 24 tháng (month) 12 năm (year) 2025
MCQT: M1-25-ZED8R-00100034270

Họ và tên người mua hàng (Buyer):

Tên đơn vị (Company's Name): CÔNG TY TNHH VISIT INDOCHINA

Địa chỉ (Address): 52 Nại Nam, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mã số thuế (Tax Code): 0402231769

Tình thức thanh toán (Payment method): Tiền Mặt/Chuyển Khoản

Ghi Chú (Note):

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Tiền chiết khấu (Discount)	Thành tiền trước thuế GTGT (Amount)	Thuế suất GTGT (Tax Rate)	Tiền thuế GTGT (Tax Amount)	Thành tiền sau thuế GTGT (Total Amount)
1	Cà Phê Đen/ Black Coffee	Ly	3	50.000		150.000	8%	12.000	162.000
2	Cà Phê Sữa/ Milk Coffee	Ly	7	55.000		385.000	8%	30.800	415.800
3	Nước Chanh/ Lemon Juice	Ly	4	60.000		240.000	8%	19.200	259.200
4	Bạc Xiu/ Vietnamese Milk Coffee	Ly	1	65.000		65.000	8%	5.200	70.200
Tổng hợp (Summary)				Thành tiền trước thuế GTGT (Amount before tax)		Tiền thuế GTGT (Tax Amount)		Cộng tiền thanh toán (Total Amount)	
Tổng tiền chịu thuế suất 8%:				840.000		67.200		907.200	
Tổng cộng:				840.000		67.200		907.200	

Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): Chín trăm linh bảy nghìn hai trăm đồng

(Tra cứu hóa đơn điện tử tại: tracuuhoadon.ipos.vn, mã tra cứu: 1SacZeYpIp)

Người mua hàng
(Buyer)

Đơn vị bán hàng

Signature Valid

Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VIỆT ANGROUP

Ký ngày: 24 - 12 - 2025

Khởi tạo từ phần mềm IPOS INVOICE - Công ty cổ phần IPOS.vn - MST: 0104789847 - SĐT: 19004766 - Website: ipos.vn

Hình 2: Hóa đơn GTGT số 34270

Kế toán đăng nhập vào phần mềm Easybooks, thực hiện đồng bộ hóa đơn điện tử để lấy dữ liệu hóa đơn bán ra. Sau đó, lựa chọn hóa đơn cần hạch toán (HĐ số 34270) và tiến hành lập chứng từ bán hàng. Tại màn hình chứng từ, kế toán nhập thông tin khách hàng (chọn mã đã có hoặc tạo mới), xác định phương thức thanh toán và bỏ chọn chức năng “kiểm phiếu xuất kho”. Tiếp theo, chọn mã hàng hóa và kiểm tra các chỉ tiêu như số lượng, tiền thuế và tổng giá trị đảm bảo khớp với hóa đơn. Sau khi rà soát đầy đủ và chính xác, kế toán lưu chứng từ bán hàng trên hệ thống.

Màn hình nhập liệu trên phần mềm: XEM PHỤ LỤC 4

Sau khi nhập các dữ liệu vào phần mềm, phần mềm Easybooks sẽ tự động cập nhập lên sổ Nhật ký chung, sổ Cái TK 511 và sổ chi tiết TK 5112.

➤ **Nghiệp vụ 3: Doanh thu từ cung cấp dịch vụ**

Ngày 20/11/2025, Công ty Cổ phần Tập đoàn Việt Angroup cung cấp trọn gói hàng hóa và dịch vụ tổ chức sự kiện cho Công ty Cổ phần ALC Phú Quý theo hóa đơn GTGT ký hiệu 1C25MAG, số 00029441. Tổng giá trị chưa thuế 26.959.000 đồng, thuế GTGT 2.170.520 đồng, tổng thanh toán 29.129.520 đồng.

Về thuế suất: mức 8% áp dụng cho các hàng hóa, dịch vụ như Set menu 550.000, âm thanh ánh sáng, backdrop, tôm sủ nướng muối ớt, tivi, phụ thu mang đồ uống vào, nước suối Dasani và Coca Cola; mức 10% áp dụng cho bia Tiger Crystal (thùng). Việc phân loại phù hợp quy định thuế GTGT hiện hành.



VIET ANGROUP

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VIỆT ANGROUP

Mã số thuế (Tax code): 0 4 0 1 9 2 5 4 7 5

Địa chỉ (Address): Lô 4-A9.4 Đường 2/9, Phường Hoà Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Số tài khoản (Account no.):

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(VAT INVOICE)

Ngày (Date) 20 tháng (month) 11 năm (year) 2025

MCQT :M1-25-ZED8R-00100029441

Ký hiệu (Serial): **1C25MAG**

Số (No.): **00029441**

Họ và tên người mua hàng (Buyer):

Tên đơn vị (Company's Name): CÔNG TY CỔ PHẦN ALC PHÚ QUÝ

Địa chỉ (Address): Số 10 Xuân Thủy, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mã số thuế (Tax Code): 0110489312

Hình thức thanh toán (Payment method): Tiền Mặt/Chuyển Khoản

Ghi Chú (Note):

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Tiền chiết khấu (Discount)	Thành tiền trước thuế GTGT (Amount)	Thuế suất GTGT (Tax Rate)	Tiền thuế GTGT (Tax Amount)	Thành tiền sau thuế GTGT (Total Amount)
1	Set Menu 550.000	Phần	31	550.000		17.050.000	8%	1.364.000	18.414.000
2	Âm Thanh Ánh Sáng Cơ Bản	Gói	1	3.500.000		3.500.000	8%	280.000	3.780.000
3	Backdrop	Gói	1	3.000.000		3.000.000	8%	240.000	3.240.000
4	Tôm Sủ Nướng Muối Ớt	Kg	1	800.000		800.000	8%	64.000	864.000
5	Tivi	Gói	1	500.000		500.000	8%	40.000	540.000
6	Bia Tiger Crystal Bạc Lon	Thùng	1	690.000		690.000	10%	69.000	759.000
7	Phụ Thu Phí Mang Đồ Uống Vào	Lon	117	7.000		819.000	8%	65.520	884.520
8	Nước Suối Dasani	Thùng	2	185.000		370.000	8%	29.600	399.600
9	Coca Cola	Lon	7	30.000		210.000	8%	16.800	226.800
10	Nước Suối Dasani	Chai	1	20.000		20.000	8%	1.600	21.600
Tổng hợp (Summary)			Thành tiền trước thuế GTGT (Amount before tax)			26.959.000		2.170.520	29.129.520
Tổng tiền chịu thuế suất 8%:						26.269.000		2.101.520	28.370.520
Tổng tiền chịu thuế suất 10%:						690.000		69.000	759.000
Tổng cộng:						26.959.000		2.170.520	29.129.520

Số tiền viết bằng chữ (Amount in words):
Hai mươi chín triệu một trăm hai nghìn chín trăm hai mươi đồng

(Tra cứu hóa đơn điện tử tại: tracuuhoadon.ipos.vn, mã tra cứu: VPhvleZgYZ)

Người mua hàng
(Buyer)

Đơn vị bán hàng

Signature Valid

Ký bởi: **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VIỆT ANGROUP**

Ký ngày: 20 - 11 - 2025

Khởi tạo từ phần mềm IPOS INVOICE - Công ty cổ phần IPOS.vn - MST: 0104789487 - SĐT : 19004766 - Website: ipos.vn

Hình 3: Hóa đơn GTGT số 29441

Kế toán đăng nhập phần mềm Easybooks, đồng bộ hóa đơn điện tử và lựa chọn hóa đơn số 29441 để lập chứng từ bán hàng. Tại màn hình chứng từ, kế toán nhập thông tin khách hàng (chọn mã có sẵn hoặc tạo mới) và xác định phương thức thanh toán. Sau đó, kế toán bỏ chọn chức năng “kiểm phiếu xuất kho”, lựa chọn mã dịch vụ, kiểm tra các chỉ tiêu như giá trị chưa thuế, thuế GTGT và tổng thanh toán đảm bảo khớp với hóa đơn. Sau khi xác nhận chính xác, kế toán lưu chứng từ trên hệ thống.

Màn hình nhập liệu trên phần mềm: XEM PHỤ LỤC 5

Sau khi nhập các dữ liệu vào phần mềm, phần mềm Easybooks sẽ tự động cập nhập lên sổ Nhật ký chung, sổ Cái TK 511 và sổ chi tiết TK 5113.

Quy trình xuất Sổ Nhật Ký chung:

Vào phân hệ “ Báo cáo” => “Tổng hợp” => “ Nhật ký chung” , nhập kỳ báo cáo năm 2025 => Chọn xem báo cáo

Màn hình giao diện xuất Sổ Nhật ký chung: XEM PHỤ LỤC 6

Sổ Nhật ký chung: XEM Ở PHỤ LỤC 14

Quy trình xuất sổ chi tiết các tài khoản 5111, 5112 và 5113:

Vào phân hệ “ Báo cáo” => “Tổng hợp” => “ Sổ chi tiết các tài khoản” , nhập kỳ báo cáo năm 2025 => Chọn lần lượt các tài khoản 5111, 5112 và 5113 => Chọn xem báo cáo

Dưới đây là trích yếu Sổ chi tiết tài khoản 5111 năm 2025:

Lô 4-A9.4 Đường 2/9, Phường Hoà Cường Bắc, Quận Hải Châu, Đà Nẵng
Mã số thuế: 0401925475

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính)

Năm 2025

Tài khoản: 5111 : Loại tiền: VND

- Số này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang số ...
- Ngày mở sổ:

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người ghi sổ
(Ký họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

44

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VIỆT ANGROUP
 Lô 4-A9.4 Đường 2/9, Phường Hoà Cường Bắc, Quận Hải Châu, Đà Nẵng
 Mã số thuế: 0401925475

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính)

Tài khoản: 5112 ; Loại tiền: VND

- Số này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang số ...
- Ngày mở sổ:

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

45

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VIỆT ANGROUP
 Lô 4-A9.4 Đường 2/9, Phường Hoà Cường Bắc, Quận Hải Châu, Đà Nẵng
 Mã số thuế: 0401925475

Mẫu số: S38-DN
(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính)

Năm 2025

Tài khoản: 5113 ; Loại tiền: VND

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Số hóa đơn	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh nợ	Phát sinh Có	Dư Nợ	Dư Có	Tên đối tượng
				Số dư đầu kỳ	5113						
****	****	****	****	****	****	****	****	****	****	****	****
10/11/2025	10/11/2025	BH31698	895	Dịch vụ cho thuê xe VF6s biển số 36K-657.93	5113	131		740.741		10.239.167.697	Người mua không lấy hóa đơn
10/11/2025	10/11/2025	BH31699	894	Dịch vụ cho thuê xe VF6s biển số 36H-192.77	5113	131		14.814.815		10.253.982.512	Người mua không lấy hóa đơn
10/11/2025	10/11/2025	BH31700	892	Dịch vụ cho thuê xe VF6s biển số 36K-661.02	5113	131		740.741		10.254.723.253	Người mua không lấy hóa đơn
11/11/2025	11/11/2025	BH31509	898	Phụ thu phí phát sinh phí sửa chữa đèn xe VF6s biển số 36K-657.93	5113	131		370.370		10.255.093.623	Người mua không lấy hóa đơn
11/11/2025	11/11/2025	BH31695	900	Dịch vụ cho thuê xe VF6s biển số 36K-657.21	5113	131		14.814.815		10.269.908.438	Người mua không lấy hóa đơn
11/11/2025	11/11/2025	BH31696	899	Dịch vụ cho thuê xe VF6s, biển số 36K-657.40	5113	131		28.751.852		10.298.660.290	Người mua không lấy hóa đơn
11/11/2025	11/11/2025	BH31697	897	Dịch vụ cho thuê xe VF6s biển số 36K-661.02	5113	131		2.611.111		10.301.271.401	Người mua không lấy hóa đơn
12/11/2025	12/11/2025	BH31513	901	Dịch vụ cho thuê xe VF9 Plus có tài theo giờ biển số xe 89A-501.25	5113	131		638.889		10.301.910.290	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG PHÁP VIỆT
12/11/2025	12/11/2025	BH31694	902	Dịch vụ cho thuê xe VF6s, biển số 36H-141.92	5113	131		13.516.668		10.315.426.958	Người mua không lấy hóa đơn
13/11/2025	13/11/2025	BH31516	904	Phụ thu phí phát sinh thêm giờ dịch vụ cho thuê xe VF9 Plus có tài theo giờ biển số xe 89A-501.25	5113	131		500.000		10.315.926.958	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG PHÁP VIỆT
13/11/2025	13/11/2025	BH31692	905	Dịch vụ cho thuê xe VF6s biển số 36K-659.97	5113	131		14.227.778		10.330.154.736	Người mua không lấy hóa đơn
13/11/2025	13/11/2025	BH31693	903	Dịch vụ cho thuê xe VF6s biển số 36H-142.90	5113	131		14.814.815		10.344.969.551	Người mua không lấy hóa đơn
14/11/2025	14/11/2025	BH31518	906	Cung cấp dịch vụ cho thuê xe VF8 Plus theo hợp đồng số 01.0606.2025/HDTX-VAG ký tháng 11 năm 2025	5113	131		54.833.333		10.399.802.884	CÔNG TY TNHH MTV ECORIDE
14/11/2025	14/11/2025	BH31554	907	Cung cấp dịch vụ cho thuê xe VF6 theo hợp đồng số 01.0606.2025/HDTX-VAG ký tháng 11 năm 2025	5113	131		1.264.814.815		11.664.617.699	CÔNG TY TNHH MTV ECORIDE
18/11/2025	18/11/2025	BH31686	914	Dịch vụ cho thuê xe VF6s biển số 36K-479.94	5113	131		14.814.815		11.679.432.514	Người mua không lấy hóa đơn
18/11/2025	18/11/2025	BH31687	913	Dịch vụ cho thuê xe VF6s biển số 36K-479.71	5113	131		13.333.334		11.692.765.848	Người mua không lấy hóa đơn
18/11/2025	18/11/2025	BH31688	912	Dịch vụ cho thuê xe VF6s biển số 36K-657.54	5113	131		14.375.926		11.707.141.774	Người mua không lấy hóa đơn
18/11/2025	18/11/2025	BH31689	910	Dịch vụ cho thuê xe VF6s biển số 36H-139.52	5113	131		14.814.815		11.721.956.589	Người mua không lấy hóa đơn
18/11/2025	18/11/2025	BH31690	909	Dịch vụ cho thuê xe VF6s biển vàng, biển số 36H-141.85	5113	131		57.503.704		11.779.460.293	Người mua không lấy hóa đơn
18/11/2025	18/11/2025	BH31691	908	Dịch vụ cho thuê xe VF6s, biển số 36H-141.76	5113	131		14.814.815		11.794.275.108	Người mua không lấy hóa đơn
19/11/2025	19/11/2025	BH31682	918	Dịch vụ cho thuê xe VF6s biển số 36H-140.08	5113	131		14.375.926		11.808.651.034	Người mua không lấy hóa đơn
19/11/2025	19/11/2025	BH31683	917	Dịch vụ cho thuê xe VF6s biển số 36H-141.85	5113	131		14.375.926		11.823.026.960	Người mua không lấy hóa đơn
19/11/2025	19/11/2025	BH31684	916	Dịch vụ cho thuê xe VF6s, biển số 36K-657.93	5113	131		2.222.222		11.825.249.182	Người mua không lấy hóa đơn
19/11/2025	19/11/2025	BH31685	915	Dịch vụ cho thuê xe VF6s, biển số 36K-657.93	5113	131		1.481.481		11.826.730.663	Người mua không lấy hóa đơn
20/11/2025	20/11/2025	BH31538	29441	Bán hàng chưa thu tiền của CÔNG TY CỔ PHẦN ALC PHÚ QUÝ theo hoá đơn số 29441	5113	131		7.819.000		11.834.549.663	CÔNG TY CỔ PHẦN ALC PHÚ QUÝ
20/11/2025	20/11/2025	BH31679	921	Dịch vụ cho thuê xe VF6s, biển số 36K-658.64	5113	131		4.092.593		11.838.642.256	Người mua không lấy hóa đơn
20/11/2025	20/11/2025	BH31680	920	Dịch vụ cho thuê xe VF6s biển số 36K-661.02	5113	131		14.814.815		11.853.457.071	Người mua không lấy hóa đơn
20/11/2025	20/11/2025	BH31681	919	Dịch vụ cho thuê xe VF6s, biển số 36H-141.92	5113	131		81.100.002		11.934.557.073	Người mua không lấy hóa đơn
21/11/2025	21/11/2025	BH31539	923	Dch vụ cho thuê xe VF9 Plus có tài biển số xe 89A-501.25, thời gian sử dụng dịch vụ ngày 21/11/2025	5113	131		2.314.815		11.936.871.888	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG PHÁP VIỆT
21/11/2025	21/11/2025	BH31678	922	Dịch vụ cho thuê xe VF6s, biển số 36K-658.41	5113	131		14.814.815		11.951.686.703	Người mua không lấy hóa đơn
****	****	****	****	****	****	****	****	****	****	****	****
				Tổng cộng			14.458.149.625	14.458.149.625			

- Số này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang số ...

- Ngày mở sổ:

Ngày mở sổ:									
Ngày 31 tháng 12 năm 2025									
Người ghi sổ (Ký, họ tên)			Kế toán trưởng (Ký, họ tên)			Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)			

46

Quy trình xuất Sổ Cái:

Vào phân hệ “ Báo cáo” => “Tổng hợp” => “ Sổ Cái theo hình thức nhật ký chung” , nhập kỳ báo cáo năm 2025 => Chọn tài khoản 511=> Chọn xem báo cáo

Giao diện xuất Sổ Cái theo hình thức Nhật ký chung: XEM PHỤ LỤC 7

Dưới đây là trích yếu Sổ Cái tài khoản 511 năm 2025:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VIỆT ANGROUP

Lô 4-A9.4 Đường 2/9, Phường Hoà Cường Bắc, Quận Hải Châu, Đà Nẵng

Mã số thuế: 0401925475

Mẫu số: S03b-DN

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2025

Tài khoản: 511-Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hóa đơn	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Trang số	STT dòng		Phát sinh nợ	Có
....			- Số dư đầu kỳ						
20/11/2025	BH29429/1C25MAG	20/11/2025	Bán hàng chưa thu tiền cho Người mua không lấy hóa đơn theo hoá đơn số 29429	29429			131		603.031
20/11/2025	BH29429/1C25MAG	20/11/2025	Bán hàng chưa thu tiền cho Người mua không lấy hóa đơn theo hoá đơn số 29429	29429			131		1.263.889
20/11/2025	BH29430/1C25MAG	20/11/2025	Bán hàng chưa thu tiền cho Người mua không lấy hóa đơn theo hoá đơn số 29430	29430			131		138.888
20/11/2025	BH29431/1C25MAG	20/11/2025	Bán hàng chưa thu tiền cho Người mua không lấy hóa đơn theo hoá đơn số 29431	29431			131		37.037
20/11/2025	BH29502/1C25MAG	20/11/2025	Bán hàng chưa thu tiền cho Người mua không lấy hóa đơn theo hoá đơn số 29502	29502			131		63.636
20/11/2025	BH29503/1C25MAG	20/11/2025	Bán hàng chưa thu tiền cho Người mua không lấy hóa đơn theo hoá đơn số 29503	29503			131		183.334
20/11/2025	BH29504/1C25MAG	20/11/2025	Bán hàng chưa thu tiền cho Người mua không lấy hóa đơn theo hoá đơn số 29504	29504			131		277.778
20/11/2025	BH29505/1C25MAG	20/11/2025	Bán hàng chưa thu tiền cho Người mua không lấy hóa đơn theo hoá đơn số 29505	29505			131		147.223
20/11/2025	BH31538	20/11/2025	Bán hàng chưa thu tiền của CÔNG TY CỔ PHẦN ALC PHÚ QUÝ theo hoá đơn số 29441	29441			131		1.290.000
20/11/2025	BH31538	20/11/2025	Bán hàng chưa thu tiền của CÔNG TY CỔ PHẦN ALC PHÚ QUÝ theo hoá đơn số 29441	29441			131		17.850.000
20/11/2025	BH31538	20/11/2025	Bán hàng chưa thu tiền của CÔNG TY CỔ PHẦN ALC PHÚ QUÝ theo hoá đơn số 29441	29441			131		7.819.000
20/11/2025	BH31679	20/11/2025	Dịch vụ cho thuê xe VF6s, biển số 36K- 658.64	921			131		4.092.593
....									
13/12/2025	BH31728	13/12/2025	Bán hàng chưa thu tiền của CÔNG TY BẢO VIỆT ĐÀ NẴNG theo hoá đơn số 32579	32579			131		19.958.000
13/12/2025	BH31728	13/12/2025	Bán hàng chưa thu tiền của CÔNG TY BẢO VIỆT ĐÀ NẴNG theo hoá đơn số 32579	32579			131		40.250.000
13/12/2025	BH32461/1C25MAG	13/12/2025	Bán hàng chưa thu tiền cho Người mua không lấy hóa đơn theo hoá đơn số 32461	32461			131		749.999
13/12/2025	BH32462/1C25MAG	13/12/2025	Bán hàng chưa thu tiền cho Người mua không lấy hóa đơn theo hoá đơn số 32462	32462			131		55.556
....									
24/12/2025	BH34270/1C25MAG	24/12/2025	Bán hàng chưa thu tiền cho CÔNG TY TNHH VISIT INDOCHINA theo hoá đơn số 34270	34270			131		840.000
24/12/2025	BH34271/1C25MAG	24/12/2025	Bán hàng chưa thu tiền cho Người mua không lấy hóa đơn theo hoá đơn số 34271	34271			131		166.667
24/12/2025	BH34272/1C25MAG	24/12/2025	Bán hàng chưa thu tiền cho Người mua không lấy hóa đơn theo hoá đơn số 34272	34272			131		55.556
24/12/2025	BH34273/1C25MAG	24/12/2025	Bán hàng chưa thu tiền cho Người mua không lấy hóa đơn theo hoá đơn số 34273	34273			131		263.889
24/12/2025	BH34274/1C25MAG	24/12/2025	Bán hàng chưa thu tiền cho Người mua không lấy hóa đơn theo hoá đơn số 34274	34274			131		157.408
24/12/2025	BH34275/1C25MAG	24/12/2025	Bán hàng chưa thu tiền cho Người mua không lấy hóa đơn theo hoá đơn số 34275	34275			131		436.364
....									
			Cộng	511				26.917.431.295	26.917.431.295
			- Số dư cuối kỳ	511					

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang ... đến trang ...

- Ngày mở sổ:

	Người ghi sổ		Kế toán trưởng		Ngày 31 tháng 12 năm 2025
	(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên)		Giám đốc
					(Ký, họ tên, đóng dấu)

Hình 7: Trích Sổ Cái tài khoản 511

2.2.2 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu tại Công ty cổ phần tập đoàn Việt Angroup

Trong năm 2025, công ty không phát sinh nghiệp vụ giảm trừ doanh thu nên Công ty cổ phần tập đoàn Việt Angroup không hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu.

2.2.3 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính tại Công ty cổ phần tập đoàn Việt Angroup

a. Chứng từ sử dụng

- Giấy báo có, sổ phụ ngân hàng
- Các chứng từ liên quan khác

b. Tài khoản sử dụng

Công ty dùng TK 515 “Doanh thu hoạt động tài chính” để phản ánh lãi tiền gửi ngân hàng công ty nhận được hàng tháng.

c. Sổ sách sử dụng

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ Cái TK 515
- Sổ Chi tiết TK 515

d. Minh họa nghiệp vụ kinh tế phát sinh

Hàng tháng kế toán mang giấy giới thiệu có chữ ký của giám đốc tới ngân hàng để in sổ phụ ngân hàng và giấy báo Nợ/Có về đối chiếu số liệu.

Ngày 31/12/2025 Công ty cổ phần tập đoàn Việt Angroup nhận được lãi tiền gửi ngân hàng TMCP công thương Việt Nam với số tiền lãi công ty nhận được là 24.666 đồng.

Trích sao kê ngân hàng tháng 12 năm 2025: XEM PHỤ LỤC 8

Căn cứ vào sao kê ngân hàng tháng 12/2025, kế toán ghi nhận nghiệp vụ thu tiền qua ngân hàng trên phần mềm Easybooks bằng chức năng “Báo có” tại phân hệ tiền mặt ngân hàng. Tại màn hình chứng từ, kế toán nhập các thông tin như ngày chứng từ, số tiền, nội dung thu và đối tượng liên quan; đồng thời đối chiếu với sao kê để đảm bảo chính xác. Sau đó, kế toán lưu chứng từ để ghi nhận vào hệ thống.

Màn hình hạch toán thu tiền gửi ngân hàng: XEM PHỤ LỤC 9

Sau khi nhập liệu vào phần mềm Easybooks, phần mềm sẽ tự động cập nhật lên số liệu các Sổ Nhật ký chung, Sổ Cái TK 515 và Sổ chi tiết TK 515.

Sổ Nhật ký chung: XEM Ở PHỤ LỤC 14

Quy trình xuất sổ chi tiết các tài 515:

Vào phân hệ “ Báo cáo” => “Tổng hợp” => “ Sổ chi tiết các tài khoản” , nhập kỳ báo cáo năm 2025 => Chọn tài khoản 515 => Chọn xem báo cáo

Dưới đây là trích yếu Sổ chi tiết tài khoản 515 năm 2025:

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN

Năm 2025

Tài khoản: 515 ; Loại tiền: VND

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Số hóa đơn	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh nợ	Phát sinh Có	Dư Nợ	Dư Có
....										
30/06/2025	30/06/2025	BC18242		Nhận lãi tài khoản DDA	515	11211		18.299		185.594
30/06/2025	30/06/2025	BC21101		Nhận lãi tài khoản DDA	515	11214		77.707		263.301
30/06/2025	30/06/2025	BC23728		Nhận lãi số dư trên tài khoản tháng 6/2025	515	11212		194		263.495
30/06/2025	30/06/2025	NVK319		Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 30/06/2025	515	911	263.495			
....										
31/10/2025	31/10/2025	BC40088		Nhận lãi tài khoản DDA	515	11214		23.927		483.261
31/10/2025	31/10/2025	BC40129		Nhận lãi tài khoản DDA	515	11211		15.797		499.058
30/11/2025	30/11/2025	BC23631		Nhận lãi tài khoản DDA	515	11214		29.237		528.295
30/11/2025	30/11/2025	BC23647		Nhận lãi tài khoản DDA	515	11211		13.337		541.632
31/12/2025	31/12/2025	BC23718		Nhận lãi tài khoản DDA	515	11214		15.173		556.805
31/12/2025	31/12/2025	BC23725		Nhận lãi tài khoản DDA	515	11211		24.666		581.471
31/12/2025	31/12/2025	NVK320		Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	515	911	581.471			
				Cộng	515		844.966	844.966		
				Số dư cuối kỳ	515					
				Tổng cộng			844.966	844.966		

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang số ...

- Ngày mở sổ:

	Người ghi sổ	Kế toán trưởng		Ngày.....tháng.....năm 20....
	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)		Giám đốc
				(Ký, họ tên, đóng dấu)

Hình 8: Trích Sổ chi tiết tài khoản 515

Quy trình xuất Sổ Cái:

Vào phân hệ “ Báo cáo” => “Tổng hợp” => “ Sổ Cái theo hình thức nhật ký chung” , nhập kỳ báo cáo năm 2025 => Chọn tài khoản 515 => Chọn xem báo cáo.

Dưới đây là trích yếu Sổ Cái tài khoản 515 năm 2025:

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)
 Năm 2025

Tài khoản: 515-Doanh thu hoạt động tài chính

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hóa đơn	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Trang số	STT dòng		Phát sinh nợ	Có
			- Số phát sinh trong kỳ					844.966	844.966
30/06/2025	BC18242	30/06/2025	Nhận lãi tài khoản DDA				11211		18.299
30/06/2025	BC21101	30/06/2025	Nhận lãi tài khoản DDA				11214		77.707
30/06/2025	BC23728	30/06/2025	Nhận lãi số dư trên tài khoản tháng 6/2025				11212		194
30/06/2025	NVK319	30/06/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 30/06/2025				911	263.495	
31/10/2025	BC40088	31/10/2025	Nhận lãi tài khoản DDA				11214		23.927
31/10/2025	BC40129	31/10/2025	Nhận lãi tài khoản DDA				11211		15.797
30/11/2025	BC23631	30/11/2025	Nhận lãi tài khoản DDA				11214		29.237
30/11/2025	BC23647	30/11/2025	Nhận lãi tài khoản DDA				11211		13.337
31/12/2025	BC23718	31/12/2025	Nhận lãi tài khoản DDA				11214		15.173
31/12/2025	BC23725	31/12/2025	Nhận lãi tài khoản DDA				11211		24.666
31/12/2025	NVK320	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025				911	581.471	
			- Cộng số phát sinh					844.966	844.966
			- Cộng lũy kế					844.966	844.966
			- Số dư cuối kỳ						

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang ... đến trang ...
 - Ngày mở sổ:

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày.....tháng.....năm
 Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Hình 9: Trích Sổ Cái tài khoản 515

2.2.4 Kế toán thu nhập khác tại Công ty cổ phần tập đoàn Việt Angroup

a. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT, biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- Các chứng từ có liên quan khác (Phiếu thu, Giấy báo có, Biên bản bồi thường,..)

b. Tài khoản sử dụng

Trong năm, Công ty Cổ phần Tập đoàn Việt Angroup sử dụng TK 711 – Thu nhập khác để hạch toán các khoản thu nhập ngoài hoạt động kinh doanh chính.

c. Sổ sách sử dụng

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ Cái TK 711
- Sổ chi tiết TK 711

d. Phương pháp hạch toán

Trong quá trình đối chiếu công nợ phải thu khách hàng tại Công ty TNHH Phúc Hoàng Ngân, doanh nghiệp phát sinh một khoản chênh lệch nhỏ. Cụ thể, ngày 15/08/2025, khi thực hiện đối chiếu công nợ với khách hàng, số liệu trên sổ kế toán và số tiền thực tế ghi nhận có sự chênh lệch thừa 1 đồng. Khoản chênh lệch này không xác định được nguyên nhân cụ thể và không mang tính trọng yếu.

Do đó, doanh nghiệp thực hiện ghi nhận khoản chênh lệch này vào thu nhập khác theo quy định hiện hành.

Trên cơ sở nghiệp vụ phát sinh, kế toán thực hiện hạch toán khoản chênh lệch công nợ trên phần mềm kế toán:

Màn hình hạch toán xử lý chênh lệch công nợ: XEM PHỤ LỤC 10

Sau khi nhập liệu vào phần mềm Easybooks, phần mềm sẽ tự động cập nhật lên Sổ Nhật ký chung, Sổ Cái TK 711 và Sổ chi tiết TK 711

Sổ Nhật ký chung: XEM Ở PHỤ LỤC 14

Quy trình xuất sổ chi tiết tài khoản 711:

Vào phân hệ “ Báo cáo” => “Tổng hợp” => “ Sổ chi tiết các tài khoản” , nhập kỳ báo cáo năm 2025 => Chọn tài khoản 711 => Chọn xem báo cáo.

Dưới đây là trích yếu Sổ chi tiết tài khoản 711 năm 2025:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VIỆT ANGROUP

Lô 4-A9.4 Đường 2/9, Phường Hoà Cường Bắc, Quận Hải Châu, Đà Nẵng

Mã số thuế: 0401925475

Mẫu số: S38-DN

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính)

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN

Năm 2025

Tài khoản: 711 ; Loại tiền: VND

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Số hóa đơn	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh nợ	Phát sinh Có	Dư Nợ	Dư Có
15/08/2025	15/08/2025	NVK279		Xử lý chênh lệch công nợ	711	131		1		1
20/09/2025	20/09/2025	NVK295		CÔNG TY TNHH BALLER HEADWEAR VIỆT NAM thanh toán phí lỗi xe	711	131		1.596.298		1.596.299
31/12/2025	31/12/2025	NVK320		Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	711	911	1.596.299			
				Cộng	711		1.596.299	1.596.299		
				Số dư cuối kỳ	711					
				Tổng cộng			1.596.299	1.596.299		

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang số ...

- Ngày mở sổ:

										Ngày.....tháng....
	Người ghi sổ				Kế toán trưởng					Giám đốc
	(Ký, họ tên)				(Ký, họ tên)					(Ký, họ tên, đóng dấu)

Hình 10: Trích sổ chi tiết tài khoản 711

Quy trình xuất Sổ Cái:

Vào phân hệ “ Báo cáo” => “Tổng hợp” => “ Sổ Cái theo hình thức nhật ký chung” , nhập kỳ báo cáo năm 2025 => Chọn tài khoản 711 => Chọn xem báo cáo

Dưới đây là trích yếu Sổ Cái tài khoản 711 năm 2025:

SỔ CÁI
 (Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)
 Năm 2025

Tài khoản: 711-Thu nhập khác

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hóa đơn	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Trang số	STT dòng		Phát sinh nợ	Có
			- Số phát sinh trong kỳ					1.596.299	1.596.299
15/08/2025	NVK279	15/08/2025	Xử lý chênh lệch công nợ				131		1
20/09/2025	NVK295	20/09/2025	CÔNG TY TNHH BALLER HEADWEAR VIỆT NAM thanh toán phí lỗi xe				131		1.596.298
31/12/2025	NVK320	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025				911	1.596.299	
			- Cộng số phát sinh					1.596.299	1.596.299
			- Cộng lũy kế					1.596.299	1.596.299
			- Số dư cuối kỳ						
- Sổ này có trang, đánh số từ trang ... đến trang ...									
- Ngày mở sổ:									
								Ngày.....tháng.....năm	
	Người ghi sổ			Kế toán trưởng				Giám đốc	

Hình 11: Trích Sổ Cái tài khoản 711

2.3 Thực trạng kế toán các khoản chi phí tại Công ty cổ phần tập đoàn Việt Angroup

2.3.1 Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty cổ phần tập đoàn Việt Angroup

a. Chứng từ sử dụng

- Phiếu xuất kho
- Các chứng từ có liên quan khác

b. Tài khoản sử dụng

Công ty sử dụng tài khoản 632 – “Giá vốn hàng bán” để theo dõi và phản ánh toàn bộ chi phí liên quan đến giá vốn. Để thuận tiện trong quản lý, doanh nghiệp mở một tài khoản chi tiết 6321 nhằm ghi nhận chung giá vốn của cả ba loại hoạt động: giá vốn hàng hóa, giá vốn thành phẩm và giá vốn dịch vụ.

c. Sổ sách sử dụng

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 632
- Sổ chi tiết TK 6321

d. Phương pháp hạch toán

➤ Giá vốn hàng bán đối với hàng hóa:

Tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Việt Angroup, giá vốn hàng bán đối với hàng hóa được xác định theo phương pháp nhập trước – xuất trước (FIFO). Tuy nhiên, trong quá trình ghi nhận doanh thu, kế toán không lựa chọn chức năng "kiểm phiếu xuất

kho" trên phần mềm kế toán. Vì vậy, doanh thu được ghi nhận ngay khi hóa đơn được lập, còn nghiệp vụ xuất kho và xác định giá vốn được thực hiện riêng vào các đợt tổng hợp định kỳ sau đó.

Cụ thể, khi phát sinh nghiệp vụ bán hàng, kế toán thực hiện ghi nhận doanh thu căn cứ vào hóa đơn điện tử được đồng bộ vào phần mềm kế toán. Đối với các mặt hàng thuộc nhóm hàng hóa, doanh thu được theo dõi trên TK 5111 – Doanh thu bán hàng hóa.

Định kỳ từ 5 đến 10 ngày, kế toán tiến hành trích xuất Bảng kê chi tiết bán hàng từ phần mềm kế toán, sau đó lọc các mặt hàng được hạch toán vào TK 5111 và tổng hợp số lượng hàng hóa đã bán trong kỳ theo từng mã hàng.

Bảng kê chi tiết bán hàng: XEM Ở PHỤ LỤC 11

Trên cơ sở số lượng đã tổng hợp, kế toán lập Phiếu xuất kho để ghi nhận số lượng hàng hóa thực tế xuất bán.

Phiếu xuất kho: XEM Ở PHỤ LỤC 12

Khi lập phiếu xuất kho, phần mềm kế toán thực hiện tính giá xuất kho theo phương pháp FIFO dựa trên số lượng hàng hóa đã xuất và số liệu tồn kho hiện có. Căn cứ vào kết quả tính giá xuất kho, kế toán ghi nhận giá vốn hàng bán đối với hàng hóa.

Bút toán ghi nhận như sau:

- Nợ TK 6321 – Giá vốn hàng bán
- Có TK 1561 – Hàng hóa

➤ *Giá vốn hàng bán đối với thành phẩm:*

Tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Việt Angroup, giá vốn hàng bán đối với thành phẩm được xác định trên cơ sở tổng hợp chi phí sản xuất, bao gồm ba yếu tố chi phí như sau:

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp (TK 621): Bao gồm toàn bộ giá trị nguyên vật liệu sử dụng trực tiếp cho quá trình chế biến món ăn: thực phẩm (thịt, cá, hải sản, rau củ..), gia vị, nguyên liệu phụ,... được xuất kho để phục vụ chế biến.
- Chi phí nhân công trực tiếp (TK 622): Bao gồm tiền lương, tiền công và các khoản trích theo lương (BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ) của nhân viên trực tiếp tham gia chế biến.
- Chi phí sản xuất chung (TK 627): Bao gồm các chi phí phát sinh tại bộ phận bếp nhằm phục vụ hoạt động chế biến: Chi phí gas sử dụng cho nấu nướng, chi phí khấu hao máy móc, thiết bị bếp, chi phí công cụ dụng cụ (nồi, chảo, dụng cụ chế biến...) phân bổ..

Trong kỳ, các khoản chi phí này được kế toán tập hợp riêng biệt trên các tài khoản 621, 622 và 627. Định kỳ cuối mỗi quý, toàn bộ chi phí được kết chuyển vào TK 154 – Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang để xác định giá thành thành phẩm:

- Nợ TK 154
- Có TK 621, 622, 627

Sau khi xác định được giá thành, khi thành phẩm hoàn thành và tiêu thụ, kế toán ghi nhận giá vốn hàng bán:

- Nợ TK 632 – Giá vốn hàng bán
- Có TK 154 – Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang

➤ ***Giá vốn hàng bán đối với dịch vụ:***

Tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Việt Angroup, đối với các dịch vụ mua ngoài để cung cấp lại cho khách hàng, giá vốn hàng bán được xác định trực tiếp căn cứ vào hóa đơn dịch vụ đầu vào do các đơn vị cung cấp xuất cho công ty.

Cụ thể, khi phát sinh nghiệp vụ mua dịch vụ từ bên ngoài (Dịch vụ thuê âm thanh, ánh sáng, tổ chức sự kiện,...), kế toán căn cứ vào hóa đơn giá trị gia tăng và các chứng từ liên quan để ghi nhận chi phí. Do đặc thù dịch vụ không qua quá trình sản xuất hay nhập kho, công ty không thực hiện tập hợp chi phí qua TK 154 mà ghi nhận trực tiếp vào giá vốn hàng bán.

Kế toán thực hiện hạch toán như sau:

- Nợ TK 632 – Giá vốn hàng bán
- Nợ TK 133 – Thuế GTGT được khấu trừ (nếu có)
- Có TK 111, 112, 331,...

Trị giá ghi nhận vào TK 632 là giá trị dịch vụ mua ngoài chưa bao gồm thuế GTGT theo hóa đơn.

Cuối kỳ kế toán, toàn bộ giá vốn hàng bán được kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh:

- Nợ TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh
- Có TK 632 – Giá vốn hàng bán

Quy trình xuất sổ chi tiết tài khoản 6321:

Vào phân hệ “ Báo cáo” => “Tổng hợp” => “ Sổ chi tiết các tài khoản” , nhập kỳ báo cáo năm 2025 => Chọn tài khoản 6321 => Chọn xem báo cáo.

Dưới đây là trích yếu Sổ chi tiết tài khoản 6321 năm 2025:

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN

Năm 2025

Tài khoản: 6321 ; Loại tiền: VND

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Số hóa đơn	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh nợ	Phát sinh Có	Dư Nợ	Dư Có
02/01/2025	02/01/2025	XK001		Xuất kho bán hàng hóa	6321	1561	14.541.327		14.541.327	
03/01/2025	03/01/2025	MDV02071	1	Dịch vụ cho thuê Âm thanh ánh sáng sân khấu tiệc	6321	331	4.200.000		18.741.327	
08/01/2025	08/01/2025	XK002		Xuất kho bán hàng hóa	6321	1561	12.008.280		30.749.607	
13/01/2025	13/01/2025	MDV03349	17	Dịch vụ cho thuê âm thanh ánh sáng	6321	331	4.340.000		35.089.607	
14/01/2025	14/01/2025	MDV03350	19	Dịch vụ cho thuê hệ thống âm thanh, ánh sáng	6321	331	6.481.481		41.571.088	
....										
31/03/2025	31/03/2025	NVK235		Kết chuyển giá vốn TK 154 ->TK 632 quý 1/2025	6321	154	968.011.877		1.174.629.289	
....										
23/06/2025	23/06/2025	XK152		Xuất kho bán hàng hóa	6321	1561	48.435.588		2.689.079.235	
29/06/2025	29/06/2025	XK153		Xuất kho bán hàng hóa	6321	1561	14.285.370		2.703.364.605	
30/06/2025	30/06/2025	NVK237		Kết chuyển giá vốn TK 154 ->TK 632 quý 2/2025	6321	154	1.288.083.511		3.991.448.116	
30/06/2025	30/06/2025	NVK301		Giá vốn dịch vụ thuê xe tháng 06/2025	6321	331	2.187.266.356		6.178.714.472	
30/06/2025	30/06/2025	NVK319		Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 30/06/2025	6321	911		6.178.714.472		
....										
30/09/2025	30/09/2025	NVK238		Kết chuyển giá vốn TK 154 ->TK 632 quý 3/2025	6321	154	1.880.601.536		5.826.640.442	
30/09/2025	30/09/2025	NVK304		Giá vốn dịch vụ thuê xe tháng 09/2025	6321	331	1.828.491.853		7.655.132.295	
....										
16/11/2025	16/11/2025	XK254		Xuất kho bán hàng hóa (Bar)	6321	1561	2.884.636		9.770.425.510	
19/11/2025	19/11/2025	MDV00528	401	Dịch vụ cho thuê hệ thống âm thanh, ánh sáng	6321	331	4.500.000		9.774.925.510	
27/11/2025	27/11/2025	XK310		Xuất kho bán hàng hóa	6321	1561	13.579.068		9.788.504.578	
27/11/2025	27/11/2025	XK311		Xuất kho bán hàng hóa (Bar)	6321	1561	1.670.277		9.790.174.855	
30/11/2025	30/11/2025	NVK311		Giá vốn dịch vụ thuê xe tháng 11/2025	6321	331	2.080.882.749		11.871.057.604	
30/11/2025	30/11/2025	NVK312		Giá vốn dịch vụ thuê xe tháng 12/2025	6321	331	1.984.593.119		13.855.650.723	
05/12/2025	05/12/2025	XK314		Xuất kho bán hàng hóa	6321	1561	17.329.061		13.872.979.784	
05/12/2025	05/12/2025	XK315		Xuất kho bán hàng hóa (Bar)	6321	1561	480.404		13.873.460.188	
15/12/2025	15/12/2025	XK316		Xuất kho bán hàng hóa	6321	1561	34.049.582		13.907.509.770	
15/12/2025	15/12/2025	XK317		Xuất kho bán hàng hóa (Bar)	6321	1561	530.104		13.908.039.874	
25/12/2025	25/12/2025	XK318		Xuất kho bán hàng hóa	6321	1561	35.274.803		13.943.314.677	
25/12/2025	25/12/2025	XK319		Xuất kho bán hàng hóa (Bar)	6321	1561	1.402.586		13.944.717.263	
31/12/2025	31/12/2025	NVK293		Kết chuyển giá vốn TK 154 ->TK 632 quý 4/2025	6321	154	1.516.279.148		15.460.996.411	
31/12/2025	31/12/2025	XK329		Xuất kho bán hàng hóa	6321	1561	3.200.000		15.464.196.411	
31/12/2025	31/12/2025	NVK320		Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	6321	911		15.464.196.411		
				Cộng	6321		21.642.910.883	21.642.910.883		
				Số dư cuối kỳ	6321					
				Tổng cộng			21.642.910.883	21.642.910.883		

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang số ...

- Ngày mở sổ:

										Ngày.....tháng.....năm
	Người ghi sổ									Giám đốc
	(Ký, họ tên)									(Ký, họ tên, đóng dấu)

Hình 12: Trích Sổ chi tiết tài khoản 6321

Quy trình xuất Sổ Cái:

Vào phân hệ “ Báo cáo” => “Tổng hợp” => “ Sổ Cái theo hình thức nhật ký chung” , nhập kỳ báo cáo năm 2025 => Chọn tài khoản 632 => Chọn xem báo cáo

Dưới đây là trích yếu Sổ Cái tài khoản 632 năm 2025:

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)
Năm 2025

Tài khoản: 632-Giá vốn hàng bán

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hóa đơn	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Trang số	STT đồng		Phát sinh nợ	Có
			- Số phát sinh trong kỳ					21.642.910.883	21.642.910.883
02/01/2025	XK001	02/01/2025	Xuất kho bán hàng hóa				1561	14.541.327	
03/01/2025	MDV02071	03/01/2025	Dịch vụ cho thuê Âm thanh ánh sáng sân khấu tiệc	1			331	4.200.000	
08/01/2025	XK002	08/01/2025	Xuất kho bán hàng hóa				1561	12.008.280	
13/01/2025	MDV03349	13/01/2025	Dịch vụ cho thuê âm thanh ánh sáng	17			331	4.340.000	
14/01/2025	MDV03350	14/01/2025	Dịch vụ cho thuê hệ thống âm thanh, ánh sáng	19			331	6.481.481	
....									
31/03/2025	NVK235	31/03/2025	Kết chuyển giá vốn TK 154 ->TK 632 quý 1/2025				154	968.011.877	
....									
23/06/2025	XK152	23/06/2025	Xuất kho bán hàng hóa				1561	48.435.588	
29/06/2025	XK153	29/06/2025	Xuất kho bán hàng hóa				1561	14.285.370	
30/06/2025	NVK237	30/06/2025	Kết chuyển giá vốn TK 154 ->TK 632 quý 2/2025				154	1.288.083.511	
30/06/2025	NVK301	30/06/2025	Giá vốn dịch vụ thuê xe tháng 06/2025				331	2.187.266.356	
30/06/2025	NVK319	30/06/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 30/06/2025				911		6.178.714.472
....									
30/09/2025	NVK238	30/09/2025	Kết chuyển giá vốn TK 154 ->TK 632 quý 3/2025				154	1.880.601.536	
30/09/2025	NVK304	30/09/2025	Giá vốn dịch vụ thuê xe tháng 09/2025				331	1.828.491.853	
....									
16/11/2025	XK254	16/11/2025	Xuất kho bán hàng hóa (Bar)				1561	2.884.636	
19/11/2025	MDV00528	19/11/2025	Dịch vụ cho thuê hệ thống âm thanh, ánh sáng	401			331	4.500.000	
27/11/2025	XK310	27/11/2025	Xuất kho bán hàng hóa				1561	13.579.068	
27/11/2025	XK311	27/11/2025	Xuất kho bán hàng hóa (Bar)				1561	1.670.277	
30/11/2025	NVK311	30/11/2025	Giá vốn dịch vụ thuê xe tháng 11/2025				331	2.080.882.749	
30/11/2025	NVK312	30/11/2025	Giá vốn dịch vụ thuê xe tháng 12/2025				331	1.984.593.119	
05/12/2025	XK314	05/12/2025	Xuất kho bán hàng hóa				1561	17.329.061	
05/12/2025	XK315	05/12/2025	Xuất kho bán hàng hóa (Bar)				1561	480.404	
15/12/2025	XK316	15/12/2025	Xuất kho bán hàng hóa				1561	34.049.582	
15/12/2025	XK317	15/12/2025	Xuất kho bán hàng hóa (Bar)				1561	530.104	
25/12/2025	XK318	25/12/2025	Xuất kho bán hàng hóa				1561	35.274.803	
25/12/2025	XK319	25/12/2025	Xuất kho bán hàng hóa (Bar)				1561	1.402.586	
31/12/2025	NVK293	31/12/2025	Kết chuyển giá vốn TK 154 ->TK 632 quý 4/2025				154	1.516.279.148	
31/12/2025	XK329	31/12/2025	Xuất kho bán hàng hóa				1561	3.200.000	
31/12/2025	NVK320	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025				911		15.464.196.411
			- Cộng số phát sinh					21.642.910.883	21.642.910.883
			- Cộng lũy kế					21.642.910.883	21.642.910.883
			- Số dư cuối kỳ						

- Số này có ... trang, đánh số từ trang ... đến trang ...

- Ngày mở sổ:

							Ngày.....tháng.....năm 20....
	Người ghi sổ		Kế toán trưởng				Giám đốc
	(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên)				(Ký, họ tên, đóng dấu)

Hình 13: Trích Sổ Cái tài khoản 632

2.3.2 Kế toán chi phí tài chính tại Công ty cổ phần tập đoàn Việt Angroup

a. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT, giấy báo Nợ
- Các chứng từ có liên quan khác: Hợp đồng tín dụng, hợp đồng vay vốn,..

b. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 635 – Chi phí tài chính

c. Sổ sách sử dụng

- Sổ Nhật ký chung

- Sổ Cái TK 635

- Sổ chi tiết TK 635

d. Phương pháp hạch toán

Hàng tháng, hóa đơn chi phí lãi vay ngân hàng sẽ được đồng bộ về phần mềm Easybooks:



Mẫu số 1
Ký hiệu: K25TBB
Số: 150469

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
Ngày 23 tháng 12 năm 2025
MCCQT:

Tên người bán: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH NGŨ HÀNH SƠN
Mã số thuế: 0100111948-097
Mã cửa hàng:
Tên cửa hàng:
Địa chỉ:
Điện thoại:
Số tài khoản:

Tên người mua: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP DOAN VIET ANGROUP
Họ tên người mua hàng:
Mã số thuế: 0401925475
Mã ĐVCQHVNSSN:
CCCD người mua:
Số hộ chiếu:
Địa chỉ:
Số tài khoản:
Hình thức thanh toán:
Đơn vị tiền tệ: VND
Số bảng kê: Ngày bảng kê:

STT	Tính chất	Loại hàng hoá đặc trưng	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Chiết khấu	Thuế suất	Thành tiền chưa có thuế GTGT
1								KCT	46.868.820

Thuế suất	Tổng tiền chưa thuế	Tổng tiền thuế

Tổng tiền chưa thuế (Tổng cộng thành tiền chưa có thuế)	46.868.820
Tổng tiền thuế (Tổng cộng tiền thuế)	0
Tổng tiền phí	
Tổng tiền chiết khấu thương mại	
Tổng tiền thanh toán bằng số	46.868.820
Tổng tiền thanh toán bằng chữ	

NGƯỜI MUA HÀNG
(Chữ ký số (nếu có))

NGƯỜI BÁN HÀNG
(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

Hình 14: Hóa đơn GTGT số 150469

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2025

Tài khoản: 635-Chi phí tài chính

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hóa đơn	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Trang số	STT dòng		Phát sinh nợ	Có
....			- Số phát sinh trong kỳ					2.066.493.113	2.066.493.113
20/11/2025	MDV00548	20/11/2025	Lãi vay ngân hàng	137343			331	74.782.737	
21/11/2025	MDV00549	21/11/2025	Lãi vay ngân hàng	137818			331	22.946.082	
22/11/2025	MDV00550	22/11/2025	Lãi vay ngân hàng	138130			331	22.296.147	
23/11/2025	MDV00551	23/11/2025	Lãi vay ngân hàng	138445			331	22.115.784	
24/11/2025	MDV00552	24/11/2025	Lãi vay ngân hàng	138776			331	15.121.350	
25/11/2025	MDV00553	25/11/2025	Lãi vay ngân hàng	139175			331	18.765.931	
26/11/2025	MDV00554	26/11/2025	Lãi vay ngân hàng	139593			331	100.551.421	
27/11/2025	MDV00556	27/11/2025	Lãi vay ngân hàng	139952			331	5.798.373	
12/12/2025	MDV00602	12/12/2025	Lãi vay ngân hàng	145687			331	19.996.849	
22/12/2025	MDV00603	22/12/2025	Lãi vay ngân hàng	150051			331	219.285.002	
23/12/2025	MDV00604	23/12/2025	Lãi vay ngân hàng	150469			331	46.868.820	
24/12/2025	MDV00605	24/12/2025	Lãi vay ngân hàng	150888			331	1.211.776	
25/12/2025	MDV00606	25/12/2025	Lãi vay ngân hàng	151302			331	10.478.304	
31/12/2025	NVK320	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025				911		1.543.862.035
			- Cộng số phát sinh					2.066.493.113	2.066.493.113
			- Cộng lũy kế					2.066.493.113	2.066.493.113
			- Số dư cuối kỳ						

- Số này có :... trang, đánh số từ trang ... đến trang ...

- Ngày mở sổ:

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Hình 16: Trích Sổ Cái tài khoản 635

2.3.3 Kế toán chi phí bán hàng tại Công ty cổ phần tập đoàn Việt Angroup

a. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT, bảng tính lương
- Các chứng từ liên quan khác (Phiếu chi, Giấy báo nợ,...)

b. Tài khoản sử dụng

Để phản ánh chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ, Công ty sử dụng tài khoản 641 – Chi phí bán hàng. Tuy nhiên, do đặc điểm hoạt động kinh doanh, trong kỳ công ty chỉ phát sinh chi phí liên quan đến tiền lương và các khoản trích theo lương của nhân viên bán hàng. Vì vậy, kế toán chỉ sử dụng tài khoản 6411 – Chi phí nhân viên bán hàng để hạch toán các khoản chi phí bán hàng phát sinh.

c. Sổ sách sử dụng

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ Cái TK 641
- Sổ chi tiết TK 6411

d. Phương pháp hạch toán

Cuối mỗi tháng, kế toán sẽ tổng hợp bảng chấm công và bảng lương: **XEM PHỤ LỤC 15**

Khi hoàn thành bảng tính lương, kế toán đăng nhập phần mềm Easybooks, vào phân hệ Tổng hợp và chọn “Chứng từ nghiệp vụ khác” để nhập liệu. Căn cứ vào bảng lương, kế toán ghi nhận chi phí tiền lương vào tài khoản 641 – Chi phí bán hàng, bao gồm lương của nhân viên bộ phận kinh doanh, bộ phận tạp vụ và bộ phận xe.

Màn hình hạch toán lương tháng 12/2025: XEM PHỤ LỤC 16

Sau khi hoàn thành việc lưu dữ liệu đã nhập, hệ thống phần mềm tự động lên Sổ Nhật ký chung, Sổ Cái TK 641 và Sổ chi tiết TK 6411

Xem Sổ Nhật ký chung : XEM Ở PHỤ LỤC 14

Quy trình xuất sổ chi tiết tài khoản 6411:

Vào phân hệ “ Báo cáo” => “Tổng hợp” => “ Sổ chi tiết các tài khoản” , nhập kỳ báo cáo năm 2025 => Chọn tài khoản 6411 => Chọn xem báo cáo

Dưới đây là trích yếu Sổ chi tiết tài khoản 6411 năm 2025:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VIỆT ANGROUP
Lô 4-A9.4 Đường 2/9, Phường Hoà Cường Bắc, Quận Hải Châu, Đà Nẵng
Mã số thuế: 0401925475

Mẫu số: S38-DN
(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC)

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN
Năm 2025
Tài khoản: 6411 ; Loại tiền: VND

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Số hóa đơn	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh nợ	Phát sinh Có	Dư Nợ	Dư Có
				Số dư đầu kỳ	6411					
....										
31/10/2025	31/10/2025	NVK246		Lương nhân viên tháng 10/2025	6411	3341	145.406.296		531.131.117	
31/10/2025	31/10/2025	NVK247		Trích BHXH, BHYT, BHTN tính vào Chi phí tháng 10/2025	6411	3386	920.000		532.051.117	
31/10/2025	31/10/2025	NVK247		Trích BHXH, BHYT, BHTN tính vào Chi phí tháng 10/2025	6411	3383	16.100.000		548.151.117	
31/10/2025	31/10/2025	NVK247		Trích BHXH, BHYT, BHTN tính vào Chi phí tháng 10/2025	6411	3384	2.760.000		550.911.117	
30/11/2025	30/11/2025	NVK261		Lương nhân viên tháng 11/2025	6411	3341	169.600.000		720.511.117	
30/11/2025	30/11/2025	NVK278		Trích BHXH, BHYT, BHTN tính vào Chi phí tháng 11/2025	6411	3384	3.165.000		723.676.117	
30/11/2025	30/11/2025	NVK278		Trích BHXH, BHYT, BHTN tính vào Chi phí tháng 11/2025	6411	3383	18.462.500		742.138.617	
30/11/2025	30/11/2025	NVK278		Trích BHXH, BHYT, BHTN tính vào Chi phí tháng 11/2025	6411	3386	1.055.000		743.193.617	
20/12/2025	20/12/2025	NVK305		Trích trước tiền thưởng tháng 13	6411	3341	63.775.000		806.968.617	
31/12/2025	31/12/2025	NVK259		Trích BHXH, BHYT, BHTN tính vào Chi phí tháng 12/2025	6411	3384	3.825.000		810.793.617	
31/12/2025	31/12/2025	NVK259		Trích BHXH, BHYT, BHTN tính vào Chi phí tháng 12/2025	6411	3386	1.230.000		812.023.617	
31/12/2025	31/12/2025	NVK259		Trích BHXH, BHYT, BHTN tính vào Chi phí tháng 12/2025	6411	3383	21.525.000		833.548.617	
31/12/2025	31/12/2025	NVK262		Lương nhân viên tháng 12/2025	6411	3341	221.680.500		1.055.229.117	
31/12/2025	31/12/2025	NVK320		Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	6411	911		1.055.229.117		
				Tổng cộng			1.549.863.861	1.549.863.861		
				Số dư cuối kỳ						

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang số ...

- Ngày mở sổ:

Người ghi sổ (Ký, họ tên)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)
------------------------------	--------------------------------	---

Hình 17: Trích Sổ chi tiết tài khoản 6411

Vào phân hệ “ Báo cáo” => “Tổng hợp” => “ Sổ Cái theo hình thức nhật ký chung”, nhập kỳ báo cáo năm 2025 => Chọn tài khoản 641 => Chọn xem báo cáo

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính)

Ngày.....tháng.....năm.....		Ngày.....tháng.....năm.....	
Người ghi sổ (Ký, họ tên)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)	

- TK 6424 – Chi phí khấu hao TSCĐ

- TK 6425 – Thuế, phí và lệ phí
- TK 6427 – Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK 6428 – Chi phí bằng tiền khác

c. *Sổ sách sử dụng*

- Sổ Nhật ký chung, Sổ Cái TK 642
- Sổ chi tiết các TK 6421, TK 6423, TK 6424, TK 6425, TK 6427, TK 6428

d. *Phương pháp hạch toán*

➤ **Nghiệp vụ 1:** Đầu năm, theo quy định kế toán căn cứ vào vốn điều lệ để xác định mức phí môn bài phải nộp. Phí nộp thuế môn bài 2025 tại Công ty cổ phần tập đoàn Việt Angroup là 3.000.000 VNĐ ghi nhận vào chi phí quản lý

Mẫu số C1- 02/NS
 (Ban hành kèm theo Thông tư số
 84/2016/TT-BTC
 của Bộ Tài chính)
 Mã hiệu: DAN612425
 Số: 0008293

GIẤY NỘP TIỀN VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
 Tiền mặt ☐ Chuyển khoản ☒
 Loại tiền: VND ☒ USD ☐ Khác:.....

Không ghi vào khu vực này

Số tham chiếu: 11220250300968693

Người nộp thuế: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VIỆT ANGROUP
 Địa chỉ: Lô 4-A9.4 Đường 2/9, Phường Hoà Cường Bắc
 Quận/Huyện: Quận Hải Châu
 Người nộp thay:
 Địa chỉ:
 Quận/Huyện:
 Đề nghị NH/ KBNN: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam
 hoặc thu tiền mặt để nộp NSNN theo:
 TK thu NSNN ☒ TK tạm thu ☐ TK thu hồi hoàn thuế GTGT ☐
 Vào tài Khoản KBNN: VP KBNN Đà Nẵng
 Mở tại NH ủy nhiệm thu: NH TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng
 Nộp theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền:
 Kiểm toán nhà nước ☐
 Thanh tra Chính phủ ☐
 Cơ quan quản lý thu: Cục thuế Thành phố Đà Nẵng

Mã số thuế: 0401925475
 Tỉnh, TP: Đà Nẵng
 Tỉnh, TP: Thành phố Đà Nẵng
 trích TK số: 110603999777
 Thanh tra tài chính ☐
 Cơ quan có thẩm quyền khác ☐

Phần dành cho người nộp thuế ghi						Phần dành cho NH ủy nhiệm thu/ NH phối hợp thu/ KBNN ghi	
STT	Số tờ khai/ Số quyết định/ Số thông báo	Kỳ thuế/ Ngày quyết định/ Ngày thông báo	Nội dung các khoản nộp NSNN	Số tiền nguyên tệ	Số tiền VND	Mã chương	Mã NDKT
1	0405454591660001	00/Q4/2024	Thuế thu nhập từ tiền lương, tiền công.		1,698,000	557	1001
2	0405440027310001	00/CN/2025	Lệ phí môn bài mức (bác) 1.		3,000,000	554	2862
Tổng tiền					4,698,000		

Tổng số tiền ghi bằng chữ: BỐN TRIỆU SÁU TRĂM CHÍN MƯƠI TĂM NGHÌN ĐỒNG

PHÂN DÀNH CHO KBNN GHI KHI HẠCH TOÁN	Mã CQ thu:.....	Nợ TK:.....
	Mã ĐBHC:.....	Có TK:.....
	Mã nguồn NSNN:.....	

ĐỐI TƯỢNG NỘP TIỀN

Ngày.....Tháng.....Năm.....

Người nộp tiền Kế toán trưởng Thủ trưởng

NGÂN HÀNG (KBNN)

Ngày.....Tháng.....Năm.....

Kế toán Kế toán trưởng

✓	Người ký : CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VIỆT ANGROUP Ngày ký : 12/03/2025 10:46:26
✓	Người ký : Tổng cục Thuế Ngày ký : 12/03/2025 10:45:51
✓	Người ký : NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM Ngày ký : 12/03/2025 10:46:10

Hình 19: Giấy nộp tiền lệ phí môn bài

Màn hình hạch toán lệ phí môn bài năm 2025: XEM PHỤ LỤC 17

➤ **Nghịệp vụ 2:** Khi hoàn thành bảng tính lương, kế toán đăng nhập phần mềm Easybooks, vào phân hệ Tổng hợp và chọn “Chứng từ nghiệp vụ khác” để nhập liệu. Căn cứ vào bảng lương, kế toán ghi nhận chi phí tiền lương vào tài khoản 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp, bao gồm lương của bộ phận giám đốc và bộ phận kế toán.

Màn hình nhập liệu chi phí lương tháng 12.2025: XEM PHỤ LỤC 16

➤ **Nghịệp vụ 3:** Ngày 02/12/2025, căn cứ vào hóa đơn giá trị gia tăng do Công ty Điện lực Đà Nẵng phát hành, Công ty Cổ phần Tập đoàn Việt Angroup đã phát sinh chi phí tiền điện phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ. Theo nội dung hóa đơn, tổng giá trị tiền điện chưa thuế là 39.259.236 VNĐ; thuế giá trị gia tăng là 3.140.739 VNĐ, tổng giá trị thanh toán là 42.399.975 VNĐ.

	CÔNG TY ĐIỆN LỰC ĐÀ NẴNG - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN TRUNG Mã số thuế (Tax Code): 0400101394-039 Địa chỉ (Address): 35 Phan Đình Phùng, phường Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam Điện thoại (Phone Number): 19001909 Thông tin thanh toán (Payment Information): Số TK: 200431101.0001 - Tại NH: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn - CN Sơn Trà Đà Nẵng																																																
	HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE) Bản thể hiện của hóa đơn điện tử (Electronic invoice display) Ngày (Date) 02 tháng (month) 12 năm (year) 2025 Ký hiệu (Serial): 1K25TAF Số (No): 4216754																																																
Họ tên người mua hàng (Buyer name): Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VIỆT ANGROUP Mã số thuế (Tax code): 0401925475 Số định danh (ID No): Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (State budget related unit code): Số hộ chiếu (Passport No): Địa chỉ (Address): Lô 4-A9.4 đường 2/9, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam Mã khách hàng (Customer's Code): PP05001010806 Số tài khoản (Account No): Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VNĐ																																																	
<table><thead><tr><th>STT (No.)</th><th>Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)</th><th>ĐVT (Unit)</th><th>Số lượng (Quantity)</th><th>Đơn giá (Unit price)</th><th>Thành tiền (Amount)</th></tr><tr><th>A</th><th>B</th><th>C</th><th>1</th><th>2</th><th>3=1x2</th></tr></thead><tbody><tr><td>1</td><td>Điện tiêu thụ tháng 11 năm 2025 từ ngày 01/11/2025 đến ngày 30/11/2025</td><td>kWh</td><td>10.922</td><td>-</td><td>39.259.236</td></tr><tr><td></td><td>(kèm theo bảng kê số 1574472914 ngày 02 tháng 12 năm 2025)</td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td colspan="5">Cộng tiền hàng (Total amount):</td><td>39.259.236</td></tr><tr><td colspan="5">Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%</td><td>Tiền thuế GTGT (VAT amount): 3.140.739</td></tr><tr><td colspan="5">Tỷ giá (Exchanged rate):</td><td>Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 42.399.975</td></tr><tr><td colspan="6">Số tiền bằng chữ (Amount in words): Bốn mươi hai triệu ba trăm chín mươi chín nghìn chín trăm bảy mươi lăm đồng.</td></tr></tbody></table>	STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)	A	B	C	1	2	3=1x2	1	Điện tiêu thụ tháng 11 năm 2025 từ ngày 01/11/2025 đến ngày 30/11/2025	kWh	10.922	-	39.259.236		(kèm theo bảng kê số 1574472914 ngày 02 tháng 12 năm 2025)					Cộng tiền hàng (Total amount):					39.259.236	Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 3.140.739	Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 42.399.975	Số tiền bằng chữ (Amount in words): Bốn mươi hai triệu ba trăm chín mươi chín nghìn chín trăm bảy mươi lăm đồng.						Người mua hàng (Buyer) Người bán hàng (Seller)  Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC ĐÀ NẴNG - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN TRUNG Ngày ký: 02/12/2025 19:39:50
STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)																																												
A	B	C	1	2	3=1x2																																												
1	Điện tiêu thụ tháng 11 năm 2025 từ ngày 01/11/2025 đến ngày 30/11/2025	kWh	10.922	-	39.259.236																																												
	(kèm theo bảng kê số 1574472914 ngày 02 tháng 12 năm 2025)																																																
Cộng tiền hàng (Total amount):					39.259.236																																												
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 3.140.739																																												
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 42.399.975																																												
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Bốn mươi hai triệu ba trăm chín mươi chín nghìn chín trăm bảy mươi lăm đồng.																																																	
Khởi tạo từ (Created by) Phần mềm CMIS - Công ty (Company): Viễn thông điện lực và công nghệ thông tin - EVN - MST (Tax code): 0100100079-010																																																	

Hình 20: Hóa đơn tiền điện tháng 12.2025

Màn hình nhập liệu hóa đơn tiền điện tháng 12.2025: XEM PHỤ LỤC 18

➤ **Nghiệp vụ 4:** Ngày 03/12/2025, căn cứ vào hóa đơn giá trị gia tăng do Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng phát hành, Công ty Cổ phần Tập đoàn Việt Angroup đã phát sinh chi phí tiền nước phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ. Theo nội dung hóa đơn, tổng giá trị tiền nước chưa thuế là 15.671.622 VNĐ; chi phí dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải là 2.731.067 VNĐ. Thuế giá trị gia tăng áp dụng đối với tiền nước và dịch vụ thoát nước tương ứng là 783.581 VNĐ và 218.485 VNĐ, với tổng giá trị thanh toán là 19.404.755 VNĐ.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG
 ĐC : Số 57 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
 Mã số thuế : 0400101066 TK : 118002637777
 Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đà Nẵng

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
 Tháng: 12/2025 Ký hiệu: **1K25TCN**
 Số: **03312216**

Tên khách hàng: Công ty Cổ phần Tập đoàn Việt Angroup
 Địa chỉ: Lô 4-A9.4 Đường 2/9, Phường Hoà Cường Bắc, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam ID: 051397115
 Mã số thuế KH: 0401925475 Mã ĐVQHNS: Số đọc: 01-11132-8
 CCCD/Hộ chiếu: Tài khoản KH: TGSD: 02/11-01/12/2025
 Số hợp đồng: 22073DN Số điện thoại KH: 0976997484 Mã KH: 001134200
 Địa chỉ đặt đồng hồ: Bến CT 15 - đường Hoàng Sa (đối diện Hồ Xanh)

STT	TÊN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ	CHỈ SỐ ĐỒNG HỒ			SẢN LƯỢNG TIÊU THỤ (m³)	TIỀN NƯỚC		GIÁ DỊCH VỤ THOÁT NƯỚC & XỬ LÝ NT		
		ĐẦU KỲ	CUỐI KỲ	HIỆU		ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN	S.LƯỢNG TÍNH PHÍ	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
1	Nước KDDV	7.182	8.254	1.072	1.072	14.619,05	15.671.622	857,6	3.184,55	2.731.067
		CỘNG:			1072		15.671.622			2.731.067

Ngày 03 tháng 12 năm 2025
 Tổng Giám Đốc

Signature valid
 Được ký bởi: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG**
 Ngày ký: 03 / 12 / 2025

Tiền nước: **15.671.622**
 Giá DV thoát nước & xử lý NT: **2.731.067**
 Tiền thuế GTGT tiền nước(5%): **783.581**
 Tiền thuế GTGT giá DV thoát nước & xử lý NT(8%): **218.485**
 Tổng cộng tiền thanh toán: **19.404.755**
 Số tiền viết bằng chữ: **Mười chín triệu bốn trăm lẻ bốn nghìn bảy trăm năm mươi lăm đồng**

Nếu phát hiện ống nước xi vỡ xin báo điện thoại: Tổng đài 1900 2345 22
 (Cần kiểm tra đối chiếu khi lắp, giao, nhận hóa đơn)
 Tra cứu hóa đơn điện tử tại trang web: <http://tracuu.vin-hoandon.com> Mã số tra cứu: 25T17EPEHU8Y
 Đơn vị cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VISNAM, MST: 0401486901

Hình 21: Hóa đơn tiền nước tháng 12.2025

Màn hình nhập liệu hóa đơn tiền nước tháng 12.2025: XEM PHỤ LỤC 19

➤ **Nghiệp vụ 5:** Ngày 07/11/2025, căn cứ vào hóa đơn giá trị gia tăng do Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại và Dịch vụ Hùng Nhân Tín phát hành, Công ty Cổ phần Tập đoàn Việt Angroup đã phát sinh chi phí mua văn phòng phẩm phục vụ cho hoạt động của bộ phận văn phòng. Theo nội dung hóa đơn, các mặt hàng bao gồm giấy in, kim bấm, bìa nhựa và dao rọc giấy với tổng giá trị trước thuế là 1.707.000 VNĐ.

VNĐ; thuế GTGT áp dụng mức 8% tương ứng 136.560 VNĐ, tổng giá trị thanh toán là 1.843.560 VNĐ.

Hùng Nhân Tín VĂN PHÒNG PHẨM ĐÀ NẴNG		HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)		Mẫu số - Ký hiệu (Serial No.): 1C25TNT Số (Invoice No.): 00002699	
Ngày (day) 07 tháng (month) 11 năm (year) 2025					
Mã của Cơ quan thuế: 003AB6AA6FFEE04D46BE9654B40CFE24F8					
Đơn vị bán (Seller): CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ HÙNG NHÂN TÍN					
MST (Tax Code): 0401615674					
Địa chỉ (Address): 55 Bắc Đẩu, Phường Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam					
Điện thoại (Tel.): 0905243360					
STK (Account No.): 2000201358233 tại Ngân hàng Agribank – Chi nhánh Thành phố Đà Nẵng					
Người mua (Buyer):			CCCD (Citizen ID No.):		
Đơn vị (Co. name): CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VIỆT ANGROUP					
MST (Tax Code): 0401925475					
Địa chỉ (Address): Lô 4-A9.4 Đường 2/9, Phường Hoà Cường, Thành Phố Đà Nẵng, Việt Nam					
HTTT (Pay. method): Tiền mặt/Chuyển khoản					
STK (Account No.):					
STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	SL (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Giấy IK Plus 70gsm khổ A4	Ram	15	63.000	945.000
2	Giấy IK Plus 70gsm khổ A5	Ram	20	32.000	640.000
3	Kim bấm số 10 FO-ST502 lỗ 20	Hộp	20	3.000	60.000
4	Bìa 1 nút My Clear F4 NA VC (T/960)	Cái	10	3.000	30.000
5	Dao rọc giấy lớn 18mm SDI	Cái	2	16.000	32.000
Cộng tiền hàng (Sub total):					1.707.000
Thuế suất GTGT (Tax rate): 8%			Cộng tiền thuế GTGT (VAT amount):		136.560
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):					1.843.560
Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): Một triệu tám trăm bốn mươi ba nghìn năm trăm sáu mươi đồng chẵn./.					
Người mua hàng (Buyer)			Người bán hàng (Seller)		
			Đã được ký điện tử bởi (Signed digitally by) CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ HÙNG NHÂN TÍN Ngày: 07/11/2025		
(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)					

Giải pháp Hóa đơn Điện tử được cung cấp bởi Công ty Cổ phần Bkav - MST 0101360697 - ĐT 1900 545414 - <http://ehoadon.vn>
Hóa đơn Điện tử (HĐĐT) được tra cứu trực tuyến tại <http://tracuu.ehoadon.vn>. Mã tra cứu HĐĐT này: **TMREK2226R6**

Hình 22: Hóa đơn GTGT 2699

Màn hình nhập liệu hóa đơn mua văn phòng phẩm: XEM PHỤ LỤC 20

➤ **Nghiệp vụ 6:** Ngày 31/12/2025, Công ty Cổ phần Tập đoàn Việt Angroup phát sinh nghiệp vụ xuất hàng hóa phục vụ hoạt động thiện nguyện cho Ủy ban Nhân dân xã Trà Tân theo Hóa đơn GTGT số 00001005, ký hiệu 1C25TVA. Hàng hóa xuất gồm bánh, cá hộp, lương khô, sữa và gạo với tổng giá trị hàng hóa trước thuế là 21.089.778 đồng, thuế GTGT đầu ra là 1.304.142 đồng. Khoản chi này được doanh nghiệp hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp do phục vụ hoạt động thiện nguyện của công ty.



VIET AN GROUP

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mã CQT: 009997EBB93E894E1C8A63B3B527173F29

Ký hiệu: 1C25TVA

Số: **00001005**

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VIỆT ANGROUP

Mã số thuế: 0401925475

Địa chỉ: Lô 4-A9.4 Đường 2/9, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

Điện thoại:

Số tài khoản: 110603999777 - Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam

Họ tên người mua hàng: Ủy Ban Nhân Dân Xã Trà Tân

Tên đơn vị:

Mã số thuế:

Địa chỉ: Ủy Ban Nhân Dân Xã Trà Tân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Số Căn cước công dân:

MSĐVCQHVNS:

Hình thức thanh toán: TM/CK

Số tài khoản:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế suất GTGT	Tiền thuế GTGT
1	Bánh dừa COCOOL 80g (Hàng từ thiện không thu tiền)	Gói	128,00	12.963	1.659.259	8%	132.741
2	Cá Sardines sốt cà 155gr-85gr (202-308) (Hàng từ thiện không thu tiền)	Lon	128,00	7.685	983.704	8%	78.696
3	Lương khô ca cao 60g (Hàng từ thiện không thu tiền)	Thùng	10,00	222.222	2.222.222	8%	177.778
4	Sữa Tươi Tiệt Trùng Ba Vì ít đường (180ml) (Hàng từ thiện không thu tiền)	Hộp	640,00	5.401	3.456.593	8%	276.527
5	Gạo Có Mây (Hàng từ thiện không thu tiền)	Kg	960,00	13.300	12.768.000	5%	638.400
Tổng hợp		Thành tiền trước thuế GTGT		Tiền thuế GTGT		Cộng tiền thanh toán	
Thuế suất 0%:							
Thuế suất 5%:		12.768.000		638.400		13.406.400	
Thuế suất 8%:		8.321.778		665.742		8.987.520	
Thuế suất 10%:							
Tổng cộng:		21.089.778		1.304.142		22.393.920	
Số tiền viết bằng chữ: <i>Hai mươi hai triệu ba trăm chín mươi ba nghìn chín trăm hai mươi đồng chẵn.</i>							

Người mua hàng

(Chữ ký số (nếu có))

Người bán hàng

(Chữ ký điện tử, Chữ ký số)

Signature Valid

Ký bởi: **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VIET ANGROUP**

Ký ngày: 31/12/2025

Hình 23: Hóa đơn GTGT số 1005

Màn hình nhập liệu hóa đơn từ thiện: XEM PHỤ LỤC 21

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VIỆT ANGROUP
 Lô 4-A9.4 Đường 2/9, Phường Hoà Cường Bắc, Quận Hải Châu, Đà Nẵng
 Mã số thuế: 0401925475

Mẫu số: S38-DN
(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC)

Năm 2025

Tài khoản: 6427 : Loại tiền: VND

Tài khoản: 642 / ; Loại tiền: VND											
Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Số hóa đơn	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh nợ	Phát sinh Có	Dư Nợ	Dư Có	
....											
01/12/2025	01/12/2025	UNC141383	141383	Phí BDSĐ 12/2025	6427	11214	50.000		1.203.775.028		
01/12/2025	01/12/2025	UNC141384	141384	Phí BDSĐ 12/2025	6427	11214	50.000		1.203.825.028		
02/12/2025	02/12/2025	MDV00538	4216754	Chi phí sử dụng điện	6427	331	39.259.236		1.243.593.171		
02/12/2025	02/12/2025	MDV00539	19907728	Dịch vụ viễn thông	6427	331	145.455		1.243.738.626		
02/12/2025	02/12/2025	MDV00544	19911541	Dịch vụ viễn thông	6427	331	145.455		1.243.884.081		
03/12/2025	03/12/2025	MDV00543	3312216	Nước sạch và Dịch vụ thoát nước & xử lý NT	6427	331	18.402.689		1.262.835.986		
03/12/2025	03/12/2025	MDV00607	27728	Phí ngân hàng	6427	331	1.200.375		1.264.036.361		
04/12/2025	04/12/2025	MDV00608	27845	Phí giải ngân khoản vay	6427	331	1.200.000		1.265.547.984		
05/12/2025	05/12/2025	UNC000260	28009	Phí giải ngân khoản vay	6427	11211	1.600.000		1.267.708.414		
08/12/2025	08/12/2025	UNC000261	28228	Phí giải ngân khoản vay	6427	11211	1.600.000		1.271.626.727		
09/12/2025	09/12/2025	UNC000262	28307	Phí giải ngân khoản vay	6427	11211	1.050.000		1.273.197.862		
09/12/2025	09/12/2025	UNC000263	28375	Phí giải ngân khoản vay	6427	11211	1.400.000		1.274.597.862		
10/12/2025	10/12/2025	UNC000264	28513	Phí giải ngân khoản vay	6427	11211	1.052.000		1.276.456.472		
11/12/2025	11/12/2025	UNC028587	28587	Phí giải ngân khoản vay	6427	11211	152.100		1.277.333.693		
18/12/2025	18/12/2025	MDV00573	71792	Dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải tháng 12/2025	6427	331	2.409.091		1.284.729.316		
22/12/2025	22/12/2025	UNC150235	150235	Phí BDSĐ 12/2025	6427	11214	50.000		1.288.451.138		
23/12/2025	23/12/2025	MDV00592	102	Dịch vụ viết bài quảng cáo	6427	331	50.000.000		1.340.096.158		
23/12/2025	23/12/2025	PC267	21352	Phí cài đặt và hỗ trợ các Dịch vụ Website	6427	1111	6.000.000		1.346.096.158		
24/12/2025	24/12/2025	MDV00575	217	Hút và vận chuyển bùn mỡ nước thải sinh hoạt	6427	331	4.166.667		1.351.675.510		
27/12/2025	27/12/2025	UNC152206	152206	Phí duy trì TKTT tháng 12/2025	6427	11211	30.000		1.355.157.618		
28/12/2025	28/12/2025	UNC152713	152713	Phí duy trì dịch vụ IB tháng 12/2025	6427	11211	35.000		1.356.828.793		
28/12/2025	28/12/2025	UNC152714	152714	Phí BDSĐ 12/2025	6427	11211	50.000		1.356.878.793		
29/12/2025	29/12/2025	MDV00594	9220	Dịch vụ kiểm soát côn trùng tháng 12/2025	6427	331	2.200.000		1.360.958.548		
31/12/2025	31/12/2025	MDV00598	138	Phí dịch vụ bảo vệ tháng 12/2025	6427	331	42.284.000		1.406.182.904		
31/12/2025	31/12/2025	MDV00599	1002	Dịch vụ tuyển dụng	6427	331	1.548.148		1.407.731.052		
31/12/2025	31/12/2025	NVK316		Phân bổ chi phí trả trước tháng 12 năm 2025	6427	242	9.375.912		1.417.106.964		
31/12/2025	31/12/2025	NVK320		Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	6427	911		1.418.156.847		1.049.883	
				Cộng	6427		2,668,453,015	2,668,453,016			
				Số dư cuối kỳ	6427						
				Tổng cộng			2,668,453,015	2,668,453,016			

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang số ...

- Ngày mở sổ:

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Người ghi
số

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

69

Tài khoản: 642-Chi phí quản lý doanh nghiệp									
Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hóa đơn	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Trang số	STT dòng		Phát sinh nợ	Có
			- Số phát sinh trong kỳ					4.038.589.547	4.038.589.547
01/01/2025	NVK154	01/01/2025	Lệ phí môn bài phải nộp năm 2025				3339	3.000.000	
....									
07/11/2025	MH1065	07/11/2025	Mua văn phòng phẩm				331	1.707.000	
....									
01/12/2025	UNC141382	01/12/2025	Phí BDSĐ 12/2025	141382			11214	50.000	
01/12/2025	UNC141383	01/12/2025	Phí BDSĐ 12/2025	141383			11214	50.000	
01/12/2025	UNC141384	01/12/2025	Phí BDSĐ 12/2025	141384			11214	50.000	
02/12/2025	MDV00538	02/12/2025	Chi phí sử dụng điện	4216754			331	39.259.236	
02/12/2025	MDV00539	02/12/2025	Dịch vụ viễn thông	19907728			331	145.455	
02/12/2025	MDV00544	02/12/2025	Dịch vụ viễn thông	19911541			331	145.455	
03/12/2025	MDV00543	03/12/2025	Nước sạch và Dịch vụ thoát nước & xử lý NT	3312216			331	18.402.689	
10/12/2025	UNC000264	10/12/2025	Phí giải ngân khoản vay	28513			11211	1.052.000	
11/12/2025	UNC028587/1K2STAB	11/12/2025	Phí giải ngân khoản vay	28587			11211	152.100	
29/12/2025	MDV00594	29/12/2025	Dịch vụ kiểm soát côn trùng tháng 12/2025	9220			331	2.200.000	
31/12/2025	KHTS020	31/12/2025	Khấu hao tài sản tháng 12 năm 2025				2141	27.670.432	
31/12/2025	MDV00598	31/12/2025	Phí dịch vụ bảo vệ tháng 12/2025	138			331	42.284.000	
31/12/2025	MDV00599	31/12/2025	Dịch vụ tuyển dụng	1002			331	1.548.148	
31/12/2025	NVK260	31/12/2025	VAT đầu ra của hàng từ thiện				33311	1.304.142	
31/12/2025	NVK262	31/12/2025	Lương nhân viên tháng 12/2025				3341	65.642.000	
31/12/2025	NVK316	31/12/2025	Phân bổ chi phí trả trước tháng 12 năm 2025				242	1.892.562	
31/12/2025	NVK316	31/12/2025	Phân bổ chi phí trả trước tháng 12 năm 2025				242	9.375.912	
31/12/2025	NVK320	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025				911		557.416.586
31/12/2025	NVK320	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025				911		104.521.025
31/12/2025	NVK320	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025				911		166.022.592
31/12/2025	NVK320	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025				911		1.418.156.847
31/12/2025	NVK320	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025				911		22.393.920
31/12/2025	PBCC126	31/12/2025	Phân bổ CCDC tháng 12 năm 2025				242	11.815.026	
31/12/2025	XK330	31/12/2025	Xuất từ thiện				1561	21.089.778	
			- Cộng số phát sinh					4.038.589.547	4.038.589.547
			- Cộng lũy kế					4.038.589.547	4.038.589.547
			- Số dư cuối kỳ						
- Số này có trang, đánh số từ trang ... đến trang ...									
- Ngày mở sổ:									
								Ngày.....tháng.....năm 20....	
	Người ghi sổ			Kế toán trưởng				Giám đốc	
	(Ký, họ tên)			(Ký, họ tên)				(Ký, họ tên, đóng dấu)	

Hình 29: Trích Sổ Cái tài khoản 642

2.3.5 Kế toán chi phí khác tại Công ty cổ phần tập đoàn Việt Angroup

a. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Các chứng từ liên quan khác (Biên bản xử phạt hành chính, chứng từ nộp tiền phạt, bồi thường,...)

b. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 811 – Chi phí khác

c. Sổ sách sử dụng

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 811
- Sổ chi tiết TK 811

d. Phương pháp hạch toán

➤ ***Nghiệp vụ:*** Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, bên cạnh các khoản chi phí phát sinh phục vụ trực tiếp cho hoạt động kinh doanh chính, doanh nghiệp còn phát sinh một số khoản chi phí ngoài hoạt động thông thường. Căn cứ Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước được lập thông qua hệ thống thuế điện tử, doanh nghiệp đã thực hiện nộp khoản tiền chậm nộp thuế giá trị gia tăng với số tiền 10.254.096 đồng vào ngân sách nhà nước.



Không ghi vào
khu vực này

GIẤY NỘP TIỀN VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚCTiền mặt ☐ Chuyển khoản ☒Loại tiền: VND ☒ USD ☐ Khác:.....

Mẫu số C1- 02/NS
(Ban hành kèm theo Thông tư số
84/2016/TT-BTC
của Bộ Tài chính)
Mã hiệu: 2520113TSA
Số: 0026269

Số tham chiếu: 11220250353077430

Người nộp thuế: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VIỆT ANGROUP

Mã số thuế: 0401925475

Địa chỉ: Lô 4-A9.4 Đường 2/9, Phường Hòa Cường

Tỉnh, TP: Thành phố Đà Nẵng

Quận/Huyện:

Người nộp thay:

Địa chỉ:

Quận/Huyện:

Đề nghị NH/ KBNN: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

Tỉnh, TP:

trích TK số: 110603999777

hoặc thu tiền mặt để nộp NSNN theo:

TK thu NSNN ☒ TK tạm thu ☐ TK thu hồi hoàn thuế GTGT ☐

Vào tài Khoản KBNN: Kho bạc Nhà nước khu vực XIII - Phòng Kế toán Nhà nước Tỉnh, TP: Thành phố Đà Nẵng

Mở tại NH ủy nhiệm thu: VTB-NH TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng

Nộp theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền:

Kiểm toán nhà nước ☐Thanh tra tài chính ☐Thanh tra Chính phủ ☐Cơ quan có thẩm quyền khác ☐

Cơ quan quản lý thu: Thuế Thành phố Đà Nẵng 01

Phần dành cho người nộp thuế ghi						Phần dành cho NH ủy nhiệm thu/ NH phối hợp thu/ KBNN ghi	
STT	Số tờ khai/ Số quyết định/ Số thông báo	Kỳ thuế/ Ngày quyết định/ Ngày thông báo	Nội dung các khoản nộp NSNN	Số tiền nguyên tệ	Số tiền VND	Mã chương	Mã NDKT
1	1122025353077235	00/12/9999	Tiền chậm nộp thuế giá trị gia tăng từ hàng hóa sản xuất kinh doanh trong nước khác còn lại.		10,254,096	554	4931
Tổng tiền					10,254,096		

Tổng số tiền ghi bằng chữ: MƯỜI TRIỆU HAI TRĂM NĂM MƯƠI BỐN NGHÌN KHÔNG TRĂM CHÍN MƯƠI SÁU ĐỒNG

PHẦN DÀNH CHO KBNN GHI KHI HẠCH TOÁN		
Mã CQ thu:.....	Nợ TK:.....	
Mã ĐBHC:.....	Có TK:.....	
Mã nguồn NSNN:.....		

ĐÒI TƯỢNG NỘP TIỀN

Ngày.....Tháng.....Năm.....

Người nộp tiền

Kế toán trưởng

Thủ trưởng

Kế toán

NGÂN HÀNG (KBNN)

Ngày.....Tháng.....Năm.....

Kế toán trưởng

✓ Người ký :	CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VIỆT ANGROUP
✓ Ngày ký :	16/12/2025 11:13:28
✓ Người ký :	CỤC THUẾ
✓ Ngày ký :	16/12/2025 11:12:42
✓ Người ký :	NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM
✓ Ngày ký :	16/12/2025 11:13:48

<https://thuedientu.gdt.gov.vn/etaxnnt/Request#>**Hình 30: Giấy nộp tiền chậm nộp thuế GTGT****Màn hình nhập liệu tiền chậm nộp thuế GTGT: XEM PHỤ LỤC 22**

Sau khi nhập dữ liệu vào phần mềm, phần mềm Easybooks sẽ tự động cập nhật lên Sổ Nhật ký chung, sổ Cái TK 811 và sổ chi tiết TK 811.

Quy trình xuất sổ chi tiết tài khoản 811:

Vào phân hệ “ Báo cáo” => “Tổng hợp” => “ Sổ chi tiết các tài khoản” , nhập kỳ báo cáo năm 2025 => Chọn tài khoản 811 => Chọn xem báo cáo

Dưới đây là trích yếu Sổ chi tiết tài khoản 811 năm 2025:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VIỆT ANGROUP
Lô 4-A9.4 Đường 2/9, Phường Hoà Cường Bắc, Quận Hải Châu, Đà Nẵng
Mã số thuế: 0401925475

Mẫu số: S38-DN
(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC)

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN

Năm 2025

Tài khoản: 811 ; Loại tiền: VND

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Số hóa đơn	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh nợ	Phát sinh Có	Dư Nợ	Dư Có
12/03/2025	12/03/2025	UCN6804		Nộp chậm, nộp phạt thuế GTGT	811	11211	9.936.465		9.936.465	
18/06/2025	18/06/2025	UNC131398		Nộp phạt, nộp chậm các khoản khác theo quy định của ngành thuế	811	11211	32.400		9.968.865	
18/06/2025	18/06/2025	UNC131399		Nộp phạt, nộp chậm thuế TNCN	811	11211	18.338		9.987.203	
30/06/2025	30/06/2025	NVK319		Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 30/06/2025	811	911		9.987.203		
15/08/2025	15/08/2025	NVK280		Xử lý chênh lệch công nợ	811	131	1		1	
30/09/2025	30/09/2025	NVK195		Khấu trừ thuế Quý III năm 2025	811	1331	694.890		694.891	
31/10/2025	31/10/2025	NVK314		Xử lý chênh lệch công nợ	811	331	1		694.892	
01/12/2025	01/12/2025	MDV00534	4266	Phi đánh giá khảo sát tài sản	811	331	909.091		1.603.983	
10/12/2025	10/12/2025	MH1114	49324	Mua khay trái cây	811	331	1.113.716		2.717.699	
16/12/2025	16/12/2025	UNC000274		Tiền chậm nộp thuế GTGT còn lại	811	11211	10.254.096		12.971.795	
24/12/2025	24/12/2025	UNC000266		Tiền chậm nộp thuế TNCN quý 4.2024	811	11211	18.338		12.990.133	
24/12/2025	24/12/2025	UNC000267		Tiền chậm nộp các khoản thuế khác	811	11211	32.400		13.022.533	
31/12/2025	31/12/2025	NVK257		Thuế GTGT không được khấu trừ tính vào CP quý 4/2025	811	1331	1.372.556		14.395.089	
31/12/2025	31/12/2025	NVK320		Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	811	911		14.395.089		
				Cộng	811		24.382.292	24.382.292		
				Tổng cộng			24.382.292	24.382.292		

- Số này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang số ...

- Ngày mở sổ:

Ngày:.....tháng.....năm 20....

Người ghi sổ (Ký, họ tên)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)

Hình 31: Trích Sổ chi tiết tài khoản 811

Quy trình xuất Sổ Cái 811:

Vào phân hệ “ Báo cáo” => “Tổng hợp” => “ Sổ Cái theo hình thức nhật ký chung” , nhập kỳ báo cáo năm 2025 => Chọn tài khoản 811 => Chọn xem báo cáo

Dưới đây là trích yếu Sổ Cái tài khoản 811 năm 2025:

Lô 4-A9.4 Đường 2/9, Phường Hoà Cường Bắc, Quận Hải Châu, Đà Nẵng
Mã số thuế: 0401925475

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC)

Năm 2025

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hóa đơn	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Trang số	STT dòng		Phát sinh nợ	Có
			- Số phát sinh trong kỳ					24.382.292	24.382.292
12/03/2025	UCN6804	12/03/2025	Nộp chậm, nộp phạt thuế GTGT				11211	9.936.465	
18/06/2025	UNC131398	18/06/2025	Nộp phạt, nộp chậm các khoản khác theo quy định của ngành thuế				11211	32.400	
18/06/2025	UNC131399	18/06/2025	Nộp phạt, nộp chậm thuế TNCN				11211	18.338	
30/06/2025	NVK319	30/06/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 30/06/2025				911		9.987.203
15/08/2025	NVK280	15/08/2025	Xử lý chênh lệch công nợ				131	1	
30/09/2025	NVK195	30/09/2025	Khấu trừ thuế Quý III năm 2025				1331	694.890	
31/10/2025	NVK314	31/10/2025	Xử lý chênh lệch công nợ				331	1	
01/12/2025	MDV00534	01/12/2025	Phí đánh giá khảo sát tài sản	4266			331	909.091	
10/12/2025	MH1114	10/12/2025	Mua khay trái cây	49324			331	1.113.716	
16/12/2025	UNC000274	16/12/2025	Tiền chậm nộp thuế GTGT còn lại				11211	10.254.096	
24/12/2025	UNC000266	24/12/2025	Tiền chậm nộp thuế TNCN quý 4.2024				11211	18.338	
24/12/2025	UNC000267	24/12/2025	Tiền chậm nộp các khoản thuế khác				11211	32.400	
31/12/2025	NVK257	31/12/2025	Thuế GTGT không được khấu trừ tính vào CP quý 4/2025				1331	1.372.556	
31/12/2025	NVK320	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025				911		14.395.089
			- Cộng số phát sinh					24.382.292	24.382.292
			- Cộng lũy kế					24.382.292	24.382.292
			- Số dư cuối kỳ						

Số này có trang, đánh số từ trang ... đến trang ...

Ngày mở sổ:

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Ngày.....tháng.....năm

- Sổ này có :... trang, đánh số từ trang ... đến trang ...

- Ngày mở sổ:

Ngày.....tháng.....năm

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Hình 32: Trích Sổ Cái tài khoản 811

2.3.6 Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tại Công ty cổ phần tập đoàn Việt Angroup

Ngày 31/12/2025, Công ty Cổ phần Tập đoàn Việt Angroup thực hiện xác định thu nhập tính thuế để lập tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định. Kết quả cho thấy thu nhập tính thuế trong năm là số âm, do đó doanh nghiệp không phát sinh nghĩa vụ thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp. Như vậy, do thu nhập tính thuế trong kỳ của Công ty Cổ phần Tập đoàn Việt Angroup là số âm, nên doanh nghiệp không phát sinh nghĩa vụ thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp. Kết luận này

được đưa ra căn cứ theo quy định tại Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành (đặc biệt là Thông tư 78/2014/TT-BTC và Thông tư 96/2015/TT-BTC), theo đó thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ phát sinh khi doanh nghiệp có thu nhập tính thuế dương.

Do không phát sinh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp, kế toán không thực hiện hạch toán vào tài khoản 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, khoản lỗ này sẽ được theo dõi và chuyển sang các kỳ sau theo quy định của pháp luật thuế hiện hành.

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ TNDN: XEM PHỤ LỤC 23

PHỤ LỤC BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH: XEM PHỤ LỤC 24

2.4 Thực trạng kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty cổ phần tập đoàn Việt Angroup

a. Tài khoản sử dụng

- Cuối kỳ, kế toán kết chuyển tất cả các tài khoản từ tài khoản loại 5,6,7,8 sang tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ

b. Sổ sách sử dụng

- Sổ nhật ký chung

- Sổ cái TK 911

- Sổ chi tiết TK 911

c. Phương pháp hạch toán

Tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Việt Angroup, việc xác định kết quả hoạt động kinh doanh được thực hiện định kỳ 6 tháng. Cuối kỳ, kế toán tập hợp doanh thu, thu nhập và chi phí để kết chuyển vào TK 911. Cụ thể, kết chuyển doanh thu từ TK 511, 515, 711 sang bên Có TK 911 và các khoản chi phí từ TK 632, 635, 642, 811 sang bên Nợ TK 911.

Sau khi kết chuyển, doanh nghiệp bị lỗ do chi phí lớn hơn doanh thu. Kế toán thực hiện kết chuyển lỗ từ TK 421 sang TK 911. Các nghiệp vụ này được ghi nhận đầy đủ trên sổ kế toán theo quy định hiện hành.

Quy trình xuất sổ chi tiết tài khoản 911:

Vào phân hệ “ Báo cáo” => “Tổng hợp” => “ Sổ chi tiết các tài khoản” , nhập kỳ báo cáo năm 2025 => Chọn tài khoản 911 => Chọn xem báo cáo

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VIỆT ANGROUP
 Lô 4-A9.4 Đường 2/9, Phường Hoà Cường Bắc, Quận Hải Châu, Đà Nẵng
 Mã số thuế: 0401925475

Mẫu số: S38-DN
(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính)

Năm 2025

Tài khoản: 911 : Loại tiền: VND

Tài khoản: 911 ; Loại tiền: VND										
Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Số hóa đơn	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh nợ	Phát sinh Có	Dư Nợ	Dư Có
30/06/2025	30/06/2025	NVK319		Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 30/06/2025	911	4212		2.225.210.861		2.225.210.86
30/06/2025	30/06/2025	NVK319		Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 30/06/2025	911	5111		1.391.049.973		3.616.260.83
30/06/2025	30/06/2025	NVK319		Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 30/06/2025	911	5112		3.677.941.220		7.294.202.05
30/06/2025	30/06/2025	NVK319		Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 30/06/2025	911	5113		1.681.580.525		8.975.782.57
30/06/2025	30/06/2025	NVK319		Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 30/06/2025	911	515		263.495		8.976.046.07
30/06/2025	30/06/2025	NVK319		Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 30/06/2025	911	6321	6.178.714.472			2.797.331.60
30/06/2025	30/06/2025	NVK319		Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 30/06/2025	911	635	522.631.078			2.274.700.52
30/06/2025	30/06/2025	NVK319		Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 30/06/2025	911	6411	494.634.744			1.780.065.78
30/06/2025	30/06/2025	NVK319		Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 30/06/2025	911	6421	207.514.636			1.572.551.14
30/06/2025	30/06/2025	NVK319		Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 30/06/2025	911	6423	137.360.499			1.435.190.64
30/06/2025	30/06/2025	NVK319		Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 30/06/2025	911	6424	166.022.592			1.269.168.05
30/06/2025	30/06/2025	NVK319		Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 30/06/2025	911	6425	3.000.000			1.266.168.05
30/06/2025	30/06/2025	NVK319		Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 30/06/2025	911	6427	1.250.296.168			15.871.88
30/06/2025	30/06/2025	NVK319		Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 30/06/2025	911	6428	5.884.682			9.987.20
30/06/2025	30/06/2025	NVK319		Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 30/06/2025	911	811	9.987.203			
31/12/2025	31/12/2025	NVK320		Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	911	4212		177.156.275		177.156.27
31/12/2025	31/12/2025	NVK320		Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	911	5111		1.132.800.176		1.309.956.45
31/12/2025	31/12/2025	NVK320		Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	911	5112		6.257.490.301		7.567.446.75
31/12/2025	31/12/2025	NVK320		Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	911	5113		12.776.569.100		20.344.015.85
31/12/2025	31/12/2025	NVK320		Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	911	515		581.471		20.344.597.32
31/12/2025	31/12/2025	NVK320		Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	911	6321	15.464.196.411			4.880.400.91
31/12/2025	31/12/2025	NVK320		Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	911	635	1.543.862.035			3.336.538.87
31/12/2025	31/12/2025	NVK320		Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	911	6411	1.055.229.117			2.281.309.76
31/12/2025	31/12/2025	NVK320		Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	911	6421	557.416.586			1.723.893.17
31/12/2025	31/12/2025	NVK320		Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	911	6423	104.521.025			1.619.372.14
31/12/2025	31/12/2025	NVK320		Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	911	6424	166.022.592			1.453.349.55
31/12/2025	31/12/2025	NVK320		Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	911	6427	1.418.156.847			35.192.71
31/12/2025	31/12/2025	NVK320		Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	911	6428	22.393.920			12.798.79
31/12/2025	31/12/2025	NVK320		Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	911	711		1.596.299		14.395.08
31/12/2025	31/12/2025	NVK320		Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	911	811	14.395.089			
				Cộng	911		29.322.239.696	29.322.239.696		
				Số dư cuối kỳ	911					
				Tổng cộng			29.322.239.696	29.322.239.696		

- Số này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang số ...

- Ngày mở sổ:

- Ngày mở s

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Giám đốc

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Quy trình xuất Sổ Cái 911:

Vào phân hệ “ Báo cáo” => “Tổng hợp” => “ Sổ Cái theo hình thức nhật ký chung”
 , nhập kỳ báo cáo năm 2025 => Chọn tài khoản 911 => Chọn xem báo cáo

Dưới đây là trích yếu Sổ Cái tài khoản 911 năm 2025:

Lô 4-A9.4 Đường 2/9, Phường Hoà Cường Bắc, Quận Hải Châu, Đà Nẵng
Mã số thuế: 0401925475

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính)

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2025

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hóa đơn	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Trang số	STT dòng		Phát sinh nợ	Có
			- Số phát sinh trong kỳ					29.322.239.696	29.322.239.696
30/06/2025	NVK319	30/06/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 30/06/2025				4212		2.225.210.861
30/06/2025	NVK319	30/06/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 30/06/2025				5111		1.391.049.973
30/06/2025	NVK319	30/06/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 30/06/2025				5112		3.677.941.220
30/06/2025	NVK319	30/06/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 30/06/2025				5113		1.681.580.525
30/06/2025	NVK319	30/06/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 30/06/2025				515		263.495
30/06/2025	NVK319	30/06/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 30/06/2025				6321	6.178.714.472	
30/06/2025	NVK319	30/06/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 30/06/2025				635	522.631.078	
30/06/2025	NVK319	30/06/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 30/06/2025				6411	494.634.744	
30/06/2025	NVK319	30/06/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 30/06/2025				6421	207.514.636	
30/06/2025	NVK319	30/06/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 30/06/2025				6423	137.360.499	
30/06/2025	NVK319	30/06/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 30/06/2025				6424	166.022.592	
30/06/2025	NVK319	30/06/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 30/06/2025				6425	3.000.000	
30/06/2025	NVK319	30/06/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 30/06/2025				6427	1.250.296.168	
30/06/2025	NVK319	30/06/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 30/06/2025				6428	5.884.682	
30/06/2025	NVK319	30/06/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 30/06/2025				811	9.987.203	
31/12/2025	NVK320	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025				4212		177.156.275
31/12/2025	NVK320	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025				5111		1.132.800.176
31/12/2025	NVK320	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025				5112		6.257.490.301
31/12/2025	NVK320	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025				5113		12.776.569.100
31/12/2025	NVK320	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025				515		581.471
31/12/2025	NVK320	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025				711		1.596.299
31/12/2025	NVK320	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025				6321	15.464.196.411	
31/12/2025	NVK320	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025				635	1.543.862.035	
31/12/2025	NVK320	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025				6411	1.055.229.117	
31/12/2025	NVK320	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025				6421	557.416.586	
31/12/2025	NVK320	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025				6423	104.521.025	
31/12/2025	NVK320	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025				6424	166.022.592	
31/12/2025	NVK320	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025				6427	1.418.156.847	
31/12/2025	NVK320	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025				6428	22.393.920	
31/12/2025	NVK320	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025				811	14.395.089	
			- Cộng số phát sinh					29.322.239.696	29.322.239.696
			- Cộng lũy kế					29.322.239.696	29.322.239.696
			- Số dư cuối kỳ						

- Ngày mở sổ:

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh: XEM PHỤ LỤC 25

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ NHẬN XÉT VÀ Ý KIẾN GÓP PHẦN HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VIỆT ANGROUP

3.1 Đánh giá về thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần tập đoàn Việt Angroup

Qua thời gian thực tập và tìm hiểu thực tế tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Việt Angroup, cùng với sự hướng dẫn tận tình của các anh chị trong phòng kế toán, em đã có cơ hội tiếp cận và nghiên cứu công tác kế toán tại doanh nghiệp. Qua đó, em nhận thấy công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty được tổ chức tương đối hoàn chỉnh, bộ máy kế toán được bố trí hợp lý, đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn và tinh thần trách nhiệm cao, đáp ứng tốt yêu cầu quản lý và hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

3.1.1 Ưu điểm

a. Về tổ chức chứng từ kế toán

- *Thông tư áp dụng:* Công ty áp dụng Thông tư 200/2014/TT-BTC, phù hợp với quy mô và đặc điểm hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Việc áp dụng đúng chế độ kế toán hiện hành giúp bộ máy kế toán vận hành thống nhất, đảm bảo cung cấp thông tin tài chính đầy đủ, minh bạch và đáng tin cậy cho các đối tượng sử dụng.

- *Chứng từ kế toán:* Công ty đã thực hiện tốt việc lập và sử dụng chứng từ kế toán. Các chứng từ được lập đầy đủ, chính xác và phản ánh trung thực các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Việc quản lý và kiểm tra chứng từ được thực hiện tương đối chặt chẽ, đảm bảo tính hợp pháp, hợp lý và hợp lệ. Bên cạnh đó, công ty tuân thủ nghiêm túc quy định về lập và xuất hóa đơn đúng thời điểm, góp phần nâng cao tính minh bạch trong công tác kế toán và quản lý tài chính.

- *Sổ kế toán và hình thức ghi sổ:* Công ty tổ chức hệ thống sổ kế toán tương đối đầy đủ, bao gồm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết, đáp ứng yêu cầu quản lý và theo dõi số liệu. Doanh nghiệp áp dụng hình thức ghi sổ Nhật ký chung, phù hợp với đặc điểm hoạt động kinh doanh và trình độ tổ chức kế toán. Hình thức này giúp ghi nhận các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian, đảm bảo tính logic và thuận tiện cho việc kiểm tra, đối chiếu số liệu.

- *Phần mềm kế toán:* Công ty sử dụng phần mềm kế toán EasyBooks trong công tác hạch toán. Việc ứng dụng phần mềm giúp các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được nhập liệu nhanh chóng, xử lý và tổng hợp tự động. Từ đó, số liệu kế toán được cập nhật kịp thời, hỗ trợ lập báo cáo tài chính chính xác, giảm thiểu sai sót và tiết kiệm thời gian, chi phí cho doanh nghiệp.

b. Về kế toán doanh thu, thu nhập

Công tác kế toán doanh thu và thu nhập tại công ty được thực hiện tương đối chặt chẽ và tuân thủ đúng quy định của Thông tư 200/2014/TT-BTC. Doanh thu được ghi nhận đúng thời điểm khi các điều kiện ghi nhận được đáp ứng, đảm bảo phản ánh đúng bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Bên cạnh đó, công ty thực hiện tốt việc xuất hóa đơn và ghi nhận doanh thu kịp thời, hạn chế tình trạng ghi nhận sai kỳ. Các khoản thu nhập khác cũng được theo dõi và phản ánh riêng biệt, đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ cho việc xác định kết quả kinh doanh. Nhờ đó, số liệu về doanh thu và thu nhập của công ty có độ tin cậy cao, phục vụ hiệu quả cho công tác quản lý và lập báo cáo tài chính.

c. Về kế toán chi phí

Công tác kế toán chi phí tại công ty được tổ chức tương đối hợp lý và tuân thủ theo quy định của Thông tư 200/2014/TT-BTC. Các khoản chi phí phát sinh được ghi nhận đầy đủ, kịp thời và phản ánh đúng nội dung kinh tế, đảm bảo phù hợp với doanh thu trong kỳ. Công ty đã thực hiện phân loại chi phí theo từng yếu tố như chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp,... giúp thuận tiện cho việc theo dõi và kiểm soát. Bên cạnh đó, việc mở chi tiết các tài khoản chi phí (điển hình như TK 642) góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, giúp kế toán dễ dàng tổng hợp và phân tích chi phí theo từng nội dung cụ thể. Các khoản chi phí được kiểm tra, đối chiếu trước khi ghi nhận, đảm bảo tính hợp lý, hợp lệ và hạn chế sai sót. Nhờ đó, thông tin về chi phí được phản ánh tương đối chính xác, phục vụ hiệu quả cho việc xác định kết quả kinh doanh và công tác quản trị doanh nghiệp.

d. Về kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh

Công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty được thực hiện đầy đủ và tuân thủ đúng quy định của Thông tư 200/2014/TT-BTC. Cuối kỳ kế toán, công ty tiến hành kết chuyển toàn bộ doanh thu, thu nhập và chi phí vào tài khoản xác định kết quả kinh doanh (TK 911) một cách kịp thời và chính xác, đảm bảo phản ánh đúng kết quả hoạt động trong kỳ.

Việc xác định lợi nhuận được thực hiện rõ ràng, minh bạch, dựa trên số liệu đã được kiểm tra và đối chiếu giữa các phần hành kế toán. Nhờ đó, thông tin về kết quả kinh doanh phản ánh trung thực tình hình hoạt động của doanh nghiệp, góp phần cung cấp cơ sở quan trọng cho việc lập báo cáo tài chính cũng như hỗ trợ nhà quản lý trong việc đánh giá hiệu quả hoạt động và đưa ra các quyết định kinh doanh phù hợp.

3.1.2 Hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Việt Angroup vẫn còn tồn tại một số hạn chế cần được khắc phục và hoàn thiện.

a. Về tổ chức chứng từ kế toán

Qua quá trình thực tập tại doanh nghiệp, có thể thấy khối lượng dữ liệu kế toán phát sinh lớn, trong khi phần mềm EasyBooks đôi khi thường xuyên bảo trì hoặc nâng cấp hệ thống. Điều này dẫn đến việc gián đoạn truy cập, khiến kế toán không thể nhập liệu hoặc xử lý chứng từ kịp thời trong thời gian phần mềm tạm ngừng hoạt động. Bên cạnh đó, khi hệ thống hoạt động trở lại, việc đồng bộ dữ liệu đôi lúc chưa thực sự ổn định, dễ phát sinh tình trạng chậm cập nhật hoặc phải kiểm tra lại chứng từ đã nhập. Điều này làm tăng khối lượng công việc kiểm soát, ảnh hưởng đến tiến độ xử lý nghiệp vụ và tính kịp thời của thông tin kế toán trong doanh nghiệp.

b. Về kế toán doanh thu, thu nhập

Do phát sinh số lượng hóa đơn rất lớn, việc nhập và đồng bộ dữ liệu trên phần mềm EasyBooks dễ dẫn đến sai sót trong quá trình xử lý. Cụ thể, kế toán có thể nhầm lẫn khi lựa chọn các tài khoản doanh thu chi tiết như 5111, 5112 và 5113, từ đó làm cho việc ghi nhận doanh thu chưa phản ánh đúng bản chất từng loại hoạt động. Điều này ảnh hưởng đến độ chính xác của thông tin kế toán và tính phù hợp của báo cáo doanh thu trong kỳ.

c. Về kế toán chi phí

Trong thực tế, do đặc thù công ty vừa kinh doanh hàng hóa, vừa cung cấp dịch vụ và thành phẩm, nên việc hạch toán giá vốn trên phần mềm kế toán chưa được thực hiện đồng bộ với quá trình ghi nhận doanh thu. Cụ thể, công ty chưa thực hiện xuất kho kiêm ghi nhận giá vốn ngay tại thời điểm phát sinh mà thường thực hiện xuất giá vốn theo định kỳ (khoảng từ 5 đến 10 ngày).

Bên cạnh đó, mặc dù doanh thu được theo dõi chi tiết theo từng loại hình hoạt động, nhưng giá vốn lại chủ yếu được tập trung hạch toán vào một tài khoản chi tiết (TK 6321), chưa được phân tách tương ứng với từng loại doanh thu. Điều này làm cho việc đối chiếu giữa doanh thu và chi phí chưa thực sự phù hợp, đồng thời gây khó khăn trong việc phân tích hiệu quả hoạt động của từng lĩnh vực kinh doanh. Những hạn chế này phần nào ảnh hưởng đến tính kịp thời và độ chính xác của thông tin chi phí, từ đó làm giảm hiệu quả cung cấp thông tin cho công tác quản lý và ra quyết định của doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, công ty hiện chưa xây dựng và khai báo định mức nguyên vật liệu cho từng thành phẩm nên việc xác định giá vốn chủ yếu dựa trên số liệu tổng hợp

hoặc phân bổ chung, chưa phản ánh chính xác mức tiêu hao thực tế của từng mặt hàng. Điều này gây khó khăn trong việc kiểm soát chi phí nguyên vật liệu, đánh giá hiệu quả kinh doanh của từng sản phẩm cũng như xây dựng chính sách giá bán phù hợp.

d. Về kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh

- Hiện nay, Công ty thực hiện xác định kết quả hoạt động kinh doanh định kỳ 6 tháng một lần, trong khi khối lượng nghiệp vụ kinh tế phát sinh lớn và liên tục. Điều này dẫn đến một số hạn chế như: thông tin về kết quả kinh doanh chưa được cung cấp kịp thời cho nhà quản lý; khó theo dõi biến động doanh thu, chi phí theo từng tháng để đưa ra quyết định điều hành phù hợp; đồng thời làm tăng khối lượng công việc dồn vào cuối kỳ, dễ phát sinh sai sót trong quá trình kết chuyển và tổng hợp số liệu.

Bên cạnh đó, việc kết chuyển định kỳ dài còn hạn chế khả năng kiểm soát chi phí và đánh giá hiệu quả hoạt động theo từng giai đoạn ngắn, ảnh hưởng đến tính chủ động trong công tác quản trị tài chính của doanh nghiệp.

- Theo nguyên tắc kế toán, chỉ tiêu *giá vốn hàng bán* phải được phản ánh thống nhất giữa các báo cáo, do cùng được lấy từ một nguồn số liệu kế toán (TK 632). Tuy nhiên, tại doanh nghiệp, số liệu giá vốn trên hai báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh lại có sự chênh lệch:

+ *Phụ lục BCKQHĐKD trên tờ khai thuế TNDN*: 21.643.210.125 đồng

+ *Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*: 21.642.910.883 đồng

Chênh lệch: 299.242 đồng

Trong đó, số liệu đúng là 21.642.910.883 đồng theo Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, do được lập trực tiếp từ hệ thống sổ kế toán sau khi đã thực hiện đầy đủ các bút toán kết chuyển.

Điều này cho thấy kế toán chưa thực hiện kiểm tra, đối chiếu dữ liệu một cách đầy đủ trước khi lập và nộp báo cáo, có thể do quy trình kiểm soát chưa chặt chẽ hoặc áp lực thời gian. Hệ quả là làm giảm độ tin cậy của thông tin tài chính, ảnh hưởng đến việc đánh giá chính xác kết quả hoạt động kinh doanh và tiềm ẩn rủi ro khi cơ quan thuế hoặc kiểm toán thực hiện kiểm tra.

3.2 Một số ý kiến hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần tập đoàn Việt Angroup

3.2.1 Hoàn thiện kế toán doanh thu, thu nhập

Do số lượng hóa đơn bán hàng, cung cấp dịch vụ và bán thành phẩm phát sinh tương đối lớn, trong khi công ty sử dụng nhiều tài khoản doanh thu chi tiết (TK 5111, TK 5112, TK 5113), nên việc nhầm lẫn trong quá trình ghi nhận doanh thu vẫn có thể xảy ra. Để hạn chế tình trạng này, công ty cần xây dựng quy trình kiểm tra chứng từ và phân công trách nhiệm cụ thể cho từng nhân viên kế toán.

Cụ thể, khi tiếp nhận chứng từ bán hàng, kế toán doanh thu cần kiểm tra đầy đủ các thông tin trên hóa đơn điện tử, đối chiếu với hợp đồng kinh tế, báo giá, biên bản nghiệm thu hoặc các chứng từ liên quan để xác định chính xác bản chất của nghiệp vụ phát sinh là bán hàng hóa, bán thành phẩm hay cung cấp dịch vụ. Trên cơ sở đó, kế toán lựa chọn tài khoản doanh thu phù hợp trước khi nhập liệu vào phần mềm EasyBooks.

Sau khi hoàn thành việc ghi nhận chứng từ, kế toán tổng hợp cần thực hiện đối chiếu định kỳ giữa sổ chi tiết doanh thu, hóa đơn điện tử đã phát hành và các báo cáo doanh thu trên phần mềm nhằm phát hiện kịp thời các trường hợp hạch toán sai tài khoản hoặc ghi nhận thiếu doanh thu. Đối với các chứng từ có giá trị lớn hoặc các nghiệp vụ phát sinh bất thường, kế toán trưởng cần thực hiện bước kiểm tra và phê duyệt trước khi khóa sổ kế toán.

Bên cạnh đó, công ty nên quy định rõ trách nhiệm của từng cá nhân trong quy trình xử lý chứng từ. Kế toán doanh thu chịu trách nhiệm về tính chính xác của việc nhập liệu và phân loại doanh thu; kế toán tổng hợp chịu trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa các sổ sách và báo cáo; kế toán trưởng chịu trách nhiệm rà soát, phê duyệt và kiểm soát cuối cùng. Việc phân công trách nhiệm rõ ràng không chỉ giúp hạn chế sai sót mà còn nâng cao tính minh bạch và khả năng kiểm soát số liệu kế toán tại công ty.

Ngoài ra, công ty có thể thiết lập sẵn mã nghiệp vụ hoặc danh mục tài khoản mặc định trên phần mềm EasyBooks cho từng nhóm doanh thu nhằm giảm thiểu rủi ro lựa chọn nhầm tài khoản trong quá trình hạch toán, góp phần đảm bảo doanh thu được ghi nhận đúng bản chất kinh tế của từng nghiệp vụ phát sinh.

3.2.2 Hoàn thiện kế toán chi phí

Qua quá trình thực tập tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Việt Angroup, nhận thấy doanh thu của công ty được theo dõi chi tiết theo từng hoạt động kinh doanh, bao gồm doanh thu bán hàng hóa, doanh thu bán thành phẩm và doanh thu cung cấp dịch vụ. Tuy nhiên, giá vốn hàng bán hiện nay chủ yếu được tập hợp trên một tài khoản chi tiết, chưa phản ánh riêng biệt giá vốn của từng loại hoạt động. Điều này gây khó khăn trong việc xác định lợi nhuận gộp của từng mảng kinh doanh, đồng thời hạn chế khả năng phân tích hiệu quả hoạt động và kiểm soát chi phí của doanh nghiệp.

Để khắc phục hạn chế trên, công ty nên tổ chức theo dõi chi tiết giá vốn tương ứng với từng loại doanh thu. Cụ thể, bên cạnh việc sử dụng TK 632 – Giá vốn hàng bán, công ty có thể mở các tài khoản chi tiết như TK 6321 – Giá vốn hàng hóa, TK 6322 – Giá vốn thành phẩm và TK 6323 – Giá vốn dịch vụ. Việc hạch toán chi tiết theo từng hoạt động sẽ giúp kế toán dễ dàng đối chiếu giữa doanh thu và giá vốn phát sinh, từ đó xác định chính xác kết quả kinh doanh của từng lĩnh vực hoạt động.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VIỆT ANGROUP

Lô 4-A9.4 Đường 2/9, Phường Hoà Cường Bắc, Quận Hải Châu, Đà Nẵng
Mã số thuế: 0401925475

Mẫu số: S38-DN

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính)

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN

Năm 2025

Tài khoản: 6321- Giá vốn hàng bán - Hàng hóa ; Loại tiền: VND

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Số hóa đơn	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh nợ	Phát sinh Có	Dư Nợ	Dư Có
02/01/2025	02/01/2025	XK001		Xuất kho bán hàng hóa	6321	1561	14.541.327		14.541.327	
08/01/2025	08/01/2025	XK002		Xuất kho bán hàng hóa	6321	1561	12.008.280		30.749.607	
....										
23/06/2025	23/06/2025	XK152		Xuất kho bán hàng hóa	6321	1561	48.435.588		1.689.079.235	
29/06/2025	29/06/2025	XK153		Xuất kho bán hàng hóa	6321	1561	14.285.370		1.703.364.605	
....										
16/11/2025	16/11/2025	XK254		Xuất kho bán hàng hóa (Bar)	6321	1561	2.884.636		2.029.297.048	
27/11/2025	27/11/2025	XK310		Xuất kho bán hàng hóa	6321	1561	13.579.068		2.029.297.048	
27/11/2025	27/11/2025	XK311		Xuất kho bán hàng hóa (Bar)	6321	1561	1.670.277		2.029.297.048	
05/12/2025	05/12/2025	XK314		Xuất kho bán hàng hóa	6321	1561	17.329.061		2.029.297.048	
05/12/2025	05/12/2025	XK315		Xuất kho bán hàng hóa (Bar)	6321	1561	480.404		2.029.297.048	
15/12/2025	15/12/2025	XK316		Xuất kho bán hàng hóa	6321	1561	34.049.582		2.029.297.048	
15/12/2025	15/12/2025	XK317		Xuất kho bán hàng hóa (Bar)	6321	1561	530.104		2.029.297.048	
25/12/2025	25/12/2025	XK318		Xuất kho bán hàng hóa	6321	1561	35.274.803		2.029.297.048	
25/12/2025	25/12/2025	XK319		Xuất kho bán hàng hóa (Bar)	6321	1561	1.402.586		2.029.297.048	
31/12/2025	31/12/2025	XK329		Xuất kho bán hàng hóa	6321	1561	3.200.000		2.029.297.048	
....										
				Cộng	6321		2.029.297.048	2.029.297.048		
				Số dư cuối kỳ	6321					
				Tổng cộng			2.029.297.048	2.029.297.048		

- Số này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang số ...

- Ngày mở sổ:

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Ngày.....tháng.....năm

Hình 35: Minh họa sổ chi tiết tài khoản 6321

SỐ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN

Năm 2025

Tài khoản: 6322-Giá vốn hàng bán - Thành phẩm ; Loại tiền: VND

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Số hóa đơn	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh nợ	Phát sinh Có	Dư Nợ	Dư Có
31/03/2025	31/03/2025	NVK235		Kết chuyển giá vốn TK 154 ->TK 632 quý 1/2025	6322	154	968.011.877		968.011.877	
30/06/2025	30/06/2025	NVK237		Kết chuyển giá vốn TK 154 ->TK 632 quý 2/2025	6322	154	1.288.083.511		2.256.095.388	
30/09/2025	30/09/2025	NVK238		Kết chuyển giá vốn TK 154 ->TK 632 quý 3/2025	6322	154	1.880.601.536		4.136.696.924	
31/12/2025	31/12/2025	NVK293		Kết chuyển giá vốn TK 154 ->TK 632 quý 4/2025	6322	154	1.516.279.148		5.652.976.072	
				Cộng	6322		5.652.976.072	5.652.976.072		
				Số dư cuối kỳ	6322					
				Tổng cộng			5.652.976.072	5.652.976.072		

- Số này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang số ...

- Ngày mở sổ:

									Ngày.....tháng.....năm
									Giám đốc
									(Ký, họ tên, đóng dấu)

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Hình 36: Minh họa sổ chi tiết tài khoản 6322

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VIỆT ANGROUP

Lô 4-A9.4 Đường 2/9, Phường Hoà Cường Bắc, Quận Hải Châu, Đà Nẵng
Mã số thuế: 0401925475

Mẫu số: S38-DN

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính)

SỐ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN

Năm 2025

Tài khoản: 6323-Giá vốn hàng bán - Cung cấp dịch vụ ; Loại tiền: VND

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Số hóa đơn	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh nợ	Phát sinh Có	Dư Nợ	Dư Có
03/01/2025	03/01/2025	MDV02071	1	Dịch vụ cho thuê Âm thanh ánh sáng sân khấu tiệc	6323	331	4.200.000		18.741.327	
13/01/2025	13/01/2025	MDV03349	17	Dịch vụ cho thuê âm thanh ánh sáng	6323	331	4.340.000		35.089.607	
14/01/2025	14/01/2025	MDV03350	19	Dịch vụ cho thuê hệ thống âm thanh, ánh sáng	6323	331	6.481.481		41.571.088	
30/06/2025	30/06/2025	NVK301		Giá vốn dịch vụ thuê xe tháng 06/2025	6323	331	2.187.266.356		6.178.714.472	
....										
30/09/2025	30/09/2025	NVK304		Giá vốn dịch vụ thuê xe tháng 09/2025	6323	331	1.828.491.853		7.896.714.472	
....										
19/11/2025	19/11/2025	MDV00528	401	Dịch vụ cho thuê hệ thống âm thanh, ánh sáng	6323	331	4.500.000		9.895.161.895	
30/11/2025	30/11/2025	NVK311		Giá vốn dịch vụ thuê xe tháng 11/2025	6323	331	2.080.882.749		11.976.044.644	
30/11/2025	30/11/2025	NVK312		Giá vốn dịch vụ thuê xe tháng 12/2025	6323	331	1.984.593.119		13.960.637.763	
				Cộng	6323		13.960.637.763	13.960.637.763		
				Số dư cuối kỳ	6323					
				Tổng cộng			13.960.637.763	13.960.637.763		

- Số này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang số ...

- Ngày mở sổ:

									Ngày.....tháng.....năm
									Giám đốc
									(Ký, họ tên, đóng dấu)

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Hình 37: Minh họa sổ chi tiết tài khoản 6323

- Qua thời gian thực tập tại doanh nghiệp, em nhận thấy phần mềm EasyBooks đã có chức năng khai báo định mức giá thành thành phẩm, cho phép thiết lập định mức nguyên vật liệu và các chi phí liên quan cho từng món ăn, thức uống. Tuy nhiên, công ty hiện chưa khai thác chức năng này trong công tác quản lý chi phí.

Vì vậy, công ty nên xây dựng định mức cho từng món ăn, thức uống dựa trên công thức chế biến thực tế và thực hiện khai báo trên phần mềm. Việc này sẽ giúp xác định giá vốn của từng sản phẩm sát với thực tế hơn, đồng thời hỗ trợ kiểm soát nguyên vật liệu, đánh giá hiệu quả kinh doanh của từng mặt hàng và xây dựng giá bán phù hợp.

Bên cạnh đó, việc tận dụng đầy đủ các chức năng của phần mềm cũng góp phần nâng cao hiệu quả quản lý chi phí tại doanh nghiệp.

Mã số lượng	Tên đồ dùng	Từ ngày	Đến ngày
BACKIU	Bạc sữa/ Vietnamese Milk Coffee	01/01/2025	31/12/2025
CACHEM-KITCHANHDAY	Cà chêm áp chảo xốt chanh dây	01/01/2025	31/12/2025
GOTOMTRONTOT	Gỏi tôm trộn tỏi cay	01/01/2025	31/12/2025
HAISANSOTBOTOI	Hải sản sốt bơ tỏi	01/01/2025	31/12/2025
KHOAITAYGION	Khoai tây giòn nhà làm	01/01/2025	31/12/2025
LAUGA-NAM	Lẩu gà nầm	01/01/2025	31/12/2025
MIY-THITBOBAM	Mỳ ý xốt thịt bò băm	01/01/2025	31/12/2025
NUOCPE-THOM	Nước ép Thơm/ Pineapple Juice	01/01/2025	31/12/2025
Sinh tố dâu/ Strawberry Smoothie	Sinh tố dâu/ Strawberry Smoothie	01/01/2025	31/12/2025
TOMHUM-DUTLOPHOMAI	Tôm hùm Nhà Trạng đùi ló phô mai	01/01/2025	31/12/2025
TOMSUAIPHAO-THAOCOC	Tôm sú áp chảo cùng thảo mộc	01/01/2025	31/12/2025
TRAXOACHANHDAY	Trà xoài chanh dây/ Mango passion fruit tea	01/01/2025	31/12/2025

Mã NVL	Mã M	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá định mức	Thành tiền
MUT-XOAI	Mứt Xoài	Hộp	0.20	0.00	0
CHANHDAY	Chanh dây	kg	0.20	0.00	0
XOAI-SONG	Xoài xanh	kg	0.30	0.00	0
COZY-HONGTRA	COZY Trà Túi Lọc Hồng Trà 2gr*25 gói/36hộp/thùng	Hộp	0.04	0.00	0

Hình 38: Giao diện khai báo định mức nguyên vật liệu

3.2.3 Hoàn thiện kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh

Sau khi hoàn thiện việc mở sổ chi tiết giá vốn theo từng hoạt động kinh doanh, cụ thể: TK 6321 – giá vốn hàng hóa, TK 6322 – giá vốn thành phẩm và TK 6323 – giá vốn dịch vụ, doanh nghiệp đã có cơ sở theo dõi riêng biệt chi phí giá vốn tương ứng với từng nhóm hoạt động.

Cụ thể, giá vốn hàng hóa (TK 6321) được xác định tương ứng với doanh thu bán hàng hóa (TK 5111); giá vốn thành phẩm (TK 6322) được xác định tương ứng với doanh thu bán thành phẩm (TK 5112); và giá vốn dịch vụ (TK 6323) được xác định tương ứng với doanh thu cung cấp dịch vụ (TK 5113). Việc phân loại và theo dõi song song giữa doanh thu và giá vốn theo từng nhóm hoạt động giúp đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí, đồng thời làm cơ sở xác định chính xác lợi nhuận gộp của từng hoạt động kinh doanh.

Việc xác định lợi nhuận gộp theo từng nhóm hoạt động giúp ban quản lý đánh giá được hoạt động nào mang lại hiệu quả cao, hoạt động nào có tỷ suất lợi nhuận thấp, từ đó có cơ sở điều chỉnh giá bán, kiểm soát chi phí và định hướng cơ cấu hoạt động kinh doanh phù hợp hơn.

- Hiện nay, doanh nghiệp thực hiện xác định kết quả kinh doanh theo định kỳ 6 tháng một lần, dẫn đến thông tin về doanh thu, chi phí và lợi nhuận chưa được cung cấp kịp thời cho nhà quản lý. Để khắc phục hạn chế này, doanh nghiệp nên thực hiện xác định kết quả kinh doanh theo tháng hoặc theo quý. Việc rút ngắn kỳ xác định kết quả kinh doanh sẽ giúp bộ phận kế toán cung cấp thông tin về tình hình doanh thu, chi phí và lợi nhuận một cách thường xuyên hơn, từ đó hỗ trợ nhà quản lý theo dõi hiệu quả hoạt động kinh doanh và đưa ra các quyết định điều hành kịp thời.

- Doanh nghiệp cần tăng cường công tác kiểm tra, đối chiếu số liệu kế toán trước khi lập và nộp báo cáo nhằm hạn chế sai lệch giữa báo cáo tài chính và các tờ khai thuế. Bên cạnh đó, doanh nghiệp nên xây dựng quy trình rà soát số liệu cuối kỳ với sự phối hợp giữa kế toán tổng hợp và kế toán thuế trước khi nộp báo cáo cho cơ quan chức năng. Việc kiểm tra nhiều bước sẽ giúp phát hiện và điều chỉnh kịp thời các sai sót trong quá trình hạch toán và tổng hợp số liệu.

Đối với các báo cáo đã nộp nhưng phát hiện sai lệch, doanh nghiệp cần nhanh chóng điều chỉnh và nộp lại báo cáo đúng theo số liệu thực tế nhằm đảm bảo tính chính xác, trung thực của thông tin kế toán, đồng thời hạn chế rủi ro về thuế và xử phạt hành chính.

3.2.4 Hoàn thiện ứng dụng phần mềm kế toán

Qua quá trình sử dụng thực tế, phần mềm EasyBooks thường xảy ra tình trạng gián đoạn, lỗi hệ thống và chưa đảm bảo tính đồng bộ dữ liệu, ảnh hưởng đến tiến độ xử lý nghiệp vụ và độ chính xác của thông tin kế toán. Vì vậy, công ty nên xem xét chuyển sang các phần mềm kế toán có tính ổn định và độ tin cậy cao hơn như MISA ASP hoặc MISA AMIS. Đây là những phần mềm phổ biến, có khả năng xử lý dữ liệu tốt, đồng bộ hiệu quả và hỗ trợ kiểm tra, đối chiếu số liệu tự động. Việc chuyển đổi phần mềm không chỉ giúp hạn chế lỗi kỹ thuật mà còn nâng cao hiệu quả công tác kế toán, đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời và chính xác phục vụ công tác quản lý và ra quyết định của doanh nghiệp.

KẾT LUẬN

Trong quá trình nghiên cứu đề tài “Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Việt Angroup”, tác giả đã có cơ hội tiếp cận thực tế công tác kế toán tại doanh nghiệp, qua đó vận dụng kiến thức lý luận vào phân tích và đánh giá thực trạng.

Kết quả cho thấy công tác kế toán tại doanh nghiệp được tổ chức tương đối khoa học, tuân thủ quy định hiện hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC và đã ứng dụng phần mềm kế toán, góp phần nâng cao hiệu quả xử lý thông tin. Tuy nhiên, vẫn còn một số hạn chế như: việc theo dõi chi tiết doanh thu và giá vốn chưa đồng bộ, phân loại chi phí chưa hợp lý, phần mềm kế toán còn hạn chế khi xử lý dữ liệu lớn và việc xác định kết quả kinh doanh chưa được thực hiện thường xuyên.

Trên cơ sở đó, khóa luận đã đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán như tăng cường theo dõi chi tiết doanh thu – chi phí, hoàn thiện hệ thống tài khoản, nâng cao hiệu quả ứng dụng phần mềm và thực hiện kết chuyển kết quả kinh doanh định kỳ. Các giải pháp này hướng tới nâng cao chất lượng thông tin kế toán, đáp ứng yêu cầu quản trị trong điều kiện doanh nghiệp mở rộng quy mô, đồng thời phù hợp với định hướng áp dụng Thông tư 99/2025/TT-BTC trong thời gian tới.

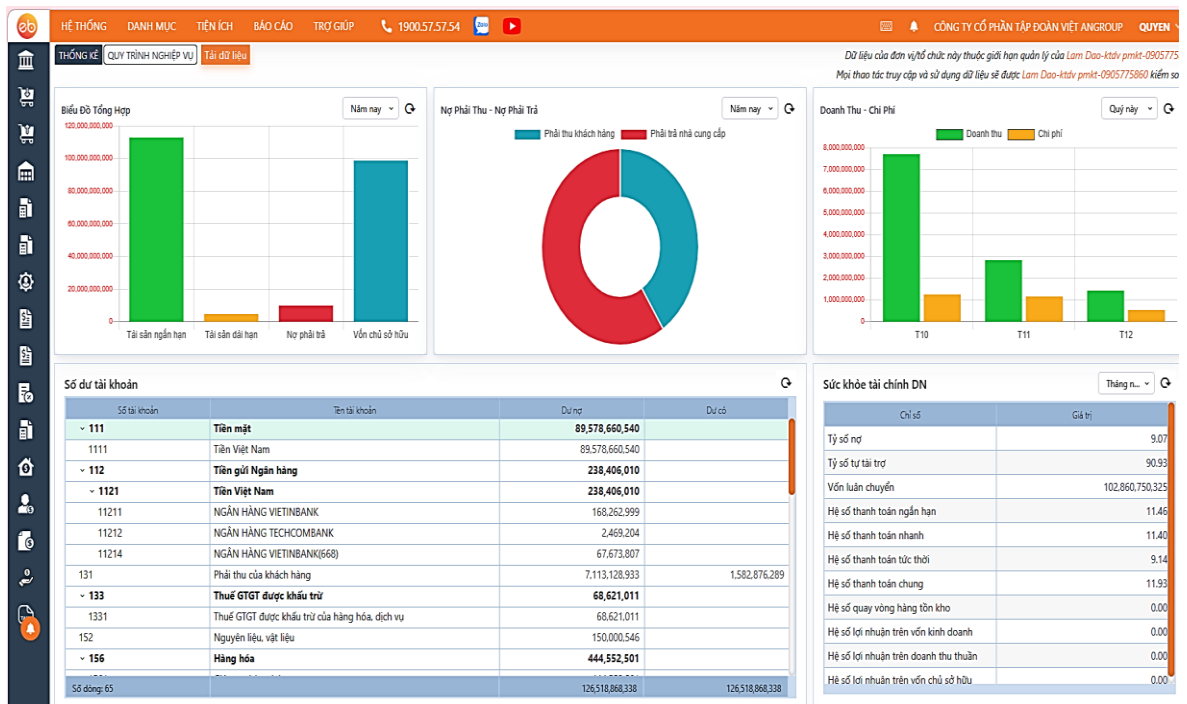
Do hạn chế về thời gian và kinh nghiệm, khóa luận không tránh khỏi thiếu sót, tác giả mong nhận được ý kiến đóng góp để hoàn thiện hơn. Kết quả nghiên cứu góp phần củng cố kiến thức chuyên môn và nâng cao kỹ năng vận dụng vào thực tiễn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tài chính (2014), **Thông tư số 200/2014/TT-BTC** ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.
2. Bộ Tài chính (2025), **Thông tư số 99/2025/TT-BTC** ban hành chế độ kế toán doanh nghiệp (áp dụng từ ngày 01/01/2026).
3. Bộ Tài chính (2021), **Thông tư số 78/2021/TT-BTC** hướng dẫn áp dụng hóa đơn điện tử.
4. Tài liệu nội bộ và số liệu thực tế tại **Công ty Cổ phần Tập đoàn Việt Angroup**.
5. Giáo trình kế toán doanh nghiệp Trường Đại Học Kiến trúc Đà Nẵng.

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1: Giao diện phần mềm kế toán EasyBooks



PHỤ LỤC 2: Màn hình nhập liệu trên phần mềm

The screenshot displays the invoice entry screen in the EasyBooks software. The interface includes a top navigation bar, a header section for invoice details, and a table for item entry.

Header Section:

- Thông tin chung:** Includes fields for the company name (BAOVIETDANANG), the customer name (CÔNG TY BẢO VIỆT ĐÀ NẴNG), and the invoice number (B431728).
- Ngày chứng từ:** 13/12/2025
- Ngày hạch toán:** 13/12/2025

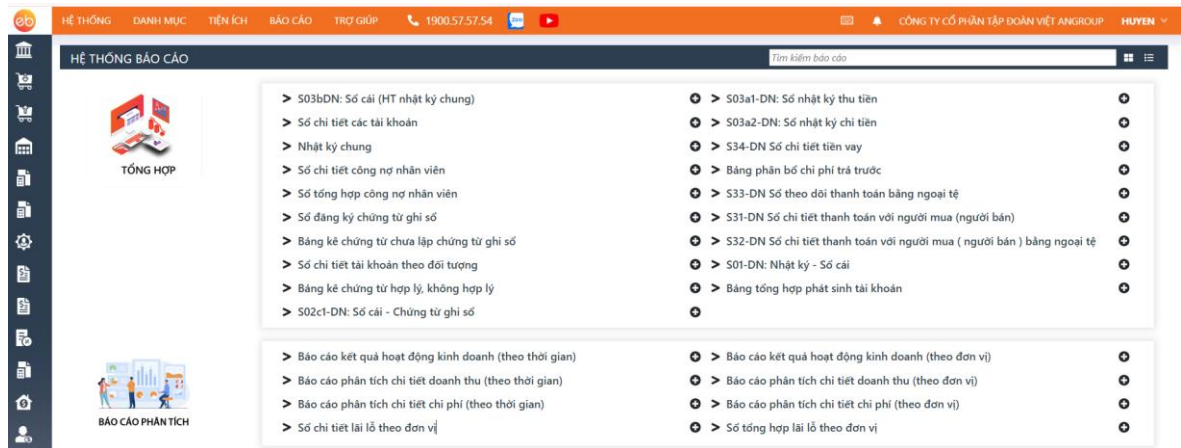
Table of Items:

Mã hàng	Tên hàng	Là hàng KM	TK Nợ	TK Có	ĐT hạch toán	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tỷ lệ CK	Tiền CK
STYMER/UGO	Sét Mây 350/000		131	5112	BAOVIETDAN...	Bottle	115,00	300.000,00	40.250,000	0,00	
BIA-TIGERCRY...	Bia Tiger Crystal Bạc Lon		131	5111	BAOVIETDAN...	Lon	120,00	28.750,00	3.450,000	0,00	
Rượu vang Sa...	Rượu Vang Đỏ Vistana Cabernet Sauvignon ...		131	5111	BAOVIETDAN...	Chai	31,00	480.000,00	14.880,000	0,00	
NUOCNUOCH-D...	Nước sudi Desani		131	5111	BAOVIETDAN...	Chai	4,00	185.000,00	740,000	0,00	
Cocacola	Coca Cola Lon		131	5111	BAOVIETDAN...	Lon	72,00	12.333,33	888,000	0,00	

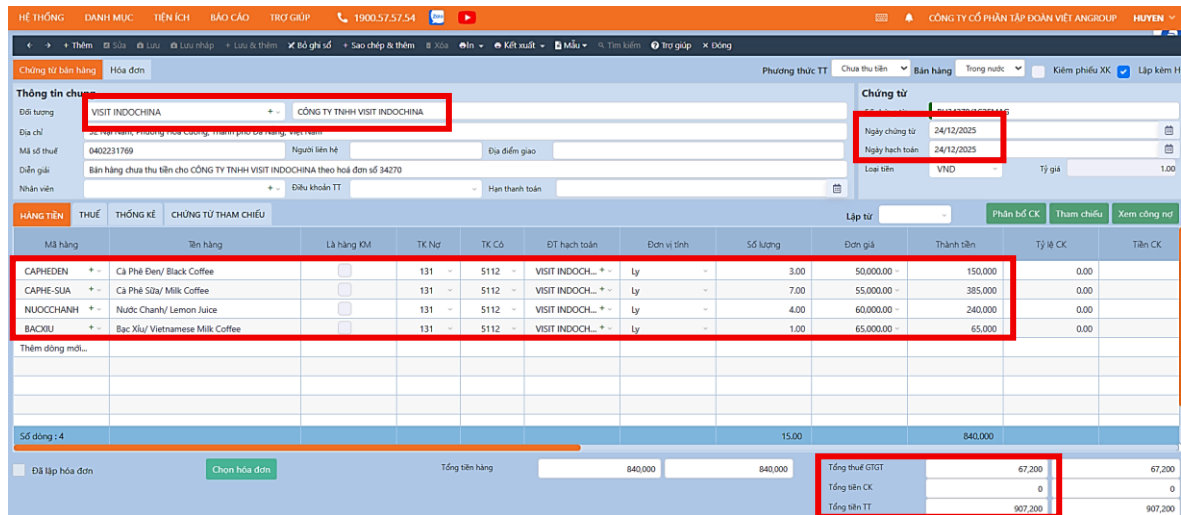
Summary Section:

- Tổng thuế GTGT:** 5,183,240
- Tổng tiền CK:** 0
- Tổng tiền TT:** 65,391,240

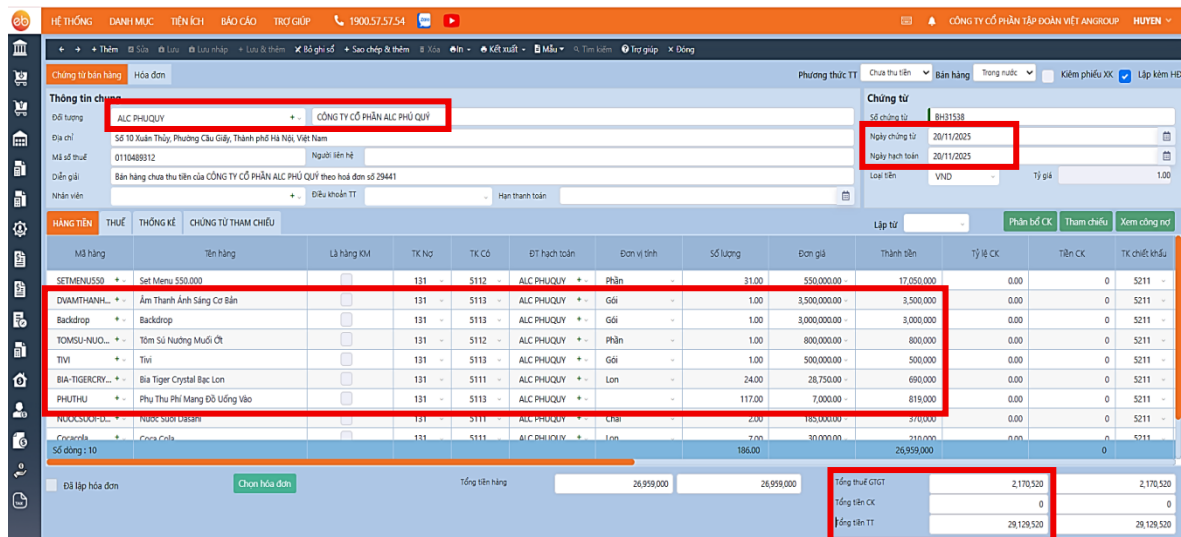
PHỤ LỤC 3: Giao diện xem sổ sách trên phần mềm Easybooks



PHỤ LỤC 4: Màn hình nhập liệu trên phần mềm



PHỤ LỤC 5: Màn hình nhập liệu trên phần mềm



PHỤ LỤC 6: Màn hình giao diện xuất Sổ Nhật ký chung

HỆ THỐNG BẢO CẢO
Tạo phiếu bảo cáo

TỔNG HỢP

- Sổ chi tiết tài khoản theo dõi tương
- Bảng kê chứng từ hợp lý, không hợp lý
- S02c1-DN: Sổ cái - Chứng từ ghi sổ
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (theo thời gian)
- Báo cáo phân tích chỉ tiết doanh thu (theo thời gian)
- Báo cáo phân tích chỉ tiết chi phí (theo thời gian)
- Sổ chi tiết lãi lỗ theo đơn vị

NHẬT KÝ CHUNG

Kỳ báo cáo	Năm trước
Từ ngày	01/01/2025 Đến ngày 31/12/2025
☒ Công góp các bút toán giống nhau ☒ Hiện thị số lấy kế kỳ trước lên báo cáo ☐ Mẫu góp chung dòng	

[Xem báo cáo](#)
[Kết xuất >](#)
[Đồng ý](#)

BÁO CÁO PHÂN TÍCH

- S01-DN: Nhật ký - Sổ cái
- Bảng tổng hợp phát sinh tài khoản
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (theo đơn vị)
- Báo cáo phân tích chi tiết doanh thu (theo đơn vị)
- Báo cáo phân tích chi tiết chi phí (theo đơn vị)
- Số tổng hợp lãi lỗ theo đơn vị

PHỤ LỤC 7: Giao diện xuất Sổ Cái theo hình thức Nhật ký chung

HỆ THỐNG DANH MỤC LỊCH KẾ BẢO CẢO TROU GIUP

1900.57.57.54

HỆ THỐNG BẢO CẢO

Tìm kiếm bảo cáo

TỔNG HỢP

BẢO CÁO PHÂN TÍCH

SỐ CÁI: S03B-DN (HÌNH THỨC NHẬT KÝ CHUNG)

Ký báo cáo
Năm trước
Tư ngày
Đến ngày

Cộng gộp các bút toán giống nhau

	Số tài khoản	Tên tài khoản	Nợ tài khoản
☐	511	Tìm kiếm...	Tìm kiếm...
☒	511	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1
☐	5111	Doanh thu bán hàng hóa	2
☐	5112	Doanh thu bán các thành phẩm	2
☐	5113	Doanh thu cung cấp dịch vụ	2
☐	5114	Doanh thu trợ cấp, trợ giá	2
☐	5117	Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	2
☐	5118	Doanh thu khác	2

☒ Chỉ lấy tài khoản có số dư và phát sinh trong kỳ

Xem báo cáoKết xuất +Đóng

PHỤ LỤC 8: Trích sao kê ngân hàng tháng 12/2025

NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM					
VIETINBANK					
LỊCH SỬ GIAO DỊCH - TRANSACTION HISTORY					
VIETINBANK eFAST					
Công ty/Company name: CONG TY CO PHAN TAP DOAN VIET ANGROUP					
Số tài khoản/ Account No.: 110603999777					
Loại tài khoản/Account type: Tài khoản thanh toán					
Loại tiền tệ/Currency: VND					
Số dư hiện tại/Account Balance: 169.733.763,00					
Số dư khả dụng/ Available Balance: 169.733.763,00					
Số dư đầu kỳ/Opening Balance: 78.063.794,00					
Số dư cuối kỳ/Closing Balance: 79.749.784,00					
Chu kỳ yêu cầu/From date- to date: 2025-12-01 - 2025-12-31					
Tổng giá trị ghi có/ Total credits: 29.170.313.090,00			Tổng giá trị ghi nợ/ Total debits: 29.168.627.100,00		
g số giao dịch ghi có/Total number of credit : 3829			Tổng số giao dịch ghi nợ/ 2666		
STT/No.	Ngày hạch toán/Accounting date	Mô tả giao dịch/ Transaction description	Nợ/ Debit	Có / Credit	Số dư TK/ Account Balance
1	31-12-2025 21:51:58	Phi GD:31.12.2025:THE=400881*0575:APP=683681:TID=02030575:SON TRA MARINA;DUONG HOANG SASON TRA; DA;DA NANG;VN:MID=10000000050439:DOCNO=316622109 4:Mercht fee for Visa Sale not on-us others International:TK=110603999777:RefNo=5493840809	5.775,00	0,00	79.749.784,00
...	...	...	...	...	...
267	31-12-2025 09:47:09	CT DEN:536502973948 LE TRUONG THAO OANH chuyen tien qua MoMo	0,00	140.000,00	160.844.203,00
268	31-12-2025 09:36:17	CT DEN:311860249023 TRUONG THI MY LINH chuyen tien	0,00	55.000,00	160.704.203,00
269	31-12-2025 09:34:51	CT DEN:311860245890 TRUONG THI MY LINH chuyen tien	0,00	245.000,00	160.649.203,00
270	31-12-2025 09:18:39	CT DEN:486T25C1FH93AX38 Vietinbank;110603999777;NGUYEN DUONG BAO NGOC chuyen tien	0,00	125.000,00	160.404.203,00
271	31-12-2025 09:08:50	CT DEN:486T25C1FGW4NNBL HOANG LAM Chuyen tien	0,00	110.000,00	160.279.203,00
272	31-12-2025 08:46:24	LE THI TUYET chuyen tien	0,00	110.000,00	160.169.203,00
273	31-12-2025 08:42:50	CT DEN:536520607648 NGUYEN VUONG DUC DUY chuyen tien den CONG TY CO PHAN TAP DOAN VIET ANGROUP - 110603999777	0,00	145.000,00	160.059.203,00
274	31-12-2025 08:38:09	CT DEN:536501889388 Nguyen Hung Nguyen chuyen tien QR	0,00	60.000,00	159.914.203,00
275	31-12-2025 08:11:05	HO THI RINH Chuyen tien	0,00	240.000,00	159.854.203,00
276	31-12-2025 07:41:57	CT DEN:486T25C1FDHDRKCC MBVCB.12371118664.623531.NGUYEN HA KHANH VY chuyen tien.CT tu 1048067984 NGUYEN HA KHANH VY toi 110603999777 CONG TY CO PHAN TAP DOAN VIET ANGROUP tai VIETINBANK	0,00	275.000,00	159.614.203,00
277	31-12-2025 07:40:31	Phi GD:30.12.2025:THE=485498*7783:APP=0111754:TID=02030575:SON TRA MARINA;DUONG HOANG SASON TRA; DA;DA NANG;VN:MID=10000000050439:DOCNO=316548462 8:Mercht fee for Visa Sale not on-us others International:TK=110603999777:RefNo=5492259276	8.278,00	0,00	159.339.203,00
278	31-12-2025 07:40:31	30.12.2025:THE=485498*7783:APP=0111754:TID=02030575:SON TRA MARINA;DUONG HOANG SASON TRA; DA;DA NANG;VN:MID=10000000050439:DOCNO=316548462 8:Purchase:TK=110603999777:RefNo=5492259276	0,00	215.000,00	159.347.481,00
279	31-12-2025 07:40:17	Phi GD:30.12.2025:THE=354046*1024:APP=162716:TID=02030575:SON TRA MARINA;DUONG HOANG SASON TRA; DA;DA NANG;VN:MID=10000000050439:DOCNO=316546639 8:Merchant fee for JCB Sale not on-us others International:TK=110603999777:RefNo=5492163079	1.815,00	0,00	159.132.481,00
280	31-12-2025 07:40:17	30.12.2025:THE=354046*1024:APP=162716:TID=02030575:SON TRA MARINA;DUONG HOANG SASON TRA; DA;DA NANG;VN:MID=10000000050439:DOCNO=316546639 8:Purchase:TK=110603999777:RefNo=5492163079	0,00	75.000,00	159.134.296,00
281	31-12-2025 07:40:11	Phi GD:30.12.2025:THE=472955*4982:APP=MBBCNJ:TID=02030575:SON TRA MARINA;DUONG HOANG SASON TRA; DA;DA NANG;VN:MID=10000000050439:DOCNO=316545797 9:Mercht fee for Visa Sale not on-us others International:TK=110603999777:RefNo=5492118248	10.395,00	0,00	159.059.296,00
282	31-12-2025 07:40:11	30.12.2025:THE=472955*4982:APP=MBBCNJ:TID=02030575:SON TRA MARINA;DUONG HOANG SASON TRA; DA;DA NANG;VN:MID=10000000050439:DOCNO=316545797 9:Purchase:TK=110603999777:RefNo=5492118248	0,00	270.000,00	159.069.691,00
283	31-12-2025 02:02:54	Tra lại tại khoản DDA	0,00	24.666,00	158.799.691,00
...	...	...	...	...	...

PHỤ LỤC 9: Màn hình hạch toán thu tiền gửi ngân hàng

[illegible]

PHỤ LỤC 10: Màn hình nhập liệu trên phần mềm

Chứng từ nghiệp vụ khác

Thông tin chung

Điền giá: Xứ lý chênh lệch công nợ

Chứng từ

Số chứng từ: NVK779

Ngày chứng từ: 15/08/2025

Ngày hạch toán: 15/08/2025

Loại tiền: VND Tỷ giá: 1.00

Hàng tiền THUẾ THÔNG KÊ CHỨNG TỪ THAM CHIẾU Tham chiếu

Đơn vị	Mã hàng	Mã kho	Số lượng	Đơn vị tính	Mô tả hàng hóa	Đối tượng Có	Nhiệm vụ	Chi phí không hợp lý
Xử lý chênh lệch công nợ	131	711	1		CTPHUCHOANG...	+ -	-	☐
Số đồng : 1								

☐ Là chi phí mua hàng

Tổng tiền TT: 1

PHỤ LỤC 11: Bảng kê chi tiết bán hàng

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VIỆT ANGROUP
Lô 4-49.4 Đường 2/9, Phường Hoà Cường Bắc, Quận Hải Châu, Đà Nẵng
Mã số thuế: 0401925473

BẢNG KÊ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tháng 12 năm 2025

Ngày hạch toán	Số chứng từ	Số hóa đơn	Mã khách	Tên khách hàng	Mã hàng	Tên mặt hàng	ĐVT	Số lượng	Giá bán	Doanh thu	Thuế	Phải thu	Tiền vốn	TK doanh thu
01/12/2025	BH30893/1C25MAG	30893	KHACHLE	Người mua không lấy hóa đơn	TRAOIHONG	Trà Ôi Hồng/ Pink Guava Tea	Ly	1,00	55.556,00	55.556,00	4.444	60.000		5112
01/12/2025	BH30900/1C25MAG	30900	KHACHLE	Người mua không lấy hóa đơn	COMBO3	Combo 3_Burger Kẹp Bò - Nước	Phần	1,00	254.630,00	254.630,00	20.370	275.000		5112
01/12/2025	BH30877/1C25MAG	30877	KHACHLE	Người mua không lấy hóa đơn	CAPHE-MUOI	Cà Phê Muối/ Salted Coffee	Ly	1,00	60.185,00	60.185,00	4.815	65.000		5112
01/12/2025	BH30864/1C25MAG	30864	KHACHLE	Người mua không lấy hóa đơn	THITGANUONG	Thịt Gà Nướng	Phần	1,00	199.074,00	199.074,00	15.926	215.000		5112
01/12/2025	BH30891/1C25MAG	30891	KHACHLE	Người mua không lấy hóa đơn	CAPHE-SUA	Cà Phê Sữa/ Milk Coffee	Ly	1,00	50.926,00	50.926,00	4.074	55.000		5112
01/12/2025	BH30867/1C25MAG	30867	KHACHLE	Người mua không lấy hóa đơn	COMBO4_BUNH AISANMARINA_NUOC	Combo 4_Bún Hải Sản Marina - Nước	Phần	1,00	180.556,00	180.556,00	14.443	194.999		5112
01/12/2025	BH30921/1C25MAG	30921	KHACHLE	Người mua không lấy hóa đơn	BACXIU	Bạc Xiu/ Vietnamese Milk Coffee	Ly	1,00	60.185,00	60.185,00	4.815	65.000		5112
01/12/2025	BH30898/1C25MAG	30898	KHACHLE	Người mua không lấy hóa đơn	NUOCSUOI-DASANI	Nước Suối Dasani	Chai	1,00	18.519,00	18.519,00	1.481	20.000		5111
01/12/2025	BH30877/1C25MAG	30877	KHACHLE	Người mua không lấy hóa đơn	MIY-NAMSOTKIMCHI	Mỳ Ý Nấm Xốt Kem Kim Chi	Phần	1,00	152.778,00	152.778,00	12.222	165.000		5112
01/12/2025	BH30889/1C25MAG	30889	KHACHLE	Người mua không lấy hóa đơn	COMBO99	Combo 1_99.000	Phần	1,00	91.667,00	91.667,00	7.333	99.000		5112
01/12/2025	BH30844/1C25MAG	30844	KHACHLE	Người mua không lấy hóa đơn	Cocacola	Coca Cola	Lon	2,00	27.778,00	55.556,00	4.444	60.000		5111
01/12/2025	BH30919/1C25MAG	30919	KHACHLE	Người mua không lấy hóa đơn	CAPHE-MUOI	Cà Phê Muối/ Salted Coffee	Ly	1,00	60.185,00	60.185,00	4.815	65.000		5112
01/12/2025	BH30841/1C25MAG	30841	KHACHLE	Người mua không lấy hóa đơn	SINHTOXOAI	Sinh Tố Xoài/ Mango Smoothie	Ly	1,00	69.444,00	69.444,00	5.556	75.000		5112
01/12/2025	BH30905/1C25MAG	30905	KHACHLE	Người mua không lấy hóa đơn	NUOCDUA	Quả Dứa/ Cocomut	Ly	1,00	55.556,00	55.556,00	4.444	60.000		5111
01/12/2025	BH30868/1C25MAG	30868	KHACHLE	Người mua không lấy hóa đơn	NUOCSUOI-DASANI	Nước Suối Dasani	Chai	1,00	18.519,00	18.519,00	1.480	19.999		5111
01/12/2025	BH30910/1C25MAG	30910	KHACHLE	Người mua không lấy hóa đơn	NUOCDUA	Quả Dứa/ Cocomut	Ly	1,00	55.556,00	55.556,00	4.444	60.000		5111
01/12/2025	BH30918/1C25MAG	30918	KHACHLE	Người mua không lấy hóa đơn	COMBO99	Combo 1_99.000	Phần	1,00	91.667,00	91.667,00	7.333	99.000		5112
01/12/2025	BH30861/1C25MAG	30861	KHACHLE	Người mua không lấy hóa đơn	CAPHE-DUA	Cà Phê Dứa/ Cocomut Coffee	Ly	4,00	69.444,00	277.778,00	22.222	300.000		5112
01/12/2025	BH30863/1C25MAG	30863	KHACHLE	Người mua không lấy hóa đơn	TRATHAOMOC-MATONG	Trà Thảo Mộc Mật Ong/ Honey Herbal Tea	Ly	1,00	55.556,00	55.556,00	4.444	60.000		5112
01/12/2025	BH30880/1C25MAG	30880	KHACHLE	Người mua không lấy hóa đơn	CAPHEDEN	Cà Phê Đen/ Black Coffee	Ly	1,00	46.296,00	46.296,00	3.704	50.000		5112
01/12/2025	BH30894/1C25MAG	30894	KHACHLE	Người mua không lấy hóa đơn	MIY-NAMSOTKIMCHI	Mỳ Ý Nấm Xốt Kem Kim Chi	Phần	1,00	152.778,00	152.778,00	12.221	164.999		5112
01/12/2025	BH30902/1C25MAG	30902	KHACHLE	Người mua không lấy hóa đơn	BACXIU	Bạc Xiu/ Vietnamese Milk Coffee	Ly	1,00	60.185,00	60.185,00	4.815	65.000		5112
01/12/2025	BH30919/1C25MAG	30919	KHACHLE	Người mua không lấy hóa đơn	COMBO99	Combo 1_99.000	Phần	1,00	91.667,00	91.667,00	7.333	99.000		5112
01/12/2025	BH30881/1C25MAG	30881	KHACHLE	Người mua không lấy hóa đơn	CAPHE-DUA	Cà Phê Dứa/ Cocomut Coffee	Ly	1,00	69.444,00	69.444,00	5.556	75.000		5112
01/12/2025	BH30906/1C25MAG	30906	KHACHLE	Người mua không lấy hóa đơn	CAPHE-SUA	Cà Phê Sữa/ Milk Coffee	Ly	2,00	50.926,00	101.852,00	8.148	110.000		5112
01/12/2025	BH30845/1C25MAG	30845	KHACHLE	Người mua không lấy hóa đơn	COMBO99	Combo 1_99.000	Phần	1,00	91.667,00	91.667,00	7.333	99.000		5112
01/12/2025	BH30894/1C25MAG	30894	KHACHLE	Người mua không lấy hóa đơn	BACXIU	Bạc Xiu/ Vietnamese Milk Coffee	Ly	1,00	60.185,00	60.185,00	4.815	65.000		5112
01/12/2025	BH30872/1C25MAG	30872	KHACHLE	Người mua không lấy hóa đơn	BACXIU	Bạc Xiu/ Vietnamese Milk Coffee	Ly	3,00	60.185,00	180.556,00	14.444	195.000		5112
01/12/2025	BH30920/1C25MAG	30920	KHACHLE	Người mua không lấy hóa đơn	TRADAO-CAMQUE	Trà Đào Cơm Quế/ Peach Orange Cinnamon Tea	Ly	2,00	55.556,00	111.111,00	8.889	120.000		5112
01/12/2025	BH30842/1C25MAG	30842	KHACHLE	Người mua không lấy hóa đơn	CAPHE-DUA	Cà Phê Dứa/ Cocomut Coffee	Ly	4,00	69.444,00	277.778,00	22.222	300.000		5112

PHỤ LỤC 12: Phiếu xuất kho

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VIỆT ANGROUP

Lô 4-A9.4 Đường 2/9, Phường Hoà Cường Bắc, Quận Hải Châu, Đà Nẵng
Mã số thuế: 0401925475

Mẫu số 02 - VT

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày
22/12/2014 của Bộ tài chính)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 15 tháng 12 năm 2025
Số : XK316

Nợ: 6321
Có: 1561

- Họ tên người nhận hàng: Nhà hàng
- Địa chỉ (bộ phận):
- Lý do xuất kho: Xuất kho bán hàng hóa
- Xuất tại kho (ngăn ló): KHO HÀNG HOA

Địa điểm:

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Bánh mỳ cầu	BANH-MANGCAU	Cái	12,00		24.000,00	288.000
2	Bánh dâu tây	BANH-DAUTAY	Cái	31,00		24.000,00	744.000
3	Bánh black forest	BANH-BLACKFOREST	Cái	51,00		16.000,00	816.000
4	Bánh Brownies	BANH-BROWNIES	Cái	37,00		22.000,00	814.000
5	Bánh Passion	BANH-PASSION	Cái	75,00		16.000,00	1.200.000
6	Bánh Raspberry Mascapone	BANH-MASCAPONE	Cái	38,00		16.000,00	608.000
7	Bánh Redvelet	BANH-REDVELET	Cái	74,00		19.567,57	1.448.000
8	Tiramisu	Tiramisu	Cái	65,00		16.000,00	1.040.000
9	Kem Celano Ly Dau 125ml(65g)x12	KEMCELANO-DAU	Ly	2,00		18.518,52	37.037
10	Bia Corona	BIA-CORONA	Chai	11,00		19.545,45	215.000
11	Bia Heimeken Bạc Lon	BIA-HEINEKENLON	Lon	20,00		16.856,06	337.121
12	Bia Huda	BIA-HUDA	Lon	17,00		9.886,37	168.068
13	Bia Larue	BIA-LARUE	Lon	14,00		9.507,58	133.106
14	Bia Tiger Crystal	BIA-TIGERCRYTAL	Lon	134,00		14.810,60	1.984.621
15	Cocacola	Cocacola	Lon	316,00		7.222,25	2.282.232
16	Cocacola light	Cocacola light	Lon	29,00		7.222,25	209.445
17	Fanta Sarsi	Fanta Sarsi	Lon	61,00		6.070,69	370.312
18	Nước suối/ Dasani	NUOCSUOI-DASANI	Chai	311,00		2.901,25	902.289
19	Red bull	REDBULL	Lon	34,00		8.942,90	304.059
20	Soda	Soda	Lon	57,00		4.965,25	283.019
21	Sprite	Sprite	Lon	57,00		6.354,16	362.187
22	Dừa trái	DUATRAI	Trái	115,00		23.000,00	2.645.000
23	RƯỢU VANG ĐỎ SANTA CAROLINA	RƯỢU VANG ĐỎ SANTA CAROLINA	Chai	31,00		178.000,00	5.518.000
24	Rượu vang trắng santa carolina vistana Sauvignon Blanc 750ml	Rượu vang trắng santa carolina vistana	Chai	4,00		180.000,00	720.000
25	RƯỢU VANG NỎ CHARLES ROUX BLANC DE BLANCS75CL	RUOUVANGNO-CHARLES	Chai	1,00		205.067,60	205.068
26	Rượu vang nỏ Veuve Ambal Methode Traditionnelle Blanc De Blancs 750ml	RUOUVANGNO-VEUVE	Chai	2,00		272.000,00	544.000
27	Rượu vang trắng Spy Valley Sauvignon Blanc, 750ml	RUOUVANG-SPYVALLEY	Chai	1,00		527.000,00	527.000
Cộng							24.705.568

- Tổng số tiền (viết bằng chữ): Ba mươi bốn triệu không trăm bốn mươi chín nghìn năm trăm tám mươi hai đồng.

- Số chứng từ gốc kèm theo:.....

				Ngày.....tháng.....năm...	
	Người nhận hàng	Người lập phiếu	Thủ quỹ	Kế toán trưởng	Giám đốc
	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên, đóng dấu)

Thêm

Đổi

Lưu

Lưu & Thêm

Bỏ ghi sổ

Sao chép & Thêm

Đổi

Print

Kết xuất

Mẫu

Tư giúp

Đăng

Chứng từ mua DV

Hóa đơn

Chưa thanh toán

Thanh toán ngày

Lập kèm HĐ

1 hóa đơn

Thông tin chung

Đổi tương

NGÂN HÀNG TMCP

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH NGŨ HÀNH SƠN

Địa chỉ

0100111948-097

Người liên hệ

Điện thoại

Lãi vay ngân hàng

Hạn thanh toán

Kiểm tra

Nhận viên thực hiện

Chứng từ

Số chứng từ

MDV00004

Ngày chứng từ

23/12/2025

Ngày hạch toán

23/12/2025

Tỷ giá

1.00

Hàng tiền

Thuế

Thống kê

Chứng từ tham chiếu

Tham chiếu

Định mua hàng

Phân bổ CK

Xem công nợ

STT	Mã hàng	Tên hàng	Đơn vị	Đơn vị	Đơn vị	Đơn vị	Đơn vị	Đơn vị	Tỷ lệ CK	Tiền CK	Số đơn hàng
1	LAIVAY	Lãi vay ngân hàng	635	331	NGAN HANG TM...	0.00	0.00	46,868,820	0.00	0	

Số dòng: 1

46,868,820

Là chi phí mua hàng

Đã nhận hóa đơn

Chọn hóa đơn

Tổng tiền DV

46,868,820

46,868,820

Tổng tiền CK

0

0

Tổng thuế GTGT

0

0

Tổng tiền TT

46,868,820

46,868,820

PHỤ LỤC 14: Sổ Nhật ký chung

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VIỆT ANGROUP
 Lô 4-A9.4 Đường 2/9, Phường Hoà Cường Bắc, Quận Hải Châu, Đà Nẵng
 Mã số thuế: 0401925475

Mẫu số S03a – DN
(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2025

[illegible]

19/11/2025	19/11/2025	MDV00528	401	Mua dịch vụ Cho thuê âm thanh, ánh sáng , tivi	632	331	4,500,000	
19/11/2025	19/11/2025	MDV00528	401	Mua dịch vụ Cho thuê âm thanh, ánh sáng , tivi	1331	331	360.000	
20/11/2025	20/11/2025	BH31538	29441	Bán hàng chưa thu tiền của CÔNG TY CỔ PHẦN ALC PHÚ QUÝ theo hoá đơn số 29441	131	5112	17.850.000	
20/11/2025	20/11/2025	BH31538	29441	Bán hàng chưa thu tiền của CÔNG TY CỔ PHẦN ALC PHÚ QUÝ theo hoá đơn số 29441	131	5113	7.819.000	
20/11/2025	20/11/2025	BH31538	29441	Bán hàng chưa thu tiền của CÔNG TY CỔ PHẦN ALC PHÚ QUÝ theo hoá đơn số 29441	131	5111	1.290.000	
20/11/2025	20/11/2025	BH31538	29441	Bán hàng chưa thu tiền của CÔNG TY CỔ PHẦN ALC PHÚ QUÝ theo hoá đơn số 29441	131	33311	2.170.520	
20/11/2025	20/11/2025	MDV00548	137343	Lãi vay ngân hàng	635	331	74.782.737	
20/11/2025	20/11/2025	UNC000165		Trả lãi vay ngân hàng	331	11211	46.098.698	
20/11/2025	20/11/2025	UNC000166		Trả lãi vay ngân hàng	331	11211	4.802.877	
20/11/2025	20/11/2025	UNC000167		Trả lãi vay ngân hàng	331	11211	23.881.162	
20/11/2025	20/11/2025	JNC137616/1K25TBE	137616	Mua dịch vụ của NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH NGŨ HÀNH SƠN theo hoá đơn số 137616	6427	11211	8.050	
20/11/2025	20/11/2025	JNC137616/1K25TBE	137616	Mua dịch vụ của NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH NGŨ HÀNH SƠN theo hoá đơn số 137616	1331	11211	805	
....								
02/12/2025	02/12/2025	MDV00538	4216754	Chi phí sử dụng điện	6427	331	39,259,236	
02/12/2025	02/12/2025	MDV00538	4216754	Chi phí sử dụng điện	1331	331	3,140,739	
02/12/2025	02/12/2025	MDV00544	19911541	Dịch vụ viễn thông	6427	331	145.455	
02/12/2025	02/12/2025	MDV00544	19911541	Dịch vụ viễn thông	1331	331	14.545	
02/12/2025	02/12/2025	MHI1101	9031	Mua Bột chiên xù, Dăm lisa, Dầu ăn	152	331	4.218.796	
02/12/2025	02/12/2025	MHI1101	9031	Mua Bột chiên xù, Dăm lisa, Dầu ăn	1331	331	337.504	
02/12/2025	02/12/2025	MHI1102	16335	Mua Nước si rô Ôi	152	331	569.444	
02/12/2025	02/12/2025	MHI1102	16335	Mua Nước si rô Ôi	1331	331	45.556	
02/12/2025	02/12/2025	MHI1103	89122	Mua Đồ uống SPRITE, Đồ uống DASANI, Đồ uống SCHWEPES SODA	1561	331	2.973.610	
02/12/2025	02/12/2025	MHI1103	89122	Mua Đồ uống SPRITE, Đồ uống DASANI, Đồ uống SCHWEPES SODA	1331	331	237.889	
02/12/2025	02/12/2025	PC509		Thanh toán tiền công nợ cho người bán	331	1111	615.000	
02/12/2025	02/12/2025	PC834		Thanh toán tiền cho NCC	331	1111	4.556.300	
....								
03/12/2025	03/12/2025	MDV00543	3312216	Nước sạch và Dịch vụ thoát nước & xử lý NT	6427	331	18,402,689	
03/12/2025	03/12/2025	MDV00543	3312216	Nước sạch và Dịch vụ thoát nước & xử lý NT	1331	331	1,002,066	
03/12/2025	03/12/2025	MDV00607	27728	Phí ngân hàng	6427	331	1.200.375	
03/12/2025	03/12/2025	MHI1104	9061	Mua Quế cây, Thảo quả, Mê trắng, Đậu phụng sống	152	331	446.667	
03/12/2025	03/12/2025	MHI1104	9061	Mua Quế cây, Thảo quả, Mê trắng, Đậu phụng sống	1331	331	22.333	
03/12/2025	03/12/2025	PC403		Nộp tiền vào TK công ty	11211	1111	4.000.000.000	
03/12/2025	03/12/2025	PT0318		Nhận tiền khách hàng thanh toán	1111	131	4.800.600	
03/12/2025	03/12/2025	UNC000196		Thanh toán phí giải ngân	331	11214	1.320.413	
03/12/2025	03/12/2025	UNC000226		Thanh toán khoản vay	341102	11211	4.000.000.000	
03/12/2025	03/12/2025	UNC142259	142259	Mua dịch vụ của NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH NGŨ HÀNH SƠN theo hoá đơn số 142259	6427	11211	12.950	
....								
13/12/2025	13/12/2025	BH31728	32579	Bán hàng chưa thu tiền của CÔNG TY BẢO VIỆT ĐÀ NẴNG theo hoá đơn số 32579	131	5112	40.250.000	
13/12/2025	13/12/2025	BH31728	32579	Bán hàng chưa thu tiền của CÔNG TY BẢO VIỆT ĐÀ NẴNG theo hoá đơn số 32579	131	5111	19.958.000	
13/12/2025	13/12/2025	BH31728	32579	Bán hàng chưa thu tiền của CÔNG TY BẢO VIỆT ĐÀ NẴNG theo hoá đơn số 32579	131	33311	5.183.240	

....								
16/12/2025	16/12/2025	UNC000274		Tiền chậm nộp thuế GTGT còn lại	811	11211	10.254.096	
16/12/2025	16/12/2025	MDV00574	21053	Phí duy trì SSL (viet-angroup.com) 1 năm	242	331	240.000	
16/12/2025	16/12/2025	MDV00574	21053	Phí duy trì SSL (viet-angroup.com) 1 năm	1331	331	19.200	
16/12/2025	16/12/2025	MH1099	335	Mua Cá chim trắng tươi, Vem xanh, Cá chẽm nguyên con, Mực ống nguyên con	152	331	3.397.700	
16/12/2025	16/12/2025	MH1099	335	Mua Cá chim trắng tươi, Vem xanh, Cá chẽm nguyên con, Mực ống nguyên con	1331	331	169.885	
....								
23/12/2025	23/12/2025	MDV00604	150469	Lãi vay ngân hàng	635	331	46.868,820	
23/12/2025	23/12/2025	MH1139	9004	Mua Rượu Vang Đỏ Santa Carolina Vistana Cabernet Sauvignon Merlot	1561	331	1.620.000	
23/12/2025	23/12/2025	MH1139	9004	Mua Rượu Vang Đỏ Santa Carolina Vistana Cabernet Sauvignon Merlot	1331	331	162.000	
23/12/2025	23/12/2025	MH1140	47018	Mua Bột kem béo, sữa đặc, kem béo	152	331	4.559.259	
23/12/2025	23/12/2025	MH1140	47018	Mua Bột kem béo, sữa đặc, kem béo	1331	331	364.741	
23/12/2025	23/12/2025	PC752		Thanh toán tiền cho NCC	331	1111	4.924.000	
23/12/2025	23/12/2025	PT0320		Nhận tiền khách hàng thanh toán	1111	131	2.128.000	
23/12/2025	23/12/2025	UNC000287		Trả lãi vay ngân hàng	331	11211	32.835.616	
....								
24/12/2025	24/12/2025	BH34270/1C25MAG	34270	Bán hàng chưa thu tiền cho CÔNG TY TNHH VISIT INDOCHINA theo hoá đơn số 34270	131	5112	840.000	
24/12/2025	24/12/2025	BH34270/1C25MAG	34270	Bán hàng chưa thu tiền cho CÔNG TY TNHH VISIT INDOCHINA theo hoá đơn số 34270	131	33311	67.200	
....								
31/12/2025	31/12/2025	BC23725		Nhận lãi tài khoản DDA	11211	515	24.666	
31/12/2025	31/12/2025	NVK262		Lương nhân viên tháng 12/2025	6421	3341	65.642.000	
31/12/2025	31/12/2025	NVK262		Lương nhân viên tháng 12/2025	6411	3341	221.680.500	
31/12/2025	31/12/2025	NVK262		Lương nhân viên tháng 12/2025	622	3341	92.132.000	
31/12/2025	31/12/2025	XK330		Xuất từ thiện	6428	1561	21.089.778	
31/12/2025	31/12/2025	NVK260		VAT đầu ra của hàng từ thiện	6428	33311	1.304.142	
31/12/2025	31/12/2025	MDV00598	138	Phí dịch vụ bảo vệ tháng 12/2025	6427	331	42.284.000	
31/12/2025	31/12/2025	MDV00598	138	Phí dịch vụ bảo vệ tháng 12/2025	1331	331	3.382.720	
31/12/2025	31/12/2025	MH1183	1895	Mua Bánh Brownies, Bánh dâu tây, Bánh mỳ cầu, Bánh Passion	1561	331	30.890.000	
31/12/2025	31/12/2025	MH1183	1895	Mua Bánh Brownies, Bánh dâu tây, Bánh mỳ cầu, Bánh Passion	1331	331	2.471.200	
31/12/2025	31/12/2025	BH35577	35577	Bán hàng chưa thu tiền cho Người mua không lấy hóa đơn theo hoá đơn số 35577	131	5112	268.518	
31/12/2025	31/12/2025	BH35577	35577	Bán hàng chưa thu tiền cho Người mua không lấy hóa đơn theo hoá đơn số 35577	131	33311	21.482	
31/12/2025	31/12/2025	MDV00601	33714	Phí duy trì Hosting	242	331	712.800	
31/12/2025	31/12/2025	MDV00601	33714	Phí duy trì Hosting	1331	331	71.280	
31/12/2025	31/12/2025	MDV00599	1002	Dịch vụ tuyển dụng	6427	331	1.548.148	
31/12/2025	31/12/2025	MDV00599	1002	Dịch vụ tuyển dụng	1331	331	123.852	
....								
				Cộng số phát sinh			945,271,853,082	945,271,853,083

- Số này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang số ...

- Ngày mở sổ:

						Ngày.....tháng.....năm 20....
	Người ghi sổ		Kế toán trưởng			Giám đốc
	(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên)			(Ký, họ tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC 15: Bảng chấm công và Bảng tính lương tháng 12 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VIỆT ANGROUP

Địa chỉ: Lô 4-A9.4 Đường 2/9, Phường Hoà Cường Bắc, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mã số thuế: 0401925475

BẢNG CHẤM CÔNG THÁNG 12																																		
STT	Họ và tên	CV	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	TỔNG
I. BỘ PHẬN GIÁM ĐỐC																																		
1	Nguyễn Thanh Tâm	Tổng giám đốc	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0		1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0		1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0		1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0		1,0	1,0	1,0	27,0
II. BỘ PHẬN KẾ TOÁN																																		
2	Nguyễn Thị Cẩm Tú	Kế toán trưởng	0,5	1,0	1,0	1,0	1,0	0,5		1,0	1,0	0,5	1,0	0,5	0,5		1,0	0,5	1,0	1,0	0,5	0,5		0,5	1,0	0,5	0,5	0,5	0,5		0,5	0,5		18,5
3	Dương Thị Thanh Mai	Kế toán	0,5	0,5	1,0	1,0	1,0	1,0		1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0		1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0		1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0		1,0	1,0	1,0	26,0
4	Lê Trần Thu Hằng	Kế toán	1,0	1,0	0,5	0,5	1,0	1,0		0,5	0,5	1,0	1,0	0,5	0,5		1,0	0,5	1,0	1,0	1,0	1,0		1,0	1,0	0,5	1,0	1,0	1,0		0,5	0,5	1,0	22,0
5	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Kế toán	0,5	1,0	1,0	0,5	0,5	1,0		1,0	1,0	0,5	1,0	1,0	0,5		0,5	1,0	1,0	1,0	0,5	1,0		0,5	1,0	0,5	0,5	1,0	0,5		1,0	1,0		20,5
III. BỘ PHẬN KINH DOANH																																		
6	Trần Nhật Vinh	Marketing	1,0	1,0	1,0	0,5	1,0	1,0		0,5	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0		1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0		1,0	0,5	1,0	1,0	1,0	1,0		1,0	1,0	1,0	25,5
7	Hoàng Ngọc Quỳnh Nhi	Marketing	1,0	1,0	1,0	0,5	1,0	1,0		0,5	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0		1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0		1,0	0,5	1,0	1,0	1,0	1,0		1,0	1,0	1,0	25,5
8	Huỳnh Bảo Tâm	Nhân viên Sales	1,0	1,0	1,0	0,5	1,0	1,0		0,5	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0		1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0		1,0	0,5	1,0	1,0	1,0	1,0		1,0	1,0	1,0	25,5
9	Trần Thị Thanh Thảo	Nhân viên Sales	0,5	0,5	0,5	0,5				0,5	0,5	0,5	0,5	0,5			0,5	1,0	0,5	0,5	0,5			0,5	0,5	0,5								9,0
IV. BỘ PHẬN NHÀ HÀNG																																		
10	Nguyễn Thị Tường Vi	Trưởng ca	0,5	1,0	0,5	1,0	1,0	0,5		1,0	1,0	0,5	0,5	1,0	0,5		0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	1,0		0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5		0,5	0,5		16,5
11	Trần Tuyết Nhung	Trưởng bộ phận	1,0	1,0	1,0	0,5	1,0	1,0		1,0	1,0	1,0	0,5	1,0	1,0		1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0		1,0	1,0	1,0	0,5	1,0	1,0		1,0	1,0	1,0	25,5
12	Trịnh Kỳ Huỳnh Nam	Bếp trưởng	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0		1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0		1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0		1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0		1,0	1,0	1,0	27,0
13	Nguyễn Việt Vũ	Tổ phó bếp	1,0	1,0	1,0	0,5	1,0	1,0		1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0		1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0		1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	0,5		1,0	1,0	1,0	26,0
14	Trần Thị Mỹ Linh	Tổ trưởng salad	1,0	1,0	1,0	0,5	1,0	1,0		1,0	1,0	1,0	0,5	1,0	1,0		1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0		1,0	1,0	1,0	0,5	1,0	1,0		1,0	1,0	1,0	25,5
15	Lê Thị Kim Duyên	Tổ phó salad	0,5	1,0	0,5	1,0	0,5	0,5		1,0	1,0	0,5	1,0	1,0	0,5		1,0	1,0	1,0	1,0	0,5	0,5		1,0	1,0	1,0	0,5	1,0	1,0		1,0	1,0		21,5
16	Nguyễn Văn Huy	Tổ trưởng bếp	1,0	1,0	1,0	0,5	1,0	1,0		1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0		1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0		1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	0,5		1,0	1,0	1,0	26,0
17	Nguyễn Quốc Hội	Tổ phó bếp	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0		1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0		1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0		1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0		1,0	1,0	1,0	27,0

V. BỘ PHẬN TẬP VỤ																																		
18	Bùi Thị Quý Linh	NV Thu ngân	1,0	1,0	0,5	1,0	1,0	1,0		1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	0,5		1,0	0,5	1,0	1,0	0,5	0,5		0,5	1,0	0,5	0,5	1,0	1,0		0,5			20,5
19	Lê Viết Ngọc Thành	NV Thu ngân	0,5	1,0	0,5	1,0	1,0	0,5		0,5	1,0	0,5	1,0	1,0	0,5		0,5	0,5	1,0	0,5	0,5	0,5		0,5	1,0	0,5	0,5	1,0	1,0		0,5	0,5		18,0
20	Nguyễn Thị My My	NV Thu ngân	0,5	1,0	0,5	1,0	1,0	1,0		1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0		1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0		1,0	0,5	1,0	1,0	1,0	1,0		1,0	1,0	1,0	25,5
21	Đinh Trần Quế Chi	NV Thu ngân	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5		1,0	1,0	0,5	0,5	0,5	0,5		0,5	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0		1,0	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5		0,5	0,5	0,5	17,5
22	Ngô Sĩ Bôn	NV Phục vụ	1,0	0,5	0,5	0,5	0,5	1,0		1,0	0,5	0,5	0,5	1,0	1,0		0,5	0,5	0,5	1,0	1,0	1,0		1,0	1,0	0,5	0,5	1,0	1,0		0,5	0,5	1,0	20,0
23	Nguyễn Thành Vọng	NV Phục vụ	1,0	0,5	1,0	1,0	1,0	1,0		0,5	1,0	0,5	0,5	0,5	1,0		1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0		1,0	0,5	0,5	1,0	1,0	0,5		0,5	1,0	1,0	22,5
24	Nguyễn Bình Phương Bảo	NV Phục vụ	1,0	0,5	1,0	1,0	1,0	1,0		0,5	1,0	1,0	1,0	0,5	1,0		0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5		0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5		0,5			17,0
25	Lê Thị Huyền	NV Phục vụ	1,0	0,5	1,0	1,0	1,0	1,0		0,5	1,0	1,0	1,0	0,5	1,0		0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	1,0		0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	1,0		0,5			18,0
26	Nguyễn Hữu Trung Toàn	NV Phục vụ	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5			0,5	0,5	0,5	0,5	0,5			0,5	1,0	0,5	0,5	1,0			1,0	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5		0,5	0,5	0,5	13,5
27	Đoàn Thị Mỹ Duyên	NV Phục vụ	1,0	0,5	1,0	1,0	1,0	1,0		0,5	1,0	0,5	1,0	1,0	1,0		1,0	0,5	1,0	1,0	1,0	1,0		1,0	0,5	1,0	1,0	1,0	1,0		1,0	1,0	1,0	24,5
28	Nguyễn Hữu Tạo	NV tạp vụ	1,0	0,5	0,5	0,5	1,0	1,0		0,5	0,5	0,5	1,0	1,0	1,0		1,0	0,5	1,0	1,0	1,0	1,0		1,0	0,5	0,5	0,5	0,5	1,0		0,5	0,5	0,5	20,0
29	Bùi Tuấn Vũ	NV tạp vụ	1,0	1,0	0,5	0,5	0,5	0,5		1,0	1,0	0,5	0,5	0,5	0,5		1,0	1,0	1,0	1,0	0,5	1,0		1,0	0,5	0,5	0,5	0,5	1,0		0,5	1,0	1,0	20,0
30	Nguyễn Thị Kim Yến	NV tạp vụ	1,0	1,0	1,0	0,5	0,5	1,0		0,5	0,5	0,5	0,5	1,0	0,5		1,0	1,0	0,5	1,0	1,0	1,0		1,0	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5		0,5	0,5	0,5	19,0
31	Trần Thị Nhớ	NV tạp vụ	1,0	1,0	0,5	1,0	0,5	0,5		1,0	1,0	0,5	0,5	0,5	0,5		1,0	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5		1,0	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5		0,5	1,0	1,0	18,0
32	Huỳnh Thị Sương	NV tạp vụ	1,0	1,0	1,0	0,5	0,5	1,0		0,5	0,5	0,5	0,5	1,0	0,5		1,0	1,0	0,5	1,0	1,0	1,0		1,0	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5		0,5	0,5	1,0	19,5
33	Nguyễn Văn Hải	NV Chăm sóc cây	1,0	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5		0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5		1,0	0,5	0,5	0,5	1,0	1,0		5,0	1,0	1,0	0,5	0,5	0,5		0,5	0,5	0,5	21,0
VI. BỘ PHẬN XE																																		
34	Huỳnh Văn Vinh	Lái xe	1,0	1,0	0,5	0,5	1,0	1,0		1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0		1,0	0,5	0,5	1,0	1,0	1,0		1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0		1,0	1,0	1,0	25,0
35	Nguyễn Đức Hường	Lái xe	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0		1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0		1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0		1,0	0,5	1,0	0,5	1,0	1,0		1,0	1,0	0,5	25,5
36	Hoàng Hải Dương	Lái xe	1,0	1,0	0,5	1,0	0,5	1,0		1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0		1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0		1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0		1,0	0,5	1,0	25,5
37	Trần Nữ Uyên Kim	Lái xe	0,5	1,0	1,0	1,0	1,0	0,5		1,0	1,0	1,0	0,5	1,0	1,0		1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0		1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0		1,0	1,0	1,0	25,5
38	Lê Thanh Tú	Giao nhận xe	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0		1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0		1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0		1,0	1,0	1,0	0,5	0,5	1,0		0,5	1,0	1,0	25,5
39	Trần Thị Thanh Phương	Giao nhận xe	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0		1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0		1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0		1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	0,5		0,5	0,5		24,5
40	Nguyễn Trần Anh Dũng	Giao nhận xe	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0		1,0	1,0	0,5	1,0	1,0	1,0		1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0		1,0	1,0	0,5	1,0	1,0	0,5		0,5	0,5		23,5
41	Lê Phương Thảo	Sales xe	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0		1,0	1,0	1,0	1,0	0,5	0,5		0,5	1,0	1,0	1,0	1,0	0,5		1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0		1,0	1,0	1,0	25,0
42	Trần Kim Loan	Sales xe	1,0	0,5	1,0	1,0	0,5	1,0		0,5	0,5	0,5	1,0	1,0	1,0		1,0	0,5	1,0	1,0	1,0	0,5		1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0		1,0	1,0	0,5	23,0

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VIỆT ANGROUP																		
Địa chỉ: Lô 4-A9.4 Đường 2/9, Phường Hoà Cường Bắc, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam																		
BẢNG TÍNH - THANH TOÁN LƯƠNG																		
Tháng 12 năm 2025																		
Ngày công chuẩn		27																
ST T	Họ và tên	Chức vụ	Lương cơ bản	Ngày công	Lương ngày công	KPI	Phụ cấp					Tổng lương thực tế	Lương đóng BH	Thu nhập tính thuế TNCN	Thuế TNCN	Tạm ứng	Thực lĩnh	Ghi Chú
							Nhà ở	Điện thoại	Ăn ca	Xăng xe	Phụ cấp khác							
		01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17
I. BỘ PHẬN GIÁM ĐỐC			0	27	0	0	0	0	0	0	0	29.950.000	0	0	0	0	29.950.000	0
1	Nguyễn Thanh Tâm	Tổng giám đốc		27,0			0					29.950.000					29.950.000	
II. BỘ PHẬN KẾ TOÁN			15.000.000	69	12.685.185	1.500.000	3.000.000	1.370.000	3.425.000	3.425.000	551.815	35.692.000	15.000.000	0	0	0	24.382.000	0
2	Nguyễn Thị Cẩm Tú	Kế toán trưởng	7.000.000	18,5	4.796.296	0	2.500.000	370.000	925.000	925.000	218.704	9.735.000	7.000.000				9.000.000	
3	Dương Thị Thanh Mai	Kế toán	5.000.000	26,0	4.814.815	1.500.000	1.000.000	520.000	1.300.000	1.300.000	207.185	10.642.000	5.000.000				10.117.000	
4	Lê Trần Thu Hằng	Kế toán	5.000.000	22,0	4.074.074	0	1.000.000	440.000	1.100.000	1.100.000	150.926	7.865.000	5.000.000				7.340.000	
5	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Kế toán	5.000.000	20,5	3.796.296	0	1.000.000	410.000	1.025.000	1.025.000	193.704	7.450.000	5.000.000				6.925.000	
III. BỘ PHẬN KINH DOANH			18.000.000	86	14.250.000	2.000.000	4.000.000	1.710.000	4.275.000	4.275.000	617.500	31.127.500	18.000.000	0	0	0	29.642.500	0
6	Trần Nhật Vinh	Marketing	4.500.000	25,5	4.250.000	0	2.000.000	510.000	1.275.000	1.275.000	162.500	9.472.500	4.500.000				9.000.000	
7	Hoàng Ngọc Quỳnh Nhi	Marketing	4.500.000	25,5	4.250.000	1.000.000	1.000.000	510.000	1.275.000	1.275.000	162.500	9.472.500	4.500.000				9.000.000	
8	Huỳnh Bảo Tâm	Nhân viên Sales	4.500.000	25,5	4.250.000	1.000.000	1.000.000	510.000	1.275.000	1.275.000	162.500	9.472.500	4.500.000				9.000.000	
9	Trần Thị Thanh Thảo	Nhân viên Sales	4.500.000	9,0	1.500.000	0		180.000	450.000	450.000	130.000	2.710.000	4.500.000				2.642.500	
IV. BỘ PHẬN NHÀ HÀNG			40.000.000	195	36.111.111	17.000.000	14.000.000	3.900.000	9.750.000	9.750.000	1.620.889	92.132.000	40.000.000	0	0	0	87.932.000	0
10	Nguyễn Thị Tường Vi	Trưởng ca	5.000.000	16,5	3.055.556	0	2.000.000	330.000	825.000	825.000	236.444	7.272.000	5.000.000				6.747.000	
11	Trần Tuyết Nhung	Trưởng bộ phận	5.000.000	25,5	4.722.222	5.000.000	2.000.000	510.000	1.275.000	1.275.000	59.778	14.842.000	5.000.000				14.317.000	
12	Trịnh Ký Huỳnh Nam	Bếp trưởng	5.000.000	27,0	5.000.000	5.000.000	2.000.000	540.000	1.350.000	1.350.000	285.000	15.525.000	5.000.000				15.000.000	
13	Nguyễn Viết Vũ	Tổ phó bếp	5.000.000	26,0	4.814.815	0	1.500.000	520.000	1.300.000	1.300.000	129.185	9.564.000	5.000.000				9.039.000	
14	Trần Thị Mỹ Linh	Tổ trưởng salad	5.000.000	25,5	4.722.222	0	1.500.000	510.000	1.275.000	1.275.000	140.778	9.423.000	5.000.000				8.898.000	
15	Lê Thị Kim Duyên	Tổ phó salad	5.000.000	21,5	3.981.481	500.000	1.500.000	430.000	1.075.000	1.075.000	171.519	8.733.000	5.000.000				8.208.000	
16	Nguyễn Văn Huy	Tổ trưởng bếp	5.000.000	26,0	4.814.815	1.000.000	2.000.000	520.000	1.300.000	1.300.000	313.185	11.248.000	5.000.000				10.723.000	
17	Nguyễn Quốc Hội	Tổ phó bếp	5.000.000	27,0	5.000.000	5.500.000	1.500.000	540.000	1.350.000	1.350.000	285.000	15.525.000	5.000.000				15.000.000	

V. BỘ PHẬN TẬP VỤ			73.500.000	315	53.472.222	3.000.000	13.000.000	6.290.000	15.725.000	15.725.000	1.955.778	109.168.000	69.000.000	0	0	0	101.923.000	0
18	Bùi Thị Quý Linh	NV Thu ngân	4.500.000	20,5	3.416.667	0	1.000.000	410.000	1.025.000	1.025.000	141.833	7.018.500	4.500.000				6.546.000	
19	Lê Viết Ngọc Thành	NV Thu ngân	4.500.000	18,0	3.000.000	0	1.000.000	360.000	900.000	900.000	96.500	6.256.500	4.500.000				5.784.000	
20	Nguyễn Thị My My	NV Thu ngân	4.500.000	25,5	4.250.000	0	1.000.000	510.000	1.275.000	1.275.000	76.500	8.386.500	4.500.000				7.914.000	
21	Đinh Trần Quế Chi	NV Thu ngân	4.500.000	17,5	2.916.667	0	1.000.000	350.000	875.000	875.000	109.833	6.126.500	4.500.000				5.654.000	
22	Ngô Sĩ Bôn	NV Phục vụ	5.000.000	20,0	3.703.704	1.000.000	1.500.000	400.000	1.000.000	1.000.000	195.296	8.799.000	5.000.000				8.274.000	
23	Nguyễn Thành Vọng	NV Phục vụ	4.500.000	22,5	3.750.000	500.000	500.000	450.000	1.125.000	1.125.000	79.500	7.529.500	4.500.000				7.057.000	
24	Nguyễn Bình Phương B	NV Phục vụ	4.500.000	17,0	2.833.333	0	1.000.000	340.000	850.000	850.000	190.167	6.063.500	4.500.000				5.591.000	
25	Lê Thị Huyền	NV Phục vụ	4.500.000	18,0	3.000.000	0	500.000	360.000	900.000	900.000	210.500	5.870.500	4.500.000				5.398.000	
26	Nguyễn Hữu Trung Toà	NV Phục vụ	4.500.000	13,5	2.250.000	0	500.000	270.000	675.000	675.000	0	4.370.000					4.370.000	
27	Đoàn Thị Mỹ Duyên	NV Phục vụ	4.500.000	24,5	4.083.333	0	1.000.000	490.000	1.225.000	1.225.000	170.167	8.193.500	4.500.000				7.721.000	
28	Nguyễn Hữu Tạo	NV tạp vụ	4.500.000	20,0	3.333.333	500.000	1.000.000	400.000	1.000.000	1.000.000	180.167	7.413.500	4.500.000				6.941.000	
29	Bùi Tuấn Vũ	NV tạp vụ	4.500.000	20,0	3.333.333	0	1.000.000	400.000	1.000.000	1.000.000	166.167	6.899.500	4.500.000				6.427.000	
30	Nguyễn Thị Kim Yến	NV tạp vụ	5.000.000	19,0	3.518.519	0	500.000	380.000	950.000	950.000	119.481	6.418.000	5.000.000				5.893.000	
31	Trần Thị Nhở	NV tạp vụ	5.000.000	18,0	3.333.333	0	500.000	360.000	900.000	900.000	56.667	6.050.000	5.000.000				5.525.000	
32	Huỳnh Thị Sương	NV tạp vụ	4.500.000	19,5	3.250.000	0	500.000	390.000	975.000	975.000	69.500	6.159.500	4.500.000				5.687.000	
33	Nguyễn Văn Hải	NV Chăm sóc cây	4.500.000	21,0	3.500.000	1.000.000	500.000	420.000	1.050.000	1.050.000	93.500	7.613.500	4.500.000				7.141.000	
V. BỘ PHẬN XE			40.500.000	223	37.166.667	5.500.000	10.500.000	4.460.000	11.150.000	11.150.000	1.458.333	81.385.000	40.500.000	0	0	0	77.132.500	0
34	Huỳnh Văn Vinh	Lái xe	4.500.000	25,0	4.166.667	1.000.000	1.000.000	500.000	1.250.000	1.250.000	225.333	9.392.000	4.500.000				8.919.500	
35	Nguyễn Đức Hường	Lái xe	4.500.000	25,5	4.250.000	1.000.000	1.000.000	510.000	1.275.000	1.275.000	162.500	9.472.500	4.500.000				9.000.000	
36	Hoàng Hải Dương	Lái xe	4.500.000	25,5	4.250.000	1.000.000	1.000.000	510.000	1.275.000	1.275.000	162.500	9.472.500	4.500.000				9.000.000	
37	Trần Nữ Uyên Kim	Lái xe	4.500.000	25,5	4.250.000	1.000.000	1.000.000	510.000	1.275.000	1.275.000	162.500	9.472.500	4.500.000				9.000.000	
38	Lê Thanh Tú	Giao nhận xe	4.500.000	25,5	4.250.000	0	2.000.000	510.000	1.275.000	1.275.000	162.500	9.472.500	4.500.000				9.000.000	
39	Trần Thị Thanh Phương	Giao nhận xe	4.500.000	24,5	4.083.333	1.000.000	1.000.000	490.000	1.225.000	1.225.000	93.667	9.117.000	4.500.000				8.644.500	
40	Nguyễn Trần Anh Dũng	Giao nhận xe	4.500.000	23,5	3.916.667	0	1.500.000	470.000	1.175.000	1.175.000	223.333	8.460.000	4.500.000				7.987.500	
41	Lê Phương Thảo	Sales xe	4.500.000	25,0	4.166.667	0	1.000.000	500.000	1.250.000	1.250.000	96.333	8.263.000	4.500.000				7.790.500	
42	Trần Kim Loan	Sales xe	4.500.000	23,0	3.833.333	500.000	1.000.000	460.000	1.150.000	1.150.000	169.667	8.263.000	4.500.000				7.790.500	
Tổng cộng			194.000.000	932	158.481.481	29.000.000	47.000.000	18.100.000	45.250.000	45.250.000	6.423.019	379.454.500	189.500.000	0	0	0	359.962.000	

PHỤ LỤC 16: Màn hình hạch toán lương tháng 12/2025

Thêm

Bỏ

Lưu

Lưu & thêm

Bỏ ghi sổ

Sao chép & thêm

Xóa

in

Kết xuất

Mẫu

Trợ giúp

Đóng

Chứng từ nghiệp vụ khác

Thông tin chung

Điền giải

Lương nhân viên tháng 12/2025

Chứng từ

Số chứng từ

Ngày chứng từ

Ngày hạch toán

Loại tiền

VND

Tỷ giá

1.00

Hàng tiền

Thuế

Thống kê

Chứng từ tham chiếu

Điền giải

TK Nợ

TK Có

Số tiền

Hoạt động

Đối tượng Nợ

Đối tượng Có

Nghệp vụ

Chi phí không hợp lý

Lương Bộ phận văn phòng tháng 12/2025

6421

3341

65,642,000

+

+

Lương Bộ phận kinh doanh, tạp vụ, xe tháng 12...

6411

3341

221,680,500

+

+

Lương Bộ phận bếp, bar tháng 12/2025

622

3341

92,132,000

+

+

Số dòng : 3

379,454,500

Là chi phí mua hàng

Tổng tiền TT

379,454,500

379,454,500

PHỤ LỤC 17: Màn hình hạch toán lệ phí môn bài năm 2025

Thêm

Bỏ

Lưu

Lưu & thêm

Bỏ ghi sổ

Sao chép & thêm

Xóa

in

Kết xuất

Mẫu

Trợ giúp

Đóng

Chứng từ nghiệp vụ khác

Thông tin chung

Điền giải

Lệ phí môn bài phải nộp năm 2025

Chứng từ

Số chứng từ

Ngày chứng từ

Ngày hạch toán

Loại tiền

VND

Tỷ giá

1.00

Hàng tiền

Thuế

Thống kê

Chứng từ tham chiếu

Điền giải

TK Nợ

TK Có

Số tiền

Hoạt động

Đối tượng Nợ

Đối tượng Có

Nghệp vụ

Chi phí không hợp lý

Lệ phí môn bài phải nộp năm 2025

6425

3339

3,000,000

+

+

Số dòng : 1

3,000,000

Là chi phí mua hàng

Tổng tiền TT

3,000,000

3,000,000

PHỤ LỤC 18: Màn hình hạch toán chi phí điện tháng 12.2025

HỆ THỐNG

DANH MỤC

TIỆN ÍCH

BẢO CÁO

TRỢ GIÚP

1900.57.57.54

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VIỆT ANGROUP

HUYEN

Thêm

Bỏ

Lưu

Lưu & thêm

Bỏ ghi sổ

Sao chép & thêm

Xóa

in

Kết xuất

Mẫu

Trợ giúp

Đóng

Chứng từ mua DV

Hóa đơn

Chưa thanh toán

Thanh toán ngay

Lập kèm HĐ

1 hóa đơn

Thông tin chung

Đối tượng

Địa chỉ

Mã số thuế

Điền giải

Kiểm tra

DIENLUCDN-CNMIENTRUNG

CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÀ NANG - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN TRUNG

0400101394-039

Người liên hệ

Chi phí sử dụng điện

Hạn thanh toán

Nhân viên thực hiện

Chứng từ

Số chứng từ

Ngày chứng từ

Ngày hạch toán

Loại tiền

VND

Tỷ giá

1.00

Hàng tiền

Thuế

Thống kê

Chứng từ tham chiếu

Đối tượng

TK Nợ

TK Có

Số tiền

Hoạt động

Đối tượng Nợ

Đối tượng Có

Tỷ lệ CK

Tiền CK

DIENLUC

Khác

6427

331

DIENLUCDN-CN...

Kinh

10,922.00

0.00

39,259,236

0.00

Số dòng : 1

10,922.00

39,259,236

Là chi phí mua hàng

Tổng tiền DV

39,259,236

39,259,236

Tổng thuế GTGT

3,140,739

3,140,739

Tổng tiền TT

42,399,975

42,399,975

PHỤ LỤC 19: Màn hình nhập liệu hóa đơn tiền nước tháng 12.2025

Thêm Sửa Lưu Lưu & thêm Bỏ ghi sổ Sao chép & thêm Xóa In Kết xuất Mẫu Trợ giúp Đóng

Chứng từ mua DV Hóa đơn Chưa thanh toán Thành toán ngày Lập kèm HD 1 hóa đơn

Thông tin chung

Đối tượng: CTY CAPNUOC DANANG CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: 0400101066 Người liên hệ

Mã số thuế: Nước sạch và Dịch vụ thoát nước & xử lý NT Hạn thanh toán Nhân viên thực hiện

Kèm theo

Chứng từ

Số chứng từ: MDV00543

Ngày chứng từ: 03/12/2025

Ngày hạch toán: 03/12/2025

Loại tiền: VND Tỷ giá: 1.00

Hàng tiền THUẾ THỐNG KÊ CHỨNG TỪ THAM CHIẾU

Mã dịch vụ	Tên dịch vụ	TK Nợ	TK Có	DT hạch toán	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tỷ lệ CK	Tiền CK	Số đơn hàng
DVTHONKNUOC	Nước sạch và Dịch vụ thoát ...	6427	331	CTY CAPNUOC DA...		1,072.00	0.00	18,402,689	0.00	0	

Số dòng: 1

Tổng tiền DV: 18,402,689 18,402,689

Tổng tiền CK: 0 0

Tổng thuế GTGT: 1,002,066 1,002,066

Tổng tiền TT: 19,404,755 19,404,755

Là chi phí mua hàng Đã nhận hóa đơn Chọn hóa đơn

PHỤ LỤC 20: Màn hình nhập liệu hóa đơn mua văn phòng phẩm

Thêm Sửa Lưu Lưu & thêm Bỏ ghi sổ Sao chép & thêm Xóa In Kết xuất Mẫu Trợ giúp Đóng

Chứng từ mua hàng Hóa đơn Mua hàng Trong nước không nhập kho Phương thức TT Chưa thanh toán Lập kèm HD 1 hóa đơn

Thông tin chung

Đối tượng: HUNGHNHANTIN CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ HÙNG NHÃN TÍN

Địa chỉ: 29 MacBach Hường Hạng chức năng nhân viên mua hàng Việt Nam

Mã số thuế: 0401615674 Người giao Hạn thanh toán

Đến giá: Mua văn phòng phẩm NV thực hiện

Kèm theo

Chứng từ

Số chứng từ: MHN1065

Ngày chứng từ: 07/11/2025

Ngày hạch toán: 07/11/2025

Loại tiền: VND Tỷ giá: 1.00

Hàng tiền THUẾ THỐNG KÊ CHỨNG TỪ CHỈ PHÍ CHỨNG TỪ THAM CHIẾU

Mã hàng	Tên hàng	LÀ CPMH	TK Nợ	TK Có	DT hạch toán	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tỷ lệ CK	Tiền CK
GIAPA4PLUS	Giấy IK Plus 70gsm khổ A4		6423	331	HUNGHNHANTIN	Ram	15.00	63,000.00	945,000	0.00	0
GIAPA5PLUS	Giấy IK Plus 70gsm khổ A5		6423	331	HUNGHNHANTIN	Ram	20.00	32,000.00	640,000	0.00	0
KIMBAMSO	Kim bấm số 10 FO-ST502 tốc 20		6423	331	HUNGHNHANTIN	Hộp	20.00	3,000.00	60,000	0.00	0
BIANUT	Bia 1 nút Mỹ Clear F4 NA VC (1/960)		6423	331	HUNGHNHANTIN	Cái	10.00	3,000.00	30,000	0.00	0
DAOROCGAY	Dao rọc giấy lớn 18mm SDI		6423	331	HUNGHNHANTIN	Cái	2.00	16,000.00	32,000	0.00	0

Thành tiền nước:

Số dòng: 5

Tổng tiền hàng: 1,707,000 1,707,000

Chi phí mua: 0 0

Tổng tiền CK: 0 0

Tiền thuế TTĐB: 0 0

Thuế GTGT: 136,560 136,560

Tổng tiền TT: 1,843,560 1,843,560

Tổng giá trị: 1,707,000 1,707,000

Đã nhận hóa đơn Chọn hóa đơn

PHỤ LỤC 21: Màn hình nhập liệu hóa đơn từ thiện

Thêm Sửa Lưu Lưu & thêm Bỏ ghi sổ Sao chép & thêm Xóa In Kết xuất Mẫu Trợ giúp Đóng

Xuất kho

Thông tin chung

Đối tượng: UYBANXATRATAN Ủy Ban Nhân Dân Xã Trà Tân

Địa chỉ: Ủy ban Nhân dân xã Trà Tân, thành phố Trà Tân, Việt Nam

Người nhận: Nhân viên thực hiện

Lý do xuất: Xuất từ thiện

Kèm theo

Chứng từ

Số chứng từ: VC330

Ngày chứng từ: 31/12/2025

Ngày hạch toán: 31/12/2025

Hàng tiền THỐNG KÊ CHỨNG TỪ THAM CHIẾU

Mã hàng	Tên hàng	TK Nợ	TK Có	DT hạch toán	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số số	Hạn
BANH-DUA-C...	Bánh dừa COCOOL 80g	KHO HANG H...	6428	1561	Gói	128.00	12,962.96	1,659,259		
CA-SARDINES...	Cá Sardines sốt cà 155gr-85g	KHO HANG H...	6428	1561	Lon	128.00	7,685.19	983,704		
SUATUOI-BAY...	Sữa Tươi Tiệt Trùng Ba Vi it d	KHO HANG H...	6428	1561	Hộp	640.00	5,400.93	3,456,593		
LUONGKHO...	Lương khô ca cao 60g	KHO HANG H...	6428	1561	Thùng	10.00	222,222.20	2,222,222		
GAO-COMAY	Gạo Có Mây	KHO HANG H...	6428	1561	kg	960.00	13,300.00	12,768,000		

Số dòng: 5

Tổng giá trị: 21,089,778

PHỤ LỤC 22: Màn hình nhập liệu tiền chậm nộp thuế GTGT

Thêm

Sửa

Lưu & Thêm

Bỏ ghi sổ

Sao chép & Thêm

Xóa

In

Kết xuất

Mẫu

Tìm kiếm

Đóng

Ủy nhiệm chi

Loại giấy báo nợ

Ủy nhiệm chi

Đối tượng

Nhà cung cấp

Thông tin chung

Tài khoản trả

110603999777

Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam

Nội dung TT

Tiền chậm nộp thuế GTGT còn lại

Đối tượng nhận

Địa chỉ nhận

Tài khoản nhận

Nhân viên thực hiện

Chứng từ

S5 chứng từ

UNC000274

Ngày chứng từ

16/12/2025

Ngày hạch toán

16/12/2025

Loại tiền

VND

Tỷ giá

1.00

Hàng tiền

Thuế

CHỨNG TỬ THAM CHIẾU

Tham chiếu

	Đối tượng	Mục thuế GT	Khoản mục CP	Phóng ban	Đối tượng THCP	Hợp đồng	Mã thống kê	Hoạt động
Tiền chậm nộp thuế GTGT cũ	811	11211	10.254.096					
Số dòng : 1			10.254.096					

☐ Là chi phí mua hàng

Tổng tiền TT

10.254.096

10.254.096

PHỤ LỤC 23: Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (MẪU SỐ 03/TNDN)

(Áp dụng đối với phương pháp doanh thu - chi phí)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2025 Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025)

[02] Lần đầu: [X] [03] Bổ sung lần thứ: | |

Mẫu số: **03/TNDN**
(Ban hành kèm theo Thông tư
số 80/2021/TT-BTC ngày 29
tháng 9 năm 2021 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính)

[04] Ngành nghề có tỷ lệ doanh thu cao nhất: I56 - Dịch vụ ăn uống

[05] Tỷ lệ (%): 46,29 %

[06] Tên người nộp thuế: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VIỆT ANGROUP

[07] Mã số thuế: 0401925475

[08] Tên đại lý thuế (nếu có):

[09] Mã số thuế:

[10] Hợp đồng đại lý thuế: Số

Ngày:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chi tiêu	Mã chi tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
A	Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính	A	
1	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	A1	(2.402.666.378)
B	Xác định thu nhập chịu thuế theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp	B	
1	Điều chỉnh tăng tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B1= B2+B3+B4+B5+B6+B7)	B1	2.097.026.275
1.1	Các khoản điều chỉnh tăng doanh thu	B2	0
1.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh giảm	B3	0
1.3	Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế	B4	2.097.026.275
1.4	Thuế thu nhập đã nộp cho phần thu nhập nhận được ở nước ngoài	B5	0
1.5	Điều chỉnh tăng lợi nhuận do xác định giá thị trường đối với giao dịch liên kết	B6	0
1.6	Các khoản điều chỉnh làm tăng lợi nhuận trước thuế khác	B7	0
2	Điều chỉnh giảm tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B8=B9+B10+B11+B12)	B8	0
2.1	Giảm trừ các khoản doanh thu đã tính thuế năm trước	B9	0
2.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh tăng	B10	0
2.3	Chi phí lãi vay không được trừ kỳ trước được chuyển sang kỳ này của doanh nghiệp có giao dịch liên kết	B11	0
2.4	Các khoản điều chỉnh làm giảm lợi nhuận trước thuế khác	B12	0
3	Tổng thu nhập chịu thuế (B13=A1+B1-B8)	B13	(305.640.103)
3.1	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh	B14	(305.640.103)
3.2	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động chuyển nhượng BDS	B15	0
C	Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) phải nộp từ hoạt động sản xuất kinh doanh		
1	Thu nhập chịu thuế (C1 = B14)	C1	(305.640.103)
2	Thu nhập miễn thuế	C2	0
			0
	Loại thu nhập miễn thuế		
3	Chuyển lỗ và bù trừ lãi, lỗ (C3=C3a+C3b)	C3	0
	Trong đó:		
3.1	+ Lỗ từ hoạt động SXKD được chuyển trong kỳ	C3a	0

3.2	+ <i>Lô từ chuyển nhượng BDS được bù trừ với lãi của hoạt động SXKD</i>	C3b	0
4	Thu nhập tính thuế (TNTT) (C4=C1-C2-C3)	C4	0
5	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	C5	0
6	TNTT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ (C6=C4-C5=C7+C8)	C6	0
	Trong đó:		
6.1	+ <i>Thu nhập tính thuế áp dụng thuế suất 17%</i>	C7	0
6.2	+ <i>Thu nhập tính thuế tính theo thuế suất không ưu đãi khác</i>	C8	0
6.3	+ <i>Thuế suất không ưu đãi khác (%)</i>	C8a	0
7	Thuế TNDN từ hoạt động SXKD tính theo thuế suất không ưu đãi (C9=(C7 x 17%) + (C8 x C8a))	C9	0
8	Thuế TNDN được ưu đãi theo Luật thuế TNDN (C10 = C11 + C12 + C13)	C10	0
	Trong đó:		
8.1	+ <i>Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi</i>	C11	0
8.2	+ <i>Thuế TNDN được miễn trong kỳ</i>	C12	0
8.3	+ <i>Thuế TNDN được giảm trong kỳ</i>	C13	0
9	Thuế TNDN được miễn, giảm theo Hiệp định thuế	C14	0
10	Thuế TNDN được miễn, giảm theo từng thời kỳ	C15	0
11	Thuế thu nhập đã nộp ở nước ngoài được trừ trong kỳ tính thuế	C16	0
12	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh (C17=C9-C10-C14-C15-C16)	C17	0
D	Thuế TNDN phải nộp từ hoạt động chuyển nhượng BĐS	D	
1	Thu nhập chịu thuế (D1 = B15)	D1	0
2	Lô từ hoạt động chuyển nhượng BDS được chuyển trong kỳ	D2	0
3	Thu nhập tính thuế (D3=D1-D2)	D3	0
4	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	D4	0
5	TNTT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ (D5=D3-D4)	D5	0
6	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS trong kỳ	D6	0
7	Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi đối với thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư - kinh doanh nhà ở xã hội để bán, cho thuê, cho thuê mua	D7	0
8	Thuế TNDN của hoạt động chuyển nhượng BĐS còn phải nộp kỳ này (D8=D6-D7)	D8	0
E	Số thuế TNDN phải nộp quyết toán trong kỳ (E=E1+E2+E5)	E	0
1	Thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh	E1	0
2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản (E2=E3+E4)	E2	0
2.1	<i>Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản</i>	E3	0
2.2	<i>Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ</i>	E4	0
3	Thuế TNDN phải nộp khác (nếu có)	E5	0
3.1	<i>Trong đó thuế TNDN từ xử lý Quỹ phát triển khoa học công nghệ</i>	E6	0
G	Số thuế TNDN đã tạm nộp (G=G1+G2+G3+G4+G5)	G	0
1	Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh		0
1.1	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này	G1	0
1.2	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm	G2	0
2	Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng BDS		0
2.1	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này của hoạt động chuyển nhượng BDS	G3	0
2.2	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm của hoạt động chuyển nhượng BDS	G4	0

2.3	Thuế TNDN đã tạm nộp các kỳ trước và trong năm quyết toán của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ	G5	0
H	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp	H	
1	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động sản xuất kinh doanh ($H1=E1+E5-G2$)	H1	0
2	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động chuyển nhượng BDS ($H2=E3-G4$)	H2	0
3	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ ($H3=E4-G5$)	H3	0
I	Số thuế TNDN còn phải nộp đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán thuế ($I=E-G=I1+I2$)	I	0
1	Thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh	$I1=E1+E5-G1-G2$	0
2	Thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động chuyển nhượng BDS	$I2=E2-G3-G4-G5$	0

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./...

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP
THUẾ**

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)

NGUYEN THANH TAM

Ghi chú:

1. TNDN: Thu nhập doanh nghiệp; BDS: Bất động sản;
2. Chỉ tiêu G1, G3: NNT kê khai số thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang bù trừ với số thuế TNDN phải nộp kỳ này
3. Chỉ tiêu D11, G2, G4, G5: NNT kê khai số thuế TNDN đã tạm nộp vào NSNN tính đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán. Ví dụ: NNT có kỳ tính thuế từ 01/01/2021 đến 31/12/2021 thì số thuế TNDN đã tạm nộp trong năm là số thuế TNDN đã nộp cho kỳ tính thuế năm 2021 tính từ ngày 01/01/2021 đến hết ngày 31/3/2022.
4. Trường hợp NNT là doanh nghiệp xổ số có hoạt động sản xuất kinh doanh khác hoạt động kinh doanh xổ số thì NNT kê khai số thuế TNDN phải nộp của hoạt động kinh doanh xổ số vào chỉ tiêu E1, số thuế TNDN phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh khác vào chỉ tiêu E2, E3.
5. Các chỉ tiêu E, G: NNT không kê khai số thuế TNDN phải nộp, đã tạm nộp của hoạt động được hưởng ưu đãi khác tính đã kê khai riêng.
6. Chỉ tiêu E4, G5, H3: NNT kê khai số thuế TNDN phải nộp, đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà được bàn giao kỳ này và có thu tiền ứng trước của khách hàng theo tiến độ (bao gồm số tiền đã thu của các kỳ trước và kỳ này).
7. Hạch toán số tiền 0 vào tiểu mục 1052: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động sản xuất kinh doanh (gồm cả dịch vụ trong lĩnh vực dầu khí)
8. Hạch toán số tiền 0 vào tiểu mục 1056: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động thăm dò, phát triển mỏ và khai thác dầu, khí thiên nhiên (không kể thuế thu nhập doanh nghiệp thu theo hiệp định, hợp đồng thăm dò, khai thác dầu khí)
9. Hạch toán số tiền 0 vào tiểu mục 1057: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động xổ số kiến thiết
10. Hạch toán số tiền 0 vào tiểu mục 1053: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ chuyển nhượng bất động sản



Ký điện tử bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VIỆT ANGROUP
Ngày ký: 31/03/2026 08:11:07.

PHỤ LỤC 24: Phụ lục Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

PHỤ LỤC
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
Áp dụng đối với ngành sản xuất, thương mại, dịch vụ (trừ công ty an ninh, quốc phòng)
(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp số 03/TNDN)

Mẫu số: **03-1A/TNDN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2025

[02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VIỆT ANGROUP
[03] Mã số thuế: 0401925475

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
	Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính:		
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	[04]	26.917.431.295
	Trong đó: - Doanh thu bán hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu	[05]	0
2	Các khoản giảm trừ doanh thu ([06]=[07]+[08]+[09])	[06]	0
a	Chiết khấu thương mại	[07]	0
b	Giảm giá hàng bán	[08]	0
c	Giá trị hàng bán bị trả lại	[09]	0
3	Doanh thu hoạt động tài chính	[10]	844.966
	Trong đó: Doanh thu từ lãi tiền gửi	[11]	0
4	Chi phí sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ ([12]=[13]+[14]+[15])	[12]	27.231.663.533
a	Giá vốn hàng bán	[13]	21.643.210.125
b	Chi phí bán hàng	[14]	1.549.863.861
c	Chi phí quản lý doanh nghiệp	[15]	4.038.589.547
5	Chi phí tài chính	[16]	2.066.493.113
	Trong đó: Chi phí lãi tiền vay	[17]	0
6	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh([18]=[04]-[06]+[10]-[12]-[16])	[18]	(2.379.880.385)
7	Thu nhập khác	[19]	1.596.299
8	Chi phí khác	[20]	24.382.292
9	Lợi nhuận khác ([21]=[19]-[20])	[21]	(22.785.993)
10	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp ([22]=[18]+[21])	[22]	(2.402.666.378)

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./...

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

NGUYEN THANH TAM

Thi chú: Số liệu chỉ tiêu [22] được tổng hợp vào chỉ tiêu A1 của Tờ khai 03/TNDN

 Ký điện tử bởi: **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VIỆT ANGROUP**
Ngày ký: 31/03/2026 08:11:07.

PHỤ LỤC 25: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

PHỤ LỤC

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2025

[02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VIỆT ANGROUP

[03] Mã số thuế: 0401925475

Mẫu số: **B 02 – DN**
(Ban hành theo
Thông tư số
200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014
của Bộ Tài chính)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VII.1	26.917.431.295	11.806.770.828
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VII.2	0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		26.917.431.295	11.806.770.828
4. Giá vốn hàng bán	11	VII.3	21.642.910.883	6.086.342.347
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		5.274.520.412	5.720.428.481
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.4	844.966	94.678
7. Chi phí tài chính	22	VII.5	2.066.493.113	0
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		0	0
8. Chi phí bán hàng	25	VII.8	1.549.863.861	0
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VII.8	4.038.589.547	3.566.477.269
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		(2.379.581.143)	2.154.045.890
11. Thu nhập khác	31	VII.6	1.596.299	0
12. Chi phí khác	32	VII.7	24.382.292	1.522.935.620
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(22.785.993)	(1.522.935.620)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(2.402.367.136)	631.110.270
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VII.10	0	0
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VII.11	0	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		(2.402.367.136)	631.110.270
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		0	0
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		0	0

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Lập, ngày 31 tháng 12 năm
2025
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

NGUYEN THANH TAM

Số chứng chỉ hành nghề:

Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán:

(*) Chỉ áp dụng tại công ty cổ phần

Ghi chú: Đối với người lập biểu là các đơn vị dịch vụ kế toán phải ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề, tên và địa chỉ Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán. Người lập biểu là cá nhân ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề.



Ký điện tử bởi: **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VIỆT ANGROUP**
Ngày ký: 31/03/2026 08:13:13.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

---o0o---

GIẤY NHẬN XÉT THỰC TẬP TỐT NGHIỆP

Họ và tên sinh viên : Võ Thị Thùy Trang Khoa : Kinh tế
Khoa : 2022-2026 Lớp : 22KH1
MSSV : 2254010017
Thực thuộc : Trường Đại Học Kiến Trúc Đà Nẵng
Thời gian thực tập : Từ ngày 02/05/2026 - 25/05/2026
Đơn vị thực tập : Công Ty Cổ phần Tập Đoàn Việt Angroup
Địa chỉ : Lô 4-A9.4 Đường 2/9, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng

Giảng viên hướng dẫn : TS. Trần Thượng Bích La

Sau quá trình thực tập tại đơn vị của sinh viên, chúng tôi có một số nhận xét đánh giá như sau :

Trong thời gian thực tập, sinh viên có thái độ làm việc nghiêm túc, tuân thủ quy định và nội quy tại công ty. Có tinh thần học hỏi, chủ động trong các công việc được giao. Luôn hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

Đà Nẵng, ngày 25 tháng 05 năm 2026

XÁC NHẬN CỦA ĐƠN VỊ

Người đại diện



Trần Thị Huyền